

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
☞ ☼ ☚



GIÁO TRÌNH

BẢO TÀNG HỌC

LÊ MINH CHIẾN

MỤC LỤC

Chương I	4
I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA BẢO TÀNG.....	4
II. BẢO TÀNG Ở VIỆT NAM.....	5
III. PHÂN LOẠI BẢO TÀNG.....	6
IV. ĐẶC TRƯNG CỦA BẢO TÀNG.....	7
1. Chức năng của bảo tàng.....	7
2. Di tích gốc là cơ sở của toàn bộ hoạt động của bảo tàng.....	9
Chương II	14
I. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC SƯU TẦM TRONG BẢO TÀNG.....	14
II. TÍNH CHẤT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA CÔNG TÁC SƯU TẦM.....	15
III. PHƯƠNG THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP SƯU TẦM DI TÍCH CỦA BẢO TÀNG.....	17
A. Phương pháp khảo sát.....	17
B. Phương pháp tổ chức những chuyến đi công tác khoa học.....	23
Chương III	26
I. NHIỆM VỤ KIỂM KÊ CÁC DI TÍCH CỦA BẢO TÀNG.....	26
II. KIỂM KÊ BƯỚC ĐẦU VÀ CHỈNH LÝ KHOA HỌC BƯỚC ĐẦU CÁC KHO BẢO TÀNG.....	27
1. Lập biên bản các di tích của bảo tàng.....	27
2. Sổ kiểm kê bước đầu.....	30
3. Các loại sổ kiểm kê các hiện vật bảo tàng khác.....	32
III. KIỂM KÊ HỆ THỐNG VÀ BIÊN MỤC KHOA HỌC KHO BẢO TÀNG.....	36
1. Nhiệm vụ và tổ chức biên mục khoa học.....	36
2. Biên mục khoa học hay hệ chiếu khoa học.....	36
3. Đánh số các di tích của bảo tàng.....	38
Chương IV	42
I. NHIỆM VỤ CỦA BẢO QUẢN VÀ TU SỬA CÁC DI TÍCH TRONG KHO CỦA BẢO TÀNG.....	42
II. PHÂN NHÓM CÁC DI TÍCH CHÍNH CỦA BẢO TÀNG.....	44
1. Phân nhóm và sắp xếp di tích.....	44
2. Nhiệt độ và Độ ẩm.....	46
3. Ánh sáng.....	47
4. Những tác hại do giới thực vật và động vật gây nên.....	47
III. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ BẢO QUẢN CÁC MẪU TỰ NHIÊN.....	52
1. Mẫu tự nhiên thuộc thành phần vô cơ.....	52
2. Mẫu tự nhiên thuộc thành phần hữu cơ.....	53

IV. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ BẢO QUẢN CÁC DI TÍCH CỦA BẢO TÀNG, DI TÍCH VĂN HOÁ.....	56
1. Những sản phẩm thuộc thành phần vô cơ.....	56
2. Những sản phẩm thuộc thành phần hữu cơ.....	63
3. Những sản phẩm thuộc thành phần phức tạp.....	67
Chương III.....	69
I. VỊ TRÍ VÀ Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC TRƯNG BÀY.....	69
II. TỔ CHỨC TRƯNG BÀY.....	70
1. Lập kế hoạch trưng bày:.....	70
2. Trang trí kiến trúc nghệ thuật.....	79
3. Bài viết trong trưng bày bảo tàng.....	81
4. Lắp ráp trưng bày.....	83
III. KỸ THUẬT TRƯNG BÀY.....	83
1. Sắp xếp hiện vật trưng bày.....	84
2. Màu sắc trong trưng bày bảo tàng.....	85
3. Ánh sáng trong trưng bày bảo tàng.....	85
4. Phương tiện trưng bày của bảo tàng.....	86
Chương VI.....	88
I. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN CHỨNG CỦA CÁC BẢO TÀNG.....	88
1. Thu hút người đến xem bảo tàng.....	88
2. Giúp người xem tìm hiểu nội dung trưng bày của bảo tàng.....	88
3. Tạo điều kiện phục vụ nhân dân ở những nơi xa bảo tàng.....	89
II. NHỮNG HÌNH THỨC CÔNG TÁC QUẢN CHỨNG.....	89
1. Hướng dẫn tham quan.....	89
2. Công tác tổ chức cuộc tham quan.....	93
3. Nói chuyện.....	95

CHƯƠNG I

BẢO TÀNG VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA BẢO TÀNG

I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA BẢO TÀNG.

Các Bảo tàng ra đời từ lâu. Lịch sử loài người còn giữ lại nhiều vết tích về những tổ chức của các Bảo tàng sơ khai. Đó là những đền miếu, nơi chứa những đồ cúng tế, thờ thần ở phương Đông, cũng như ở Hy Lạp thời cổ đại các nhà Bảo tàng (hiểu theo nghĩa đầy đủ của nó) chỉ xuất hiện ở giai đoạn phát triển nhất định của xã hội, khi con người bắt đầu có những hoạt động thu thập cất giữ các đối tượng khác nhau, trong thiên nhiên và trong đời sống xã hội, để làm bằng chứng về một sự kiện nào đó, hoặc nhằm đáp ứng những nhu cầu về thẩm mỹ, tình cảm, hoặc phục vụ mục đích chính trị nhất định.

Thuật ngữ “Bảo tàng” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp Mu-xê-i-ông (mouseion). Mu-xê-i-ông là tên một thung lũng nhỏ nằm giữa hai ngọn núi Pác-nác-xơ (Parnasse) và Hê-li-côn (Hélicon) ở thủ đô A-ten. Tại đây người ta đã tìm thấy bàn thờ chín vị thi thần là con của thần Dớt (Zues) và nữ thần Mơ-nê-mô-xin (Mnémosyne).

Thời kỳ đầu, ngoài tính chất tôn giáo, Bảo tàng còn gắn bó mật thiết với sự phát triển của các bộ môn nghệ thuật như: hội họa, điêu khắc... Hầu hết các sưu tập di tích⁽¹⁾ chứa đựng trong các nhà thờ, tu viện, cũng như những đồ vật cướp được trong chiến tranh, đều là các tác phẩm hội họa, những bức tượng nổi tiếng.

Đến thời kỳ Phục Hưng, các nhà tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa đã nhìn nhận giá trị của các sưu tập di tích dưới góc độ khoa học. Vì vậy các sưu tập di tích ngày càng hoàn chỉnh và mở rộng.

Đó là điều kiện tiên quyết cho việc ra đời của các Bảo tàng.

Các bảo tàng cổ đại là nơi chứa đựng chủ yếu các tác phẩm nghệ thuật. Các bảo tàng châu Âu ở giai đoạn cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (thế kỷ 16 –18) đã mở rộng phạm vi sưu tầm tới những đối tượng tự nhiên như: những mẫu động vật, thực vật, các loại mẫu khoáng sản, dụng cụ thiên văn, đôi khi có cả đồ dùng sinh hoạt và vũ khí ở nước ngoài. Những phát kiến địa lý cũng có vai trò lớn trong việc sưu tầm tư liệu bổ sung cho các sưu tập bảo tàng. Nhiều mẫu động vật, thực vật mới, các loại trang phục kỳ lạ, ở những địa phương xa xôi được các lái buôn, các nhà du lịch châu Âu sưu tầm, làm

⁽¹⁾ Di tích bao gồm động sản và bất động sản.

cơ sở xây dựng các bảo tàng gắn với ý nghĩa hiện đại. Từ đó, vai trò của bảo tàng đã chuyển từ những kho chứa đồ cổ, thành nơi phát kho của những những hoạt động tìm tòi khoa học, về tự nhiên cũng như xã hội.

Cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, nhiều loại bảo tàng được hình thành, theo đà phát triển của các ngành khoa học như: bảo tàng lịch sử quân sự, khảo cổ học, bảo tàng khảo cứu địa phương, bảo tàng kiến trúc gỗ ngoài trời mang tính chất dân tộc học.

II. BẢO TÀNG Ở VIỆT NAM.

Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 Đảng và Nhà nước ta đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục nói chung, sự nghiệp bảo tồn bảo tàng nói riêng. Công tác bảo tồn bảo tàng thực sự trở thành một bộ phận quá trình cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Qua từng giai đoạn phát triển của cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết về công tác bảo tồn, bảo tàng ở Việt Nam. Chỉ ba tháng sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, mặc dù còn bận nhiều việc, Hồ Chủ Tịch đã ký sắc lệnh số 65 ngày 23-11-1945 quy định cụ thể việc bảo vệ tất cả các di tích lịch sử và văn hóa trên lãnh thổ nước ta.

Ngày 29-10-1957 Thủ tướng Chính phủ ban hành nghị định 519/TTg ghi rõ:

“Tất cả những bất động sản và động sản có giá trị lịch sử hay nghệ thuật (kể cả bất động sản hay động sản còn nằm dưới đất hay dưới nước) và những danh lam thắng cảnh ở trên lãnh thổ nước Việt Nam, bất cứ là thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, một đơn vị hành chính, một cơ quan, một đoàn thể hoặc một tư nhân, từ nay đều đặt dưới chế độ bảo vệ của Nhà nước”. Văn bản pháp chế quan trọng này có tác dụng to lớn trong công tác bảo tồn bảo tàng ở nước ta.

Thông qua công tác điều tra, phát hiện di tích, ngành bảo tồn bảo tàng nắm được những số liệu cơ bản, để xây dựng kế hoạch quản lý lâu dài, đồng thời từng bước nâng cao ý thức quý trọng di tích lịch sử, văn hóa cho đông đảo quần chúng.

Sau khi tiến hành nghiên cứu, phân loại, nhiều di tích có giá trị tiêu biểu được xếp hạng do các tổ chức Nhà nước quản lý, bảo vệ. Ngày 3-9-1958 trên cơ sở tiếp thu, cải tạo bảo tàng Lu-i Phi-nô (Louis Finot) ở Hà Nội, Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam đã ra đời với nội dung hoàn toàn mới. Hiện nay Bảo tàng Lịch sử là một trong những cơ quan nghiên cứu khoa học, nơi gìn giữ, bảo quản và trưng bày các sưu tập hiện vật về lịch sử Việt Nam.

Ngày 6-1-1959 Viện bảo tàng Cách mạng Việt Nam được khánh thành và đón khách tham quan.

Tiếp theo đó, một số bảo tàng khác lần lượt được xây dựng như: Viện bảo tàng Quân đội, Viện bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam v.v... Ngoài ra, chúng ta còn xây dựng được hệ thống các phòng trưng bày tại các di tích: làng Kim Liên (Nghệ An), Pác Bó (Cao Bằng), Tân Trào (Tuyên Quang), nhà sàn và nơi làm việc của Bác Hồ trong Phủ Chủ tịch. Các bảo tàng khảo cứu địa phương cũng được xây dựng.

III. PHÂN LOẠI BẢO TÀNG

Trong thực tế, các bảo tàng khác nhau về loại hình, về đặc điểm kho bảo quản và khác nhau về nhiệm vụ cụ thể do xã hội quy định.

Trong hoạt động của mình, mỗi bảo tàng có quan hệ trực tiếp tới một ngành khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật cụ thể. Các ngành đó không hoàn toàn giống nhau, nên nội dung và hình thức hoạt động của các bảo tàng cũng khác nhau.

Bảo tàng cổ sinh vật học sâu tằm, bảo quản, trưng bày, những dấu tích hoá thạch của các loài động vật, thực vật đã mất đi. Bảo tàng địa chất nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày các loại khoáng sản có ích. Ngược lại, các bảo tàng Lịch sử, bảo tàng Cách mạng, bảo tàng Dân tộc học chỉ quan tâm chủ yếu tới các di tích văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần do con người sáng tạo ra qua các giai đoạn phát triển của xã hội v.v...

Hoạt động của bảo tàng phụ thuộc vào nhiều ngành khoa học khác nhau. Các bảo tàng khảo cứu địa phương, thường sử dụng thành quả nghiên cứu của hầu hết các ngành khoa học tự nhiên cũng như xã hội. Vì nội dung trưng bày của nó mang tính chất tổng hợp, giới thiệu về lịch sử phát triển tự nhiên và xã hội ở một địa phương nhất định.

Các bảo tàng lưu niệm thường liên quan tới các sự kiện lịch sử trọng đại, hoặc hoạt động của các nhân vật nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật. Do đó, bảo tàng lưu niệm thuộc loại hình khoa học lịch sử.

Trong thực tế, có bảo tàng xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của mọi tầng lớp xã hội. Có bảo tàng thuộc các cơ quan giáo dục nhằm mục đích giảng dạy. Có bảo tàng do các cơ quan nghiên cứu khoa học xây dựng, nhằm phục vụ cán bộ nghiên cứu của cơ quan mình, và cán bộ nghiên cứu của một số ngành khoa học hữu quan. Sự khác biệt về chức năng xã hội của các bảo tàng biểu hiện qua việc sắp xếp vật trong phần trưng bày. Có bảo tàng trưng bày theo hệ thống. Có bảo tàng trưng bày theo chuyên đề. Có bảo tàng kết hợp cả hai nguyên tắc trưng bày trên.

Căn cứ vào nội dung và hình thức hoạt động của các bảo tàng, dựa trên cơ sở mối quan hệ giữa chúng với một ngành khoa học cụ thể, người ta phân

thành hai loại hình cơ bản: loại hình bảo tàng khoa học tự nhiên và loại hình bảo tàng khoa học lịch sử.

Loại hình bảo tàng khoa học tự nhiên: gồm các bảo tàng tương ứng với các ngành khoa học tự nhiên như bảo tàng động vật học, thực vật học, địa chất học v.v...

Loại hình bảo tàng khoa học lịch sử: gồm các bảo tàng liên quan đến các ngành khoa học xã hội như bảo tàng Lịch sử, bảo tàng Cách mạng, bảo tàng Quân đội, bảo tàng Dân tộc học, bảo tàng kỹ thuật v.v...

IV. ĐẶC TRƯNG CỦA BẢO TÀNG.

1. Chức năng của bảo tàng.

Bảo tàng hiện đại thường có hai chức năng xã hội cơ bản sau:

1) Thu thập, cất giữ các tư liệu về lịch sử phát triển của tự nhiên, xã hội và những vật quý, hiếm, có giá trị thẩm mỹ cao. Sau khi đã nghiên cứu, xác định khoa học, hệ thống hoá các tư liệu, di tích gốc đó, bảo tàng tiến hành các biện pháp giữ gìn, bảo quản và tu sửa các di tích gốc, để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của mình cũng như của các cơ quan khoa học khác.

2) Tất cả các hình thức hoạt động tuyên truyền giáo dục khoa học khác nhau của bảo tàng đều phải dựa trên cơ sở các phần trưng bày hiện vật⁽¹⁾ và tư liệu sẵn có trong kho bảo quản.

Các nhà bảo tàng học cho rằng: bảo tàng có hai chức năng cơ bản; Chức năng nghiên cứu khoa học và chức năng giáo dục khoa học. Hai chức năng này có mối liên hệ khăng khít và tác động qua lại lẫn nhau. Sự thống nhất giữa hai chức năng nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học, là một đặc trưng cơ bản của các bảo tàng hiện đại và là nhân tố quyết định vị trí, sự tồn tại của bảo tàng trong xã hội hiện đại.

Chức năng nghiên cứu khoa học của bảo tàng biểu hiện ở hai mặt hoạt động cụ thể:

- Những hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm không ngừng bổ sung cho kho bảo quản cơ sở của bảo tàng những di tích gốc có giá trị tiêu biểu về các mặt lịch sử, khoa học, thẩm mỹ.

- Những hoạt động có liên quan tới việc chỉnh lý, hệ thống hóa và bảo quản một cách khoa học các di tích của bảo tàng, nhằm biến các di tích đó thành nguồn tư liệu đáng tin cậy, phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của các ngành khác nhau. Đồng thời nâng cao trình độ văn hóa cho đông đảo quần chúng nhân dân.

⁽¹⁾ Hiện vật bảo tàng là những di tích đưa ra trưng bày

Bảo tàng khác với các cơ quan nghiên cứu khoa học khác ở chỗ, nó lấy di tích gốc làm đối tượng nghiên cứu chính của mình. Mọi hoạt động nghiên cứu khoa học của bảo tàng đều xoay quanh di tích gốc. Bảo tàng nghiên cứu, xác định nội dung lịch sử, khoa học, và nghệ thuật chứa đựng trong di tích gốc. Kết hợp với nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật thích hợp để bảo quản trưng bày, giới thiệu các di tích gốc làm cho người xem hiểu được nội dung của chúng.

Việc lấy di tích gốc làm cơ sở nghiên cứu là một đặc điểm quan trọng, trong chức năng nghiên cứu khoa học của bảo tàng. Nhưng không có nghĩa là: hoạt động nghiên cứu khoa học của bảo tàng dừng lại ở việc xác định và giới thiệu nội dung của di tích gốc, mà bảo tàng phải vận dụng những thành tựu nghiên cứu khoa học của các ngành khoa học khác vào các mặt công tác của mình.

Thực tiễn cho thấy rằng mối quan hệ giữa bảo tàng với các cơ quan khoa học và cơ quan văn hóa giáo dục khác, là mối quan hệ hai chiều, tác động lẫn nhau. Thành quả nghiên cứu khoa học của bảo tàng, phục vụ đắc lực công tác nghiên cứu khoa học của các cơ quan khoa học khác, tạo điều kiện cho các ngành khoa học khác phát triển và ngược lại.

Chức năng thứ hai của bảo tàng là chức năng giáo dục khoa học vì hai lý do cơ bản sau:

1. Mọi hoạt động giáo dục của bảo tàng dù được tiến hành dưới bất kỳ hình thức nào cũng phải dựa trên cơ sở nghiên cứu di tích gốc, không có di tích gốc thì không có phần trưng bày bảo tàng, do đó không có hoạt động giáo dục của bảo tàng.

Trong các bảo tàng, công tác nghiên cứu khoa học đi trước một bước, làm cơ sở cho công tác giáo dục khoa học.

2. Bảo tàng thực hiện chức năng giáo dục khoa học của mình bằng cách tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học cho người xem.

Trong hoạt động giáo dục khoa học của bảo tàng, hình thức hướng dẫn tham quan các phần trưng bày cố định và triển lãm thường kỳ tại bảo tàng, là hình thức quan trọng nhất. Qua đó, người xem được quan sát trực tiếp hiện vật gốc, tự mình suy nghĩ và đi tới những kết luận cụ thể, về một sự kiện lịch sử, một hiện tượng xã hội giới thiệu trong phần trưng bày đó.

Hoạt động giáo dục khoa học bằng cách tiếp xúc trực tiếp với hiện vật gốc, thông qua phần trưng bày là đặc điểm quan trọng nhất, giúp phân biệt bảo tàng với các cơ quan văn hóa, giáo dục khác.

2. Di tích gốc là cơ sở của toàn bộ hoạt động của bảo tàng.

Nghiên cứu lịch sử phát triển của bảo tàng chúng ta thấy không thể lấy định nghĩa bảo tàng hiện đại áp dụng cho các bảo tàng trước đây. Nhưng chúng ta vẫn có khả năng xác định dấu hiệu chung của bảo tàng mà không phụ thuộc vào tên gọi của chúng.

Dấu hiệu chung nhất của tất cả các bảo tàng là di tích gốc, và hoạt động đầu tiên mang tính chất bảo tàng là hoạt động thu thập, gìn giữ các di tích và các đối tượng lấy từ trong thiên nhiên và đời sống xã hội loài người.

Lúc đầu các bảo tàng chỉ là những kho chứa các vật quý, hiếm, các tác phẩm nghệ thuật. Về sau do nhu cầu phát triển của các ngành khoa học, người ta đã nghiên cứu, hệ thống hoá các di tích đó, và xây dựng thành những sưu tập hoàn chỉnh theo từng chủ đề nhất định. Như thế kho bảo quản các bảo tàng không ngừng được bổ sung đã phục vụ kịp thời công tác nghiên cứu khoa học.

Những sưu tập di tích của bảo tàng là nguồn tư liệu đầu tiên của kiến thức phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng là những tư liệu gốc để thoả mãn sự quan tâm của quần chúng đối với những sự kiện, hiện tượng tự nhiên và xã hội.

Chỉ có kho bảo quản di tích gốc và các sưu tập, thì bảo tàng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của khoa học và không thể thoả mãn nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của quần chúng. Muốn thực hiện đầy đủ chức năng của mình, các bảo tàng phải tiến thêm một bước mới là: tổ chức phần trưng bày và mở cửa phục vụ người xem.

- Các bảo tàng hoàn chỉnh với tất cả ý nghĩa hiện đại đã hình thành gồm hai cơ cấu chính: kho bảo quản di tích gốc và phần trưng bày.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học của bảo tàng dựa trên cơ sở tư liệu gốc để quy định đặc trưng cơ bản của bảo tàng.

- Di tích gốc bảo tàng là nguồn tư liệu đầu tiên của kiến thức, nó chứa đựng lượng thông tin về những sự kiện, hiện tượng tự nhiên xã hội, và là bằng chứng về những sự kiện, hiện tượng ấy. Khi giới thiệu cho người xem các hiện vật gốc, bảo tàng đã đóng góp một cách tích cực vào việc phát triển tri thức con người. Muốn vậy, bảo tàng phải tạo điều kiện cho người xem tiếp xúc trực tiếp với hiện vật gốc, để họ nhận thức được hiện thực phản ánh trong phần trưng bày bằng cảm giác trực tiếp.

Quá trình nhận thức gồm hai giai đoạn cơ bản:

1. Nhận thức cảm tính.
hờ cảm giác trực tiếp.
2. Nhận thức tư duy lý tính.

Lê-nin viết: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, đó là con đường biện chứng của nhận thức chân lý, của nhận thức hiện thực khách quan”

Để thực hiện được chức năng giáo dục khoa học, trong phần trưng bày bảo tàng phải phản ánh được các mặt khác nhau của lịch sử phát triển tự nhiên và xã hội. Nghĩa là, bảo tàng phải tạo ra những điều kiện cần thiết cho người xem thực hiện tốt giai đoạn đầu tiên của quá trình nhận thức.

- Di tích gốc của bảo tàng là nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức, nhờ đó bảo tàng mới trở thành cơ quan nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học. Nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức chứa đựng trong các di tích gốc bảo tàng là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau.

Ví dụ: thông qua việc nghiên cứu hàng chục triệu mẫu vật, trong tự nhiên tập trung ở các bảo tàng địa chất học, thổ nhưỡng học, thực vật học, động vật học mà các nhà khoa học có thể phân loại thực vật, động vật, các loại quặng để rút ra những kết luận khoa học cần thiết.

- Di tích gốc của bảo tàng là nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức. Vì nó gắn liền với các sự kiện, hiện tượng với những người thực, việc thực, hoặc được trực tiếp lấy từ trong thiên nhiên. Nhờ đó, di tích gốc của bảo tàng mới có khả năng gây xúc động mạnh mẽ đối với người xem và cung cấp cho các cán bộ nghiên cứu khoa học những kiến thức chính xác về đối tượng họ định nghiên cứu. Muốn hiểu rõ di tích gốc của bảo tàng, cần phải xác định đúng mối tương quan giữa sự thể hiện vật chất của di tích và nội dung thực của nó. Chính nội dung thực mới là yếu tố quyết định khả năng nhận thức.

- Di tích là những tài liệu viết bằng văn tự cũng có hai thuộc tính cơ bản là nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức và tư liệu của kiến thức. Nhưng sự thể hiện vật chất của loại di tích này không truyền đạt được nội dung thực của nó. Nội dung thực của các di tích “tài liệu văn tự viết” được thể hiện qua từ ngữ tức là qua những khái niệm trừu tượng, nên khả năng gây xúc động của loại di tích này bị hạn chế. Muốn hiểu được nội dung thực của di tích “tài liệu văn tự viết” người xem phải dừng lại để đọc, suy nghĩ, nội dung của những câu văn viết trong đó. Nhược điểm đó hạn chế tính chất trực quan của phần trưng bày bảo tàng.

- Di tích thể khối là loại di tích có đầy đủ các thuộc tính cần thiết cho công tác trưng bày của bảo tàng. Ở loại di tích này, nội dung thực của nó được nhận thức thông qua việc tiếp thu sự thể hiện vật chất của vật đó. Do khả năng tác động bằng trực giác nên di tích thể khối có sức thu hút rất lớn với người xem.

- Di tích có hình ảnh (ảnh chụp, các tác phẩm nghệ thuật) là loại tài liệu đặc biệt, chúng có khả năng gây xúc cảm thẩm mỹ tới người xem. Đối với loại di tích này mối tương quan giữa sự thể hiện vật thật và nội dung thực rất phức tạp. Có trường hợp giống như loại di tích “tài liệu văn tự viết”, sự thể

hiện vật thật của loại di tích có hình ảnh không biểu hiện đúng hoàn toàn nội dung thực của nó. Muốn nắm vững nội dung của loại di tích này ta phải nhận thức nó thông qua việc thụ cảm trực giác đối tượng được mô tả trong các bức ảnh và các tác phẩm nghệ thuật.

Mặt khác, nội dung thực của các loại di tích có hình ảnh, nhất là nội dung thực của một tác phẩm nghệ thuật tạo hình thường rất phong phú, phức tạp nhưng lại có tác động trực giác mạnh hơn di tích thể khối vì:

- Đối tượng phản ánh trong tác phẩm nghệ thuật được thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật thông qua tư duy chủ quan của tác giả.

- Các nhà nghệ sĩ như nhiếp ảnh, họa sĩ, điêu khắc v.v... thường suy nghĩ, tìm tòi mọi biện pháp nghệ thuật để thể hiện đối tượng mà mình mô tả thật cụ thể, rõ ràng, nên nội dung của loại di tích này được thụ cảm rất nhanh và thoải mái.

Tóm lại, một vật được gọi là di tích của bảo tàng khi nó chứa đựng nguồn tư liệu gốc của kiến thức, có khả năng gây xúc động cho người xem, đồng thời được bảo quản tốt theo những yêu cầu bảo quản của bảo tàng.

Bảo tàng phản ánh lịch sử phát triển tự nhiên và xã hội thông qua phần trưng bày của mình. Muốn cho người xem tiếp thu được nội dung trưng bày, bảo tàng phải cung cấp cho họ những hiểu biết cụ thể về di tích và đưa ra những khái niệm về mối liên hệ giữa các loại di tích, để họ tự rút ra những kết luận cần thiết, cho nên phần trưng bày của bảo tàng phải là sự tổng hợp của nhiều loại di tích khác nhau.

Di tích sử dụng trong trưng bày bảo tàng được chia làm hai nhóm cơ bản sau:

1. Di tích gốc, nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức đối tượng trực tiếp của nhận thức.

2. Di tích trung gian cho nhận thức hiện thực khách quan và tiêu biểu cho những kinh nghiệm gián tiếp mà loài người đã tích lũy được trong quá trình phát triển lịch sử.

Kiến thức loài người thu được qua quá trình phát triển của xã hội được đúc rút từ những kinh nghiệm trực tiếp. Nhưng mỗi người không thể trực tiếp thể nghiệm hết tất cả những gì có trên thế giới. Vì vậy, cùng một sự kiện, hiện tượng, nhưng đối với người này là kinh nghiệm trực tiếp, còn đối với người khác lại là kinh nghiệm gián tiếp.

Ví dụ: công cụ lao động của người nguyên thủy và các di tích khảo cổ khác có trong phần trưng bày cung cấp cho chúng ta kinh nghiệm trực tiếp, hiểu biết trực tiếp về các di tích văn hóa đó. Ngược lại, các công trình khoa học của các nhà khảo cổ học mô tả các công cụ lao động của người nguyên thủy chỉ cung cấp cho bạn đọc kinh nghiệm gián tiếp, trung gian của những tri thức mà các nhà khảo cổ học rút ra được trong khi nghiên cứu trực tiếp các công cụ đó.

Phân chia hiện vật trưng bày ra làm hai loại: hiện vật gốc và hiện vật trung gian, các nhà bảo tàng học muốn xác định rõ ranh giới giữa tính trực quan và tính vật chất – **đặc trưng cơ bản của phần trưng bày bảo tàng**.

Tính vật chất là các hiện vật gốc, đối tượng lấy trực tiếp từ hiện thực. Các hiện vật gốc đó là nguồn tư liệu đầu tiên của nhận thức cảm tính, nên chúng có thể cung cấp cho người xem những kinh nghiệm trực tiếp về hiện thực.

- Tính trực quan là sự tái hiện hình thức của tất cả các hiện tượng, hiện vật như: hình ảnh, biểu đồ, hình mẫu, mô hình v.v... Các hiện vật trung gian làm môi giới dẫn dắt tri thức, là hình thức trực quan để truyền đạt những kinh nghiệm gián tiếp của nhận thức cảm tính.

- Hiện vật gốc và hiện vật trung gian đều cần thiết cho công tác trưng bày của bảo tàng, nhưng chức năng và ý nghĩa của chúng không hoàn toàn giống nhau. Sử dụng hiện vật gốc hay hiện vật trung gian là tùy theo yêu cầu của phần trưng bày, nhưng không được dùng loại hiện vật này thay cho loại hiện vật kia. Tuyệt đối hiện vật gốc, vì làm như thế là phủ nhận đặc trưng của bảo tàng, hạ thấp hiệu quả của phần trưng bày, cản trở hoạt động giáo dục khoa học của bảo tàng.

Căn cứ vào tác dụng và chức năng của hiện vật sử dụng trong trưng bày, người ta chia làm năm loại.

1. Hiện vật gốc.
2. Hiện vật làm lại chính xác như hiện vật gốc bảo đảm tính chất khoa học.
3. Tác phẩm nghệ thuật sử dụng trong phần trưng bày với tư cách là tài liệu minh họa cho các sự kiện và hiện tượng.
4. Tư liệu khoa học hỗ trợ.
5. Các bài viết.

Riêng hiện vật gốc được phân thành ba nhóm:

a) Di tích văn hóa và đối tượng lịch sử tự nhiên. Đó là những đối tượng nghiên cứu khoa học và là những nguồn tư liệu đầu tiên của kiến thức.

b) Những hiện vật lấy từ trong đời sống hiện tại. Những hiện vật này chứng minh cho những thành tựu xuất sắc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chứng minh cho những hiện tượng mới, điển hình của thời đại.

c) Những mẫu vật về động vật, thực vật được trực tiếp lấy từ trong thiên nhiên ra.

Tóm lại, hiện vật của bảo tàng có nhiều loại, chức năng, tác dụng của chúng trong phần trưng bày cũng khác nhau, nhưng quan trọng nhất vẫn là hiện vật gốc. Các loại hiện vật khác nhau dù có ưu điểm đến đâu cũng không thể thay thế được hiện vật gốc. Các hiện vật trung gian được sử dụng vào phần trưng bày nhằm làm rõ nội dung hiện vật gốc, tạo điều kiện cho

người xem nhận thức sâu sắc nội dung hiện vật gốc. Hiện vật gốc là trung tâm của tất cả các bảo tàng, nó xuyên suốt toàn bộ các hoạt động của bảo tàng.

Công tác sưu tầm của bảo tàng dù được tiến hành bằng phương pháp nào thì mục đích của nó vẫn là tìm tòi, phát hiện, lựa chọn những di tích gốc có giá trị điển hình để bổ sung cho kho bảo quản cơ sở bảo tàng, và để phục vụ cho việc xây dựng và chỉnh lý phần trưng bày.

Công tác kiểm kê, xác định, ghi chép khoa học các di tích của bảo tàng thực chất là hoạt động nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ nội dung, giá trị của di tích gốc về các mặt lịch sử, khoa học, nghệ thuật, đồng thời tạo điều kiện để cho di tích gốc được bảo vệ vững chắc về mặt pháp lý.

Công tác bảo quản của bảo tàng có nhiệm vụ nghiên cứu những biện pháp có hiệu quả nhất để giữ gìn cho di tích gốc sống mãi với thời gian, để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và trưng bày của bảo tàng.

Công tác trưng bày của bảo tàng nhất thiết phải dựa trên cơ sở di tích gốc. Không có di tích gốc thì không có trưng bày bảo tàng và do đó cũng không có công tác giáo dục của bảo tàng.

Công tác giáo dục khoa học của bảo tàng cũng là nhằm đạt tới mục đích cao nhất – phát huy tác dụng của các di tích gốc (hiện vật gốc) có trong kho bảo quản cơ sở và phần trưng bày bảo tàng.

Như vậy đặc trưng của bảo tàng là mối liên hệ hữu cơ, mật thiết giữa di tích gốc, kho bảo quản cơ sở và phần trưng bày của bảo tàng.

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC SƯU TẦM

I. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC SƯU TẦM TRONG BẢO TÀNG.

Bất kỳ một bảo tàng nào, dù quy mô của nó lớn hoặc nhỏ đều phải có một số lượng tối thiểu di tích gốc trong kho cơ sở. Do đó công tác sưu tầm di tích gốc để bổ sung cho kho cơ sở là rất quan trọng. Việc kiện toàn kho cơ sở liên quan chặt chẽ tới công tác nghiên cứu khoa học và công tác trưng bày của các bảo tàng. Song bản thân công tác sưu tầm có ý nghĩa độc lập nhằm những mục đích và nhiệm vụ của nó và sử dụng một hệ thống phương pháp riêng.

Trong hoạt động của bảo tàng, công tác sưu tầm có ý nghĩa to lớn, nó tạo ra cơ sở vật chất – những di tích gốc, nguồn tư liệu đầu tiên của nhận thức về các sự kiện, hiện tượng, quá trình của lịch sử phát triển tự nhiên và xã hội. Công tác sưu tầm được coi như là nền tảng cho toàn bộ các khâu công tác của bảo tàng. Lịch sử sự nghiệp bảo tàng nước ta và thế giới đã chứng minh điều đó.

Là cơ quan nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học, bảo tàng cần được bổ sung có hệ thống các sưu tập bảo tàng. Một bảo tàng dù có quy mô lớn, kho của nó có phong phú thì bảo tàng đó vẫn phải tiếp tục sưu tầm, bổ sung di tích cho kho cơ sở.

Những nhiệm vụ chủ yếu của công tác sưu tầm bảo tàng do loại hình của nó quy định nhưng phải bảo đảm:

1. Cung cấp di tích của bảo tàng để xây dựng và chỉnh lý các phần trưng bày.
2. Tập trung những di tích có giá trị về mặt khoa học, lịch sử, nghệ thuật và những di tích có thể bị hủy hoại nhanh vào các kho tương ứng với loại hình của bảo tàng để bảo quản.
3. Tiến hành công tác nghiên cứu khoa học của bảo tàng đối với di tích gốc – nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức.

Công tác sưu tầm của một bảo tàng thường được phân thành hai thời kỳ trước và sau khi mở cửa bảo tàng. Trước khi mở cửa bảo tàng, nhiệm vụ chủ yếu là sưu tầm di tích đáp ứng cho nhu cầu trưng bày. Sau khi bảo tàng đã mở cửa, công tác sưu tầm chủ yếu là bổ sung cho kho cơ sở. Như vậy, công tác sưu tầm phải kết hợp nhiệm vụ trước mắt với nhiệm vụ lâu dài, kết hợp nhiệm vụ phục vụ trưng bày với nhiệm vụ kiện toàn và làm phong phú kho cơ sở. Thêm vào đó, sưu tầm nhằm tập trung những di tích có ý nghĩa khoa

học, lịch sử, nghệ thuật thuộc loại hình của mình và những di tích có thể bị huỷ hoại đưa về bảo tàng để bảo quản. Thực tiễn công tác bảo tàng ở nước ta cho thấy các nhiệm vụ trên chưa được bảo tàng quan tâm đúng mức, thường các bảo tàng chỉ chạy theo những nhu cầu trước mắt. Nhiệm vụ sau có một ý nghĩa khoa học và ý nghĩa quốc gia, xem thường nó, đánh giá lệch lạc nó đều có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến việc bảo vệ những di sản văn hóa.

Công tác sưu tầm của các bảo tàng dù thuộc nhiều loại hình khác nhau cũng đều phải bảo đảm cho việc bảo quản trong kho của mình tất cả những di tích văn hóa có ý nghĩa khoa học, lịch sử, nghệ thuật, đặc biệt là tất cả những di tích quan trọng nhất, điển hình nhất.

II. TÍNH CHẤT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA CÔNG TÁC SƯU TẦM

Di tích được sưu tầm về, trước khi nhập vào kho cơ sở phải được tiểu ban xét chọn di tích của bảo tàng thảo luận và nhất trí. Chất lượng công tác sưu tầm phải được đánh giá. Vì vậy người sưu tầm phải nắm vững nghiệp vụ và có kiến thức khoa học của về bảo tàng. Những di tích thu thập được là những di tích có thật trong lịch sử, nó chứng minh cho một sự kiện, hiện tượng nào đó trong lịch sử phát triển của tự nhiên và xã hội. Người sưu tầm có nhiệm vụ lựa chọn những di tích điển hình, nghiên cứu và khám phá ra nội dung của nó. Mọi sự tùy tiện, gán ghép cho di tích nội dung mà nó vốn không có, Nhiệm vụ của cán bộ sưu tầm không chỉ sưu tầm di tích gốc, mà còn phải làm sáng tỏ mối quan hệ giữa di tích với các sự kiện, hiện tượng có liên quan.

Việc sưu tầm đủ bộ các sưu tập bảo tàng đòi hỏi phải có sự lựa chọn khoa học nghiêm túc. Không thể chất đầy kho cơ sở của bảo tàng những di tích không có ý nghĩa khoa học. Lựa chọn các sưu tập bảo tàng đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn, phải có thói quen. Công việc này chỉ có thể giao cho những cán bộ khoa học giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao nhất của bảo tàng. Là những người đã được đào tạo về lý thuyết chung và được trang bị kiến thức chuyên môn về bộ môn khoa học đó, đã nắm được phương pháp và kỹ thuật thích hợp để nghiên cứu (ví dụ: phương pháp nghiên cứu khảo cổ học, dân tộc học, kỹ thuật tuyển chọn thực vật, côn trùng, các mẫu vật địa chất v.v...).

Có kiến thức chuyên môn, người cán bộ sưu tầm mới xác định được tính chất gốc, giá trị lịch sử khoa học, nghệ thuật của các sự kiện, hiện tượng, mới có thể phát hiện được những mối quan hệ và quy luật nhất định của nó tồn tại một cách khách quan trong tự nhiên hay xã hội. Thực tiễn công tác sưu tầm của các bảo tàng ở nước ta cho thấy các cán bộ sưu tầm chưa xác

định được tính chất điển hình đối với những di tích đã thu thập, đặc biệt đối với những di tích phản ánh những sự kiện hiện thời, vì trình độ chuyên môn của họ chưa cao. Do đó người cán bộ sưu tầm cần phải có kiến thức mới có thể lựa chọn được những di tích tiêu biểu, điển hình trong một sự kiện, hiện tượng phức tạp.

Việc kiện toàn kho cơ sở của bảo tàng đòi hỏi công tác nghiên cứu khoa học phải tiến hành có hệ thống. Các sưu tập bảo tàng phải gắn chặt với loại hình bảo tàng và đi đôi với việc nghiên cứu những đề tài cần thiết về lịch sử tự nhiên và xã hội. Những di tích gốc tương ứng bổ sung cho kho cơ sở mà cán bộ khoa học thu thập được trong quá trình nghiên cứu là kết quả của một công trình nghiên cứu khoa học trên bình diện bảo tàng.

Công tác sưu tầm của bảo tàng không chỉ dựa vào công tác nghiên cứu khoa học tương ứng mà còn dựa vào việc nghiên cứu sơ bộ những đề tài đã chọn qua sách vở chuyên môn, qua các văn bản lưu trữ, các sưu tập bảo tàng và qua các nguồn tư liệu khác.

Công tác sưu tầm của bảo tàng được tổ chức tốt, các di tích gốc thu về kho cơ sở càng nhiều thì công tác nghiên cứu khoa học càng đạt được nhiều kết quả.

Tính chất nghiên cứu khoa học của công tác sưu tầm còn thể hiện ở việc kế hoạch hoá kiện toàn kho cơ sở. Công việc này phải tiến hành có kế hoạch, có hệ thống và liên tục, cần phải vạch được kế hoạch dài hạn năm năm. Việc vạch kế hoạch kiện toàn kho cơ sở của bảo tàng là một nhiệm vụ hết sức phức tạp. Để giải quyết được nhiệm vụ đó, đòi hỏi phải tiến hành công tác nghiên cứu khoa học nghiêm túc.

Kế hoạch hoá công tác sưu tầm của bảo tàng có quan hệ chặt chẽ với công tác nghiên cứu khoa học và công tác trưng bày. Không hiểu biết chính xác thành phần hiện có của các kho thì không thể thực hiện được công việc này. Khi chưa biết một cách chính xác trong kho bảo tàng đã có những gì thì ta chưa thể bắt tay lựa chọn các sưu tập mới được. Muốn kiện toàn kho cơ sở, bảo tàng cần tập trung mọi sự chú ý, mọi lực lượng khoa học và phương tiện vật chất để sưu tầm đủ bộ những sưu tập mà bảo tàng cần thiết.

Để đảm bảo cho công tác sưu tầm đạt kết quả thì kế hoạch làm việc hàng năm phải rõ ràng. Trong ngân sách chi tiêu của bảo tàng phải dành những khoản tiền riêng để tiến hành công tác sưu tầm, như mua các sưu tập, tiến hành những chuyến công tác khoa học, những cuộc khảo sát, trả tiền quảng cáo trên báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, trả tiền mua những di tích có ý nghĩa khoa học, lịch sử và nghệ thuật...

III. PHƯƠNG THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP SƯU TẦM DI TÍCH CỦA BẢO TÀNG

Di tích đưa về bảo tàng từ nhiều nguồn khác nhau :

1. Di tích thu thập được qua các cuộc khảo sát hoặc bằng những chuyến đi công tác.

2. Di tích của bảo tàng tiếp nhận từ các cơ quan, đoàn thể và các cá nhân.

Hai phương thức sưu tầm trên đều quan trọng, nhưng mỗi phương thức có một ưu điểm riêng của nó. Các cán bộ khoa học của bảo tàng trực tiếp sưu tầm di tích qua các cuộc khảo sát hoặc bằng những chuyến đi công tác tạo điều kiện cho bảo tàng chủ động về mặt kế hoạch, bảo đảm khoa học, thu thập được những di tích điển hình phù hợp với loại hình bảo tàng. Song nó bị hạn chế vì cán bộ khoa học trong một bảo tàng không nhiều, nên không thể tiến hành nhiều cuộc khảo sát, do đó số lượng di tích thu thập được không đúng là bao.

Bảo tàng tiếp nhận di tích từ các cơ quan, đoàn thể và các cá nhân đã động viên được đông đảo quần chúng đóng góp di tích cho bảo tàng, từ đó làm cho quần chúng có ý thức đối với công tác bảo tàng. Song tính khoa học trong công tác sưu tầm không được bảo đảm, nhiều di tích không tiêu biểu, không liên quan đến loại hình của bảo tàng.

A. Phương pháp khảo sát.

Khảo sát được chia thành hai loại:

- Khảo sát chuyên đề.
- Khảo sát tổng hợp.

Khảo sát chuyên đề là những cuộc khảo sát đi sâu nghiên cứu một vấn đề cụ thể nào đó.

Đặc điểm các cuộc khảo sát loại này là quy mô tương đối nhỏ, đề tài tương đối hẹp, đội ngũ cán bộ khoa học không đông lắm, không đòi hỏi nhiều về phương tiện vật chất, thời gian tiến hành tương đối ngắn.

Khảo sát tổng hợp là những cuộc khảo sát đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu thu thập di tích thuộc nhiều đề tài trên cùng một địa bàn hoặc nhiều địa bàn khác nhau. Đặc điểm của loại khảo sát này là nó không chỉ nghiên cứu những vấn đề, những giai đoạn riêng biệt mà nó nghiên cứu những vấn đề, những giai đoạn trong mối quan hệ hữu cơ với nhau. Ngoài cán bộ khoa học của bảo tàng có thể mời những chuyên gia am hiểu về vấn đề đó mà bảo tàng thiếu. Khi tiến hành một cuộc khảo sát tổng hợp, người ta thường chia thành phần đoàn khảo sát theo hai cách:

1. Chia theo những chuyên môn khác nhau. Những nhóm chuyên môn đó hoạt động độc lập trong quá trình cuộc khảo sát.

2. Chia thành từng nhóm, trong mỗi nhóm có nhiều cán bộ chuyên môn khác nhau hoạt động trên những địa bàn khác nhau.

Quá trình tiến hành một cuộc khảo sát chuyên đề và khảo sát tổng hợp gồm ba giai đoạn.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị cho cuộc khảo sát.

1. Xác định đề tài của cuộc khảo sát.
2. Xác định địa bàn khảo sát.
3. Xác định thành phần cán bộ tham gia đoàn khảo sát
4. Chuẩn bị về mặt lý luận cho cuộc khảo sát.
5. Lập đề cương khảo sát.

Bản đề cương khảo sát có tầm quan trọng đặc biệt, nó chỉ đạo toàn bộ quá trình cuộc khảo sát. Việc lập đề cương phải hết sức cụ thể, đề ra phương hướng chung, công việc cần tiến hành, thời gian tiến hành, đề cương khảo sát gồm những phần sau:

Phần mở đầu: ghi những vấn đề khái quát về cuộc khảo sát.

Phần chủ yếu: Dự kiến những đối tượng cần phải sưu tầm, địa điểm sưu tầm, thời gian tiến hành, từng phần việc cho từng tổ, sưu tầm, thời gian tiến hành, từng phần việc cho từng tổ, nhóm, từng cá nhân, dự kiến những phương pháp nghiên cứu.

6. Lập kế hoạch chi tiêu cho đoàn.

7. Đặt quan hệ trước với địa phương mà đoàn khảo sát đến công tác.

8. Chuẩn bị và mua sắm trang thiết bị cho cuộc khảo sát. Với một cuộc khảo sát về đề tài lịch sử thì công việc chuẩn bị gồm: giấy tờ ghi chép di tích, sổ ghi mẫu chuyện, sổ ghi nhật ký, sổ ghi ảnh, sổ ghi địa chỉ liên lạc, các loại bút chì, các thiết bị bảo quản di tích. Nhưng với một cuộc khảo sát về đề tài khoa học tự nhiên thì công việc chuẩn bị các phương tiện để đánh bắt và thu lượm có phức tạp hơn. Tùy theo chủ đề cuộc khảo sát mà chuẩn bị những dụng cụ thích hợp.

9. Nhận giấy tờ cần thiết cho cuộc khảo sát.

Giai đoạn 2: Khi đoàn tới địa điểm khảo sát.

Đây là giai đoạn chính. Quan trọng nhất. Mục đích và nhiệm vụ của nó là tìm tòi, phát hiện, thu thập được nhiều di tích phù hợp với đề tài cuộc khảo sát. Những công việc tiến hành trong giai đoạn này là:

1. Gặp gỡ các cơ quan lãnh đạo, các tổ chức khoa học ở địa phương, trình bày cụ thể mục đích, yêu cầu, chương trình làm việc của đoàn, để họ tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn ta làm việc.

2. Sử dụng những phương tiện tuyên truyền có thể có ở địa phương như báo chí, đài truyền thanh, vô tuyến truyền hình, hoặc cử cán bộ trực tiếp đến

các địa phương để nói chuyện, thông báo mục đích, yêu cầu và nội dung công việc của đoàn khảo sát với nhân dân địa phương.

3. Lập danh sách những người có thể giúp đoàn khảo sát phát hiện được tài liệu, di tích.

Muốn lập danh sách chính xác, đoàn phải dựa vào các cấp lãnh đạo địa phương và ý kiến của nhân dân. Danh sách lập theo mẫu sau:

Bản danh sách những người có thể giúp đỡ cho đoàn khảo sát:

Số TT	Họ và tên	Tuổi	Nghề nghiệp	Chức vụ	Địa chỉ hiện nay	Có thể khai thác vấn đề gì	Ghi chú

4. Tiến hành thu thập di tích.

Đây là nhiệm vụ chủ yếu nhất, đồng thời phức tạp nhất. Căn cứ vào đề cương khảo sát và những nhiệm vụ được giao, các tổ, nhóm, và các thành viên trong đoàn khảo sát đến các địa bàn đã định để nghiên cứu tìm tòi, thu thập di tích, ghi nhật ký, tổ chức những cuộc tọa đàm. Kết quả của công việc trên được đưa vào những tài liệu cơ bản sau:

- Bản ghi chép di tích.
- Sổ ghi mẫu chuyện.
- Nhật ký.
- Sổ ảnh.

a) Ghi chép trong bản ghi chép di tích.

Bản ghi chép di tích dùng để ghi tất cả những hiểu biết về di tích, có thể đóng thành từng cuốn riêng hoặc có thể để rời từng tờ. Khi phát hiện được di tích, cán bộ sưu tầm ghi những hiểu biết về nó vào bản ghi chép này ngay trong ngày hôm đó. Di tích của bảo tàng có hai loại:

- Di tích thuộc văn hóa vật chất và tinh thần.
- Những mẫu vật thiên nhiên.
- Mỗi loại di tích có một đặc điểm và yêu cầu riêng, vì thế hai loại di tích đó có hai mẫu ghi chép.

Bản ghi chép di tích thuộc văn hóa vật chất và tinh thần

1. Số thứ tự

2. Ngày tháng năm ghi chép di tích

3. Thời gian, nguồn gốc của di tích và số của những tài liệu kèm theo nó. Ghi rõ ngày tháng sưu tầm được di tích, di tích do cán bộ bảo tàng sưu tầm được hay do một cá nhân, một đoàn thể nào tặng, hay bảo tàng phải mua. Ghi rõ địa chỉ người có di tích tặng hoặc bán cho bảo tàng.

4. Tên gọi và những ghi chép về di tích và sưu tập: Phải ghi tên gọi chính xác, nếu có thể ghi cả tên khoa học, tên địa phương trong ngoặc đơn. Khi ghi chép một sưu tập thì ghi tên gọi của sưu tập, sau đó ghi tên gọi từng di tích riêng lẻ theo thứ tự và ghi chép tất cả những vấn đề có liên quan đến nội dung của di tích, ghi càng đầy đủ, cụ thể càng tốt.

5. Số lượng di tích.

6. Chất lượng và kỹ thuật chế tác. Với những di tích đơn giản có thể xác định ngay tại thực địa thì ta ghi: chất liệu gì, sản xuất theo phương pháp gì? Ví dụ: Áo sợi bông, dệt thủ công. Với những di tích phức tạp chưa xác định được chất liệu ngay thì để trống mục này, sau khi xác định chính xác mới ghi vào.

7. Kích thước và trọng lượng.

Kích thước thường xác định theo ba chỉ số: cao, dài, rộng.

Những di tích kim loại quý, đá hiếm thì phải xác định ngay trọng lượng của nó.

8. Trạng thái bảo quản.

Ghi rõ còn mới hay đã hư hỏng và hư hỏng ở chỗ nào, mức độ hư hỏng, trách nhiệm đó thuộc về ai?

9. Ý nghĩa của di tích.

Xác định được ý nghĩa chính của di tích và dự kiến sau này đưa vào kho nào hoặc phòng trưng bày nào.

10. Địa chỉ của người giao.

11. Ghi chú: ghi những điều cần thiết mà chưa có ở các mục trên.

Bản ghi chép những mẫu vật thiên nhiên

1. Số thứ tự.

2. Ngày tháng năm ghi chép mẫu vật.

3. Thời gian, nguồn gốc, số biên bản kèm theo.

4. Tên gọi và những ghi chép về mẫu vật và sưu tập.

5. Số lượng mẫu vật.

6. Địa điểm tìm thấy mẫu vật.

Ghi thật đầy đủ tên địa phương nơi tìm thấy mẫu vật. Những nơi không có tên địa phương cụ thể thì ghi cách thành phố X, làng Y, bao xa về phía nào, hoặc có thể gọi theo tên các con sông, dãy núi v.v...

7. Họ tên, chức vụ, người tìm thấy mẫu vật.
8. Điều kiện tìm thấy mẫu vật.
Những mẫu vật tìm thấy trên núi cao thì ghi rõ độ cao của núi.
Những mẫu vật tìm thấy ở biển thì ghi rõ độ sâu.
Những động vật tìm được trên mặt đất thì ghi rõ nó sống ở vùng nào.
Những côn trùng bắt được ở cây cỏ thì ghi rõ tên gọi loại cây cỏ đó.
Với thực vật thì ghi rõ môi trường sống của nó (mọc ở đâu).
9. Phương pháp bảo quản mẫu vật: ghi rõ phương pháp xử lý như ướp khô, nhồi lông hoặc sấy v.v...
10. Kích thước và trọng lượng của mẫu vật.
11. Trị giá của mẫu vật, nếu như phải mua, kèm theo biên bản mua mẫu vật.
12. Ghi chú.

b) Ghi chép trong sổ mẫu chuyện

Sổ ghi mẫu chuyện là một tài liệu quan trọng, vì nó giúp đoàn khảo sát phát hiện ra những nguồn có di tích, chỉnh lý nội dung di tích, làm phong phú thêm nội dung các bản thuyết minh trong bảo tàng sau này. Để có thể ghi được những mẫu chuyện thật sự khoa học, chính xác, đoàn khảo sát khi tới địa phương phải lập danh sách những người giúp đoàn khai thác các mẫu chuyện và lập bảng kê những vấn đề cần khai thác gồm:

- Những người có thể cung cấp cho đoàn những biểu biết có giá trị;
- Những người giúp đoàn kiểm tra những tài liệu đã thu thập được.

Ghi xong phải chỉnh lý và thông qua toàn đoàn rồi mới chép vào sổ. Trước khi ghi mẫu chuyện cần ghi một số nét vắn tắt tiểu sử người kể chuyện. Kết thúc mỗi câu chuyện phải ghi rõ ngày, tháng, họ tên người ghi chép. Để đảm bảo tính chất khoa học của mẫu chuyện cần xin chữ ký của người kể.

c) Ghi nhật ký khảo sát.

Trưởng đoàn khảo sát chịu trách nhiệm ghi nhật ký khảo sát. Trưởng hợp khảo sát chia nhiều bộ phận khác nhau, hoạt động trên những địa bàn xa nhau thì sổ ghi nhật ký khảo sát được giao thêm cho những người đứng đầu một nhóm, một tổ. Không có một khuôn mẫu nhất định cho việc ghi nhật ký. Song thường nội dung ghi chép trong đó phản ánh toàn bộ hoạt động của đoàn từng ngày, từ những dự định cho đến những việc làm cụ thể, và những hiểu biết về di tích có giá trị, nhưng chưa đưa về bảo tàng, hoặc không thể đưa về bảo tàng được. Nhật ký ghi rõ thời gian, địa điểm và người ghi.

Kết thúc cuộc khảo sát, sổ này được nộp vào kho lưu trữ của bảo tàng cùng với những loại giấy tờ khác như sổ ghi mẫu chuyện, sổ chụp ảnh v.v...

5. Lập giấy tờ nhận di tích.

Di tích nhận của một cá nhân hoặc một đoàn thể nào đó, người cán bộ sưu tầm lập ngay giấy biên nhận di tích. Giấy này không có tính chất pháp lý mà nó chỉ là một văn bản giao kèo giữa bên giao và bên nhận. Nếu di tích không đủ giá trị để nhập kho bảo tàng thì sẽ được hoàn lại cho chủ cũ và giấy biên nhận di tích không có giá trị nữa. Nhưng nếu di tích được nhập kho thì giấy biên nhận đó được thay bằng một văn bản có tính chất pháp lý gọi là: Biên bản giao – nhận di tích của bảo tàng (sẽ được trình bày kỹ trong chương kiểm kê).

6. Tiến hành bảo quản di tích tại thực địa.

Trong đoàn khảo sát, nhất thiết phải có một hay nhiều cán bộ bảo quản. Sau khi nhận được di tích, người cán bộ bảo quản căn cứ vào từng loại di tích cụ thể để áp dụng những phương pháp bảo quản thích hợp. Đối với di tích thuộc văn hóa vật chất và tinh thần thì phương pháp bảo quản di tích tại thực địa đơn giản chủ yếu là làm sao để cho di tích không vỡ, rách, giữ được trạng thái khi mới nhận. Đối với những mẫu vật bằng ngâm, tẩm. Đối với những di tích khai quật từ những mộ táng phải có những phương pháp thích hợp làm sao cho di tích không biến dạng, giữ được trạng thái ban đầu. Bảo quản di tích tại thực địa chủ yếu xử lý sơ bộ, sau khi di tích đưa về bảo tàng mới có điều kiện bảo quản tốt hơn.

7. Đóng gói di tích chuẩn bị phương tiện đưa di tích về bảo tàng.

Những thiết bị đóng gói chuẩn bị ở nhà, di tích sau khi được xử lý sơ bộ, tùy theo tính chất vật lý của nó mà xếp vào những thiết bị đóng gói thích hợp. Tài liệu, văn bản cho vào túi, cặp, đóng vào va ly; đồ sành, sứ đóng vào hòm gỗ được đệm lót bằng những chất liệu mềm; đồ kim loại xếp riêng... Không được xếp lẫn lộn các loại di tích có đặc điểm lý hóa khác nhau vào một. Tùy theo khối lượng, tính chất di tích mà chuẩn bị phương tiện vận chuyển thích hợp để đưa về bảo tàng.

8. Tổ chức hội nghị thông báo kết quả đợt khảo sát cho địa phương.

Đây là công việc cuối cùng của đoàn khảo sát tại thực địa, đoàn khảo sát kết hợp kết hợp với địa phương tổ chức hội nghị này. Thành phần hội nghị gồm đại biểu Đảng, chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn khảo sát, các cơ quan có liên quan giúp đỡ đoàn, các cá nhân có nhiều đóng góp cho đoàn. Tại hội nghị, đồng chí trưởng đoàn đọc báo cáo nêu lên những kết quả cụ thể của đợt công tác, thuận lợi, khó khăn của đoàn, đánh giá những thành công về mặt khoa học, nêu những nhiệt tình giúp đỡ của các đoàn thể, cơ quan, cá nhân ở địa phương đối với đoàn. Trong hội nghị nếu có điều kiện nên tổ chức cho đại biểu xem những di tích tài liệu thu thập được trong đợt khảo sát.

Giai đoạn 3: Khi đoàn về bảo tàng

Giai đoạn cuối cùng của cuộc khảo sát gồm những việc sau:

1. Chính lý sơ bộ tất cả những tài liệu di tích đã thu thập được, báo cáo trước hội nghị tiểu ban xét chọn di tích.
 2. Làm các bản báo cáo gồm:
 - Báo cáo khoa học về toàn đợt khảo sát.
 - Báo cáo tài chính về đợt khảo sát.
 3. Chuyển giao tài liệu, di tích cho các bộ phận tương ứng.
 - Chuyển giao những di tích cùng các giấy tờ cần thiết cho các bộ phận kho thích ứng.
 - Chuyển giao phim – ảnh cùng với bản ghi chép cho kho phim ảnh của bảo tàng.
- Chuyển giao các bản vẽ, nhật ký, sổ ghi mẫu chuyện cho kho lưu trữ.
4. Tổ chức hội nghị khoa học về kết quả cuộc khảo sát.
 5. Tổ chức triển lãm về cuộc khảo sát.
 6. Công bố kết quả đợt khảo sát trên báo chí hàng ngày, trên các tạp chí định kỳ hoặc những công trình riêng về cuộc khảo sát.

B. Phương pháp tổ chức những chuyến đi công tác khoa học

Phương pháp này thường được áp dụng ở tất cả các loại hình bảo tàng. Đề tài sưu tầm thường có tính chất thời sự, nóng hổi. Nội dung đề tài có thể sử dụng phương pháp này rất rộng, không hạn chế.

Cán bộ sưu tầm trong một chuyến công tác tối đa là hai, ba người. Với một thời gian ngắn, chi phí tương đối ít, bảo tàng có thể thu thập được một khối lượng di tích lớn. Vì thế, các bảo tàng chủ yếu sử dụng phương pháp này để thu thập di tích cho kho cơ sở, hoặc cho những cuộc triển lãm chuyên đề. Một chuyến đi công tác khoa học cũng bao gồm ba giai đoạn như một cuộc khảo sát, song mức độ thấp hơn, nhẹ nhàng hơn.

Ngoài hai phương pháp trên, các bảo tàng còn sử dụng một số phương pháp khác để tiếp nhận di tích từ các cơ quan, đoàn thể, cá nhân nhằm động viên đồng đảo quần chúng nhân dân sưu tầm di tích cho bảo tàng.

1. Lựa chọn di tích từ các cuộc triển lãm ở Trung ương và địa phương.
Triển lãm là một hình thức tuyên truyền phổ biến ở nước ta và tất cả các nghiên cứu trên thế giới. Đề tài của triển lãm rất đa dạng nhưng chủ yếu là giới thiệu những thành tựu kinh tế, khoa học, quân sự, văn hóa trong từng giai đoạn nhất định. Các cuộc triển lãm là nguồn cung cấp di tích cho các bảo tàng rất lớn. Song không phải tất cả các hiện vật trưng bày trong triển lãm đều có thể trở thành di tích của bảo tàng. Việc ghi chép và mô tả khoa học các di tích ở triển lãm thường sơ sài, không theo như yêu cầu của bảo tàng. Vì thế người sưu tầm cần phải lựa chọn, chắt lọc những di tích phù hợp với loại hình của mình, đáp ứng được yêu cầu của một di tích của bảo tàng.
2. Lựa chọn di tích từ các cuộc khai quật khảo cổ và điền dã dân tộc học.

Đối với các bảo tàng thuộc loại hình lịch sử và bộ phận lịch sử xã hội trong các bảo tàng khảo cứu địa phương, phương pháp lựa chọn này đặc biệt quan trọng. Sử dụng nó tức là thừa hưởng được những kết quả của các ngành chuyên môn đó. Vì thế bảo tàng cần quan hệ chặt chẽ với những cơ quan chuyên môn này. Song, tiếp nhận, lựa chọn di tích khảo cổ học và dân tộc học đối với chuyên môn bảo tàng đòi hỏi một số yêu cầu riêng cần lưu ý.

- Thu thập toàn bộ những tài liệu liên quan tới di tích do các cán bộ khoa học tiến hành khi khai quật hoặc điền dã dân tộc học.

- Ghi chép tất cả những vấn đề về bản thân di tích theo đúng yêu cầu của bảo tàng.

- Làm giấy biên nhận của bảo tàng với người phụ trách khai quật, điền dã.

- Trước khi nhập kho di tích cũng phải được thông qua tiểu ban xét chọn di tích của bảo tàng.

3. Điều chỉnh trao đổi di tích giữa các bảo tàng.

Trong quá trình kiểm kê, xác định di tích có thể phát hiện ra những di tích không thuộc loại hình của mình, những di tích không tiêu biểu thì những di tích đó được loại ra khỏi thành phần kho cơ sở, đưa sang những kho phụ khác. Bảo tàng có thể sử dụng những di tích này nghiên cứu, trao đổi với các bảo tàng khác. Sử dụng phương pháp này làm cho kho bảo tàng thêm phong phú. Khi tiến hành điều chỉnh, trao đổi di tích với các bảo tàng khác cũng phải làm thủ tục giao nhận.

4. Tiếp nhận di tích thông qua mạng lưới công tác viên ở các cơ quan, đoàn thể và quần chúng.

Trong thực tiễn công tác sưu tầm, quần chúng nhân dân trực tiếp mang di tích đến tặng cho bảo tàng là một trường hợp rất phổ biến. Đó là hiện tượng đáng quý mà các bảo tàng cần biết và làm sao để hiện tượng tốt đẹp đó ngày càng nảy nở và phát triển. Bên cạnh những di tích quý giá quần chúng nhân dân tặng cho bảo tàng, có những di tích không đúng với loại hình bảo tàng, thậm chí có trường hợp giả mạo di tích để tặng. Biết bao trường hợp phức tạp khi tiếp nhận loại di tích này, vì thế cán bộ sưu tầm phải lường trước mọi khả năng khi tiếp nhận. Bất kỳ trường hợp nào cũng phải sử dụng mọi biện pháp để xác minh thật khoa học.

Một khối lượng đáng kể di tích được nhập vào kho cơ sở của bảo tàng thông qua mạng lưới cộng tác viên. Giá trị di tích được các cộng tác viên chuyển giao cho bảo tàng tùy thuộc sự chuẩn bị về lý luận và nghiệp vụ của bảo tàng đối với cộng tác viên và tùy thuộc trình độ hiểu biết của họ. Không thể có được một di tích của bảo tàng đầy đủ giá trị nếu cộng tác viên không am hiểu về khoa học bảo tàng và các khoa học tương ứng. Vì vậy sự chuẩn bị của bảo tàng cho các cộng tác viên là một vấn đề thực sự quan trọng.

Để làm phong phú kho cơ sở và trưng bày của bảo tàng, các bảo tàng đã sử dụng một loạt các phương pháp sưu tầm khác nhau. Mỗi phương pháp đều có mặt mạnh và những mặt yếu. Cần biết khai thác triệt để những mặt mạnh, hạn chế những mặt yếu. Thực tiễn công tác sưu tầm ở nước ta và các nước trên thế giới cho thấy rằng việc sử dụng tổng hợp tất cả các phương pháp đó là cần thiết và có hiệu quả. Đó là phương pháp cơ bản nhất cho tất cả các bảo tàng. Mỗi loại hình bảo tàng có những yêu cầu và phương pháp riêng, song phải bảo đảm những nguyên tắc sau:

- Phải lựa chọn những di tích điển hình nhất phù hợp với loại hình bảo tàng mình.
- Trong những trường hợp cho phép cần phải thu thập cả sưu tập chứ không chỉ sưu tầm một di tích riêng lẻ.
- Trong mọi trường hợp phải thấy được mối liên hệ giữa di tích và tài liệu ghi chép di tích. Việc ghi chép phải thực sự khoa học.
- Phải thông qua tiểu ban xét chọn di tích trước khi nhập di tích vào kho cơ sở.

CHƯƠNG III

KIỂM KÊ, XÁC ĐỊNH VÀ GHI CHÉP KHOA HỌC VỀ CÁC DI TÍCH CỦA BẢO TÀNG

I. NHIỆM VỤ KIỂM KÊ CÁC DI TÍCH CỦA BẢO TÀNG

Các di tích của bảo tàng là tài sản mang nhiều giá trị vật chất đòi hỏi phải bảo quản hết sức thận trọng và kiểm kê hết sức chính xác. Theo đặc điểm riêng của các kho bảo tàng nó còn có một số yêu cầu đặc biệt đối với việc kiểm kê các sưu tập của bảo tàng. Chúng ta biết một cách rõ ràng có những di tích cá biệt của bảo tàng tuy không có giá trị về vật chất, song nó lại có một ý nghĩa khoa học rất lớn. Vì vậy việc kiểm kê kho bảo tàng cần phải thực hiện hai nhiệm vụ cùng một lúc là bảo vệ di tích và nói lên ý nghĩa lịch sử, khoa học nghệ thuật của các sưu tập bảo tàng và những di tích cá biệt sau khi chúng đã được xác định khoa học.

Nếu thiếu việc xác định khoa học hay nghệ thuật, thì những sưu tập của bảo tàng đó sẽ mất hết ý nghĩa của các di tích của bảo tàng và trong một vài trường hợp cá biệt, kho bảo quản ấy có thể biến thành nơi chứa các đồ hỗn tạp.

Việc sưu tầm các di tích và các sưu tập của bảo tàng nếu không có đăng ký theo những nguyên tắc khoa học đã đề ra, thì không thể bảo quản được và không sử dụng được chúng trong công tác nghiên cứu khoa học, công tác trưng bày và công tác giáo dục.

Nhìn chung, việc kiểm kê các sưu tập của bảo tàng tiến hành được chính xác và đúng với hình thức xác định thì mới bảo đảm được khả năng lập những tư liệu văn bản đầy đủ về các di tích của bảo tàng, nguồn gốc của nó ở đâu, nơi ở và thời gian đưa vào bảo tàng v.v..., có như thế mới nhanh chóng tìm ra những di tích đó trong kho hay trong phần trưng bày của bảo tàng.

Trong công tác kiểm kê các kho bảo tàng nhất thiết phải chia ra hai giai đoạn cơ bản:

- Kiểm kê bước đầu và chỉnh lý khoa học bước đầu các kho bảo tàng
- Kiểm kê có hệ thống và ghi chép khoa học các kho bảo tàng.

II. KIỂM KÊ BƯỚC ĐẦU VÀ CHÍNH LÝ KHOA HỌC BƯỚC ĐẦU CÁC KHO BẢO TÀNG.

Mỗi một di tích của bảo tàng phải được làm đầy đủ các thủ tục giấy tờ theo các nguyên tắc kiểm kê nhất định, thì mới được đặt trong bảo tàng, hay để trong các kho bảo quản.

1. Lập biên bản các di tích của bảo tàng.

Việc nhận cũng như việc giao mỗi di tích của bảo tàng, cần phải làm theo nguyên tắc và phải có những giấy tờ thích hợp.

Theo nguyên tắc, mỗi di tích của bảo tàng chỉ đăng ký vào sổ kiểm kê bước đầu, khi nào di tích đó có văn bản kèm theo. Văn bản này là một biên bản của hai bên giao-nhận theo mẫu sau:

Các mục trong biên bản giao-nhận:

- 1) Số biên bản.
- 2) Tên và địa chỉ thật đầy đủ của cơ quan hoặc của những cá nhân đứng ra nhận xuất di tích đó.
- 3) Di tích đó được giao để bảo quản lâu dài hay sử dụng tạm thời.
- 4) Bảng kê khai đầy đủ các di tích được bảo quản, phải chỉ rõ trạng thái bảo quản di tích và những điểm cần thiết nói chung về di tích đó.
- 5) Số lượng chung của các di tích ghi bằng chữ.
- 6) Trị giá các di tích của bảo tàng (nếu như di tích là mua).
- 7) Chữ ký, chức vụ của hai bên giao, nhận di tích.
- 8) Nơi và ngày, tháng, năm lập biên bản.

Biên bản giao-nhận là văn bản mang ý nghĩa pháp lý. Vì vậy, khi lập biên bản cần phải chú ý: Biên bản cần phải được đánh bằng máy chữ, in hay là viết phải hết sức rõ ràng và sạch sẽ, phải có chữ ký hai bên giao và nhận; biên bản cần phải đóng dấu của bảo tàng và giám đốc phê chuẩn.

Các biên bản giao-nhận, theo nguyên tắc, thì phải sao chép ra làm hai bản. Nếu biên bản của một trong hai bản cần thiết phải gửi bản đó cho bưu điện, thì phải sao chép làm ba bản giống nhau. Khi gửi bưu điện thì cần gửi hai bản để ký, trong số đó có một bản gửi trả lại sau khi đã ký cho bảo tàng để đưa vào hồ sơ lưu trữ, còn bản thứ hai do người ký nhận giữ, bản thứ ba lưu ở bảo tàng dùng để kiểm tra. Trong biên bản bao giờ cũng phải ghi rõ số lượng bản và trao cho những ai.

đề ngoài trời cho từng di tích đó (đặc biệt đối với các đối tượng về thiên nhiên).

Trong nhật ký nên ghi rõ những yếu tố cơ bản của công tác khảo sát. Những quyển nhật ký ghi được đầy đủ và chính xác sẽ cho ta được nhiều tư liệu quan trọng của các di tích đối với các sưu tập của bảo tàng. Những bản ghi chép như thế giúp cho công tác chỉnh lý khoa học các tư liệu, không những thế nó còn là tư liệu rất quý trong công tác kiểm kê di tích và xác định di tích của bảo tàng. Những bản ghi chép ngoài trời cần ghi rõ ràng, đầy đủ những tình hình về di tích đó. Di tích đó có từ bao giờ, ở đâu, nó thuộc quyền sử dụng của ai, thời gian và sử dụng của nó, ý nghĩa lịch sử, tình hình lúc nhận được và trị giá di tích. Trong cột tham khảo ghi rõ là nhận được di tích đó của ai, địa chỉ của người đã sử dụng nó, quan hệ di tích với người trao di tích.

Biên bản giao-nhận cùng với tài liệu tham khảo cũng như bản ký nhận tặng được đưa vào phần kiểm kê, còn tài liệu khác thì đưa vào lưu trữ khoa học, trong biên bản giao-nhận có ghi số.

Mọi hoạt động của các di tích của bảo tàng, có nghĩa là việc chuyển kho bảo tàng khác mượn hay đưa sang một bộ phận khác của bảo tàng v.v... đều phải ghi lại đầu đủ rõ ràng.

Trong sổ biên bản giao-nhận về việc bảo quản hay sử dụng tạm thời, cần ghi rõ mục đích và thời hạn giao nhận (như giao cho nhà chuyên môn xác định, triển lãm v.v...), bảo tàng định thời gian nhận hoặc trao di tích của bảo tàng, cơ quan và người đại diện chính thức có trách nhiệm làm cho di tích hoàn chỉnh như lúc ban đầu, và căn cứ vào bảo tàng rồi giao di tích đó.

Khi giao di tích của bảo tàng, phải được cơ quan lãnh đạo cấp trên của bảo tàng đó cho phép mới được giao. Khi giao các di tích của bảo tàng, trong các giấy tờ phải ký rõ trách nhiệm và sự uỷ nhiệm người nhận di tích lĩnh ở trong kho bảo tàng.

Việc di chuyển các di tích trong nội bộ một bảo tàng cũng cần phải có giấy tờ cụ thể, (có khi phải làm báo cáo di chuyển). Các giấy tờ đó do cán bộ của hai bên có trách nhiệm giao và nhận các di tích của bảo tàng cùng kỳ: trưởng bộ phận bảo quản và trưởng của các bộ phận hữu quan.

Trong trường hợp di tích của bảo tàng bị mất, cần phải làm giấy xác nhận, cần phải giữ lại các tư liệu văn kiện làm chứng trong khi dùng những biện pháp tìm di tích đã bị mất.

Hồ sơ cần được ghi số và ghi sổ đăng ký các hồ sơ di tích. Các hồ sơ di tích của bảo tàng được đưa vào kiểm kê lâu dài và tạm thời cần đánh số riêng. Cuối năm cần tập trung các loại hồ sơ để đóng gói lại, đóng dấu, niêm phong. Ở cuối cần viết rõ số lượng trang là bao nhiêu, chú thích đó phải có chữ ký và sự duyệt y của giám đốc, đóng dấu của bảo tàng.

2. Sổ kiểm kê bước đầu.

Mỗi một di tích được đưa vào bảo tàng cần căn cứ ngay vào giấy tờ giao nhận để ghi vào sổ kiểm kê bước đầu. Quyển sổ kiểm kê bước đầu. Quyển sổ kiểm kê bước đầu này có nhiều tên gọi khác nhau: sổ mục lục kho bảo quản cơ sở, Sổ mục lục di tích chủ yếu, Sổ đăng ký di tích mới nhận được, sổ cái v.v...

Riêng những di tích đưa vào bảo tàng là những đối tượng của phần thiên nhiên (chim, cá và các loại khác v.v...), những thứ này cần phải qua các nhà chuyên môn xử lý xong mới có thể ghi vào sổ kiểm kê.

Quyển sổ kiểm kê bước đầu bao gồm toàn bộ thành phần số lượng di tích của kho bảo quản cơ sở của bảo tàng. Còn các tư liệu khác sử dụng trong phần trưng bày và được giữ trong các kho di tích là những tư liệu khoa học hỗ trợ, được ghi trong sổ riêng của kho tư liệu khoa học hỗ trợ.

Hình thức sổ kiểm kê bước đầu là do cơ quan lãnh đạo thảo ra và được in thành sổ gửi về cho các bảo tàng. Sổ gồm có những cột sau đây: (xem mẫu số 2).

1. Số thứ tự
2. Ngày, tháng, năm đăng ký.
3. Thời gian, nguồn gốc di tích mới nhận được và số biên bản
4. Tên gọi và những ghi chép của di tích hoặc của sưu tập
5. Số lượng di tích
6. Chất liệu và kỹ thuật sáng chế
7. Kích thước, trọng lượng
8. Trạng thái bảo quản di tích.
9. Di tích sẽ đưa vào sưu tập nào
10. Trị giá di tích hoặc sưu tập
11. số chiếu theo phần kiểm kê hệ thống và chiếu theo biên mục khoa học
12. Ghi chú.

Các trang giấy trong sổ cần phải đánh số trang. Phải đóng dấu giáp lại vào mỗi trang, trang cuối cùng có kèm theo chữ ký của giám đốc, của phụ trách kho và của cấp trên mình một bậc ký nhận số trang đã thẩm tra là đúng.

Công tác ghi vào sổ kiểm kê bước đầu chỉ một người làm. Người đó phải là người phụ trách kho hay người phụ trách kiểm kê trực thuộc của người phụ trách kho chịu trách nhiệm.

Ở cột đầu, số thứ tự là ký hiệu kiểm kê, nó mang số thứ tự của di tích. Số thứ tự ghi trong sổ nhập có khi đại diện cho một di tích, có khi đại diện cho cả một sưu tập.

Ở cột thứ hai ghi ngày, tháng, năm đăng ký di tích vào sổ nhập.

Ở cột thứ ba, ghi những điều kiện hoàn cảnh di tích đó được đưa vào bảo tàng. Ở cột này cần phải có những giấy tờ giao nhận di tích mà trong đó có ghi rõ số liệu các tư liệu nói về việc đưa di tích đó vào bảo tàng (ghi chép di tích, nhật ký ngoài trời v.v...). Đồng thời nói qua một chút về vị trí của những tư liệu đó ở trong kho lưu trữ khoa học.

Đối với những đối tượng lịch sử tự nhiên, thì phải có nhãn đề (những tư liệu và địa điểm của di tích, thời gian sưu tầm, họ tên người sưu tầm, tên gọi di tích và tên người xác định đều ghi lại).

Ở cột thứ tư, ghi đặc điểm của di tích, trật tự ghi chép các loại di tích có thể thay đổi cho thích hợp với loại bảo tàng. Cột này có thể bắt đầu bằng tên gọi chính xác của di tích vừa được chấp nhận đó, rồi sau đó cho một vài nhận xét ngắn nói lên những điểm rất chủ yếu, điển hình của di tích. Có như vậy ta mới thực hiện được nhiệm vụ bảo quản di tích về mặt pháp lý.

Đối với những đối tượng lịch sử tự nhiên, việc đặt tên gọi chính xác cho di tích chỉ khi nào đã xác định khoa học xong rồi mới làm được, bởi vì việc xác định khoa học không thể làm cùng một ngày với buổi nhận di tích được. Vì vậy, ở cột thứ tư thường thường người ta lấy tên gọi có tính chất chung chung, thí dụ: da chuột xương sọ các loại gặm nhấm, vỏ cây, mẫu thổ nhưỡng, mẫu quặng sắt v.v...

Ở cột thứ năm, dùng để kiểm kê số lượng mỗi đơn vị bảo quản. Kiểm kê số lượng di tích phụ thuộc vào mức độ phức tạp của di tích của bảo tàng. Có khi nó có nhiều phần riêng biệt (thí dụ: di tích là bộ đồ trà có nhiều loại đĩa, tách, ấm, chén hay có khi lại là một sưu tập lẫn lộn tiền hoặc huy chương).

Ở cột thứ sáu, ghi chất liệu và kỹ thuật sáng chế di tích. Chất liệu chỉ cần ghi ngắn thôi: đồng thau, gỗ, gang, dự án, giấy v.v... Kim loại hoặc đá quý thì ghi thêm vào đó màu sắc. Kỹ thuật sáng chế di tích cũng cần ghi một cách tóm tắt: khắc, đúc, nặn; đối với văn bản thì viết tóm tắt: chép tay, in dầu, in chữ in, in máy v.v..., đối với các tác phẩm nghệ thuật thì cũng viết tóm tắt: sơn dầu, bột màu; thuốc nghiên cứu, vẽ chì, vẽ than v.v...

Ở cột thứ bảy, ghi rõ kích thước và trọng lượng của di tích. Các loại đá hoặc kim loại quý cần có những người chuyên môn làm nghề trang sức đến cân và trong mỗi trường hợp, cần phải làm biên bản riêng, đồng thời các di tích bằng kim loại và đá quý phải lập thêm một quyển sổ riêng để đăng ký.

Ở cột thứ tám, ghi lại trạng thái bảo quản di tích lúc nhập vào bảo tàng để sau này có thể tiếp tục theo dõi, bảo quản di tích trong kho, sau này dựa trên cơ sở đó mà việc nhận định việc bảo quản.

Ở cột thứ chín, có ý nghĩa bảo quản quan trọng vì nó ghi kho bảo quản hay sưu tập của di tích và chuyển tới.

Ở cột thứ mười, ghi biên bản sưu tầm hoặc nhận di tích, nếu di tích phải mua nên ghi rõ mua ngày nào, của ai, giá tiền bao nhiêu.

Ở cột thứ mười một, ghi lại số thứ tự của di tích trong sổ kiểm kê bước đầu, có như thế hai giai đoạn làm sổ quan hệ mật thiết được (lúc đầu ghi vào sổ kiểm kê bước đầu, có như thế hai giai đoạn làm sổ quan hệ mật thiết được (lúc đầu ghi vào sổ kiểm kê bước đầu, sau mới biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học). Cột này sẽ ghi vào sau khi biên mục khoa học di tích của bảo tàng đã làm xong, còn khi vào sổ kiểm kê bước đầu, cột này vẫn để trống.

Ở cột thứ mười hai, ghi rõ vị trí (bằng bút chì) của di tích hay là số hiệu biên bản làm ra, hay chuyển cho bảo tàng mượn. Còn trong trường hợp mất mát hay thất lạc thì ghi số hiệu biên bản làm khi bị mất (bằng bút mực), sau đó cần có chữ ký của giám đốc với con dấu của bảo tàng.

Di tích được đăng ký vào sổ kiểm kê bước đầu có thể là từng di tích một. Việc ghi từng di tích một, thì mỗi di tích được coi như một đơn vị kiểm kê riêng và có một số riêng để ghi nhận.

Sau khi di tích của bảo tàng đã ghi vào sổ kiểm kê bước đầu thì di tích cần được đánh số ngay. Bộ phận cấu tạo của con số trong giai đoạn này là ký hiệu vắn tắt của bảo tàng (BTĐP-bảo tàng địa phương), số hiệu trong sổ kiểm kê bước đầu. Như thế di tích đưa vào sổ kiểm kê bước đầu thuộc bảo tàng địa phương X nhận được con số là BTĐPX-KKBD. 2248.

3. Các loại sổ kiểm kê các hiện vật bảo tàng khác.

Những di tích nào là những đồ kim loại hoặc đá quý, ngoài việc đánh số ghi chung với những di tích của kho bảo quản cơ sở khác và sổ kiểm kê bước đầu, thì còn có những hình thức ghi chép khác theo chỉ thị của Bộ Tài chính.

Các tư liệu của bảo tàng không thuộc kho bảo quản cơ sở, nhưng có giá trị đối với công tác nghiên cứu khoa học, công tác trưng bày và công tác giáo dục – khoa học có tính chất quần chúng, là những tư liệu phụ của kho bảo tàng, đều phải đăng ký vào trong quyển sổ kho di tích phụ.

Kỹ thuật vào sổ kho di tích phụ giống như phương pháp ghi sổ kiểm kê bước đầu của kho bảo quản cơ sở. Kỹ thuật xếp số hiệu di tích bảo tàng để ghi vào sổ kho phụ được đánh số giống như những di tích trong kho bảo quản cơ sở, nhưng đáng lẽ số hiệu của sổ kiểm kê bước đầu, thì ở đây thay thế ghi số hiệu của kho phụ (KP). Như vậy, số hiệu của di tích theo sổ kho di tích phụ của bảo tàng địa phương X sẽ là: BTĐP. X-KP.2248.

Quyển sổ kho di tích phụ gồm có những cột sau đây:

1. Số thứ tự
2. Tên gọi và vài nét ghi chép di tích
3. Trạng thái bảo quản di tích
4. Ngày có hoặc ngày đặt làm
5. Trị giá

6. Mục đích có hoặc đặt làm di tích
7. Các tư liệu như hoá đơn và ngày tháng đưa vào
8. Giấy tờ mất đi
9. Lịch sử của di tích – nơi nào bảo quản nó, ai sử dụng và nó bị phá huỷ như thế nào.
10. Ghi chú.

Việc kiểm kê các tư liệu của kho phụ cũng như việc kiểm kê các di tích của kho bảo quản cơ sở đều tiến hành trên cơ sở các biên bản nằm ở trong hai cặp tư liệu: a) giấy tờ về di tích mới nhận được; b) giấy tờ về di tích bị mất đi.

Công tác kiểm kê tư liệu phụ không tiến hành kiểm kê từng bước có hệ thống và có biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học, cho nên việc kiểm kê những loại tư liệu này là dựa vào các bản sao lục, giấy tờ điều động hoặc các loại sổ ghi tiền thu chi tư liệu trong kho bảo quản cơ sở, trong sổ kho phụ hoặc có thể tiến hành trực tiếp trong các đơn vị bảo quản.

Mẫu số 2Sổ kiểm kê bước đầu

Số thứ tự	Ngày, tháng, năm	Thời gian, nguồn gốc di tích mới nhận được và số biên bản	Tên g
1	2	3	

Chất liệu và kỹ thuật sáng chế	Kích thước trọng lượng	Trạng thái bảo quản di tích	Di tích sẽ đưa vào sưu tập nào, phần nào	Trị giá di tích	S
6	7	8	9	10	

Trong quyển sổ bảo quản tạm thời (BQTT) cần đăng ký những di tích nào được đưa vào bảo tàng với mục đích sử dụng tạm thời như dùng để triển lãm, đánh giá để sau này mua hoặc để tu sửa, để kiểm nghiệm, để trưng bày tạm thời, để nghiên cứu.

Quyển sổ này có những cột sau đây:

1. Số thứ tự
2. Ngày, tháng, năm nhận vào
3. Tên gọi và vài nét ghi di tích
4. Trạng thái bảo quản di tích
5. Ở đâu đến và số văn bản
6. Tính chất sử dụng di tích đó trong bảo tàng
7. Thời hạn trả lại
8. Trả lại và số biên bản
9. Ghi chú.

Văn bản về các di tích bảo quản tạm thời cần được lưu trong các cặp tài liệu: a) các biên bản về việc tiếp nhận di tích của bảo tàng để bảo quản tạm thời; b) các biên bản về việc trao trả những di tích của bảo tàng bảo quản tạm thời.

Những di tích bảo quản tạm thời cũng cần có số hiệu riêng. Nhưng nó khác với những di tích bảo quản lâu dài ở chỗ là không nên dán số ngay vào mặt di tích bảo quản tạm thời, mà ta chỉ cần đeo cho nó một cái nhãn để có mang ký hiệu. Thay thế ghi vào sổ kiểm kê bước đầu, thì ghi vào sổ bảo quản tạm thời BTĐPX.BQTT.2248.

Ký hiệu của di tích được đưa vào bảo quản tạm thời không có mẫu số, vì những di tích này không nằm ở trong mục lục khoa học của bảo tàng.

Sổ kiểm kê bước đầu là một tài liệu có tính chất pháp lý, vì thế tất cả những sự ghi chép phải rõ ràng, không được phép tẩy xóa. Nếu sửa chữa, thay đổi cần phải được sự đồng ý và có chữ ký của giám đốc kèm theo con dấu của cơ quan cùng đóng ngay ở dòng đó đồng thời phải nói lý do việc sửa chữa đó.

Sau khi đã bỏ một di tích của bảo tàng nào đó ra khỏi thành phần của các di tích của kho, dù thế nào cũng không được phép sử dụng số cũ di tích đó để đánh dấu cho đối tượng khác.

Sổ kiểm kê bước đầu và các giấy tờ kèm theo nó là những văn kiện quan trọng đã được phát luật bảo vệ và việc bảo quản phải giao cho một người chịu trách nhiệm- người đó là phụ trách kho bảo quản. Sổ kiểm kê bước đầu chỉ có quyền cho người khác xem khi được sự đồng ý của giám đốc nhưng phải xem tại kho bảo quản.

III. KIỂM KÊ HỆ THỐNG VÀ BIÊN MỤC KHOA HỌC KHO BẢO TÀNG.

1. Nhiệm vụ và tổ chức biên mục khoa học.

Các di tích lịch sử và văn hoá nguyên gốc và các mẫu thiên nhiên được sưu tầm về trong bảo tàng, như chúng ta đã biết, là những nguồn tư liệu đầu tiên để nghiên cứu và nhận thức lịch sử xã hội và tự nhiên.

Kiểm kê hệ thống và biên mục khoa học các di tích của bảo tàng khác với việc kiểm kê bước đầu ở chỗ nhiệm vụ là phải xác định phân loại khoa học các di tích của bảo tàng và tiến thêm một bước để nghiên cứu nó.

Việc kiểm kê hệ thống và việc biên mục khoa học các di tích của bảo tàng này thường đòi hỏi một sự bồi dưỡng chuyên môn và tri thức chuyên môn cần thiết. Biên mục khoa học các di tích của bảo tàng đòi hỏi người chuyên gia phải chú ý đến những loại tư liệu bổ sung khác nhau đối với việc xác định khoa học một di tích (niên đại, xác định ra nguồn gốc và nơi sử dụng, những tư liệu về tác giả của nó v.v...), việc này đòi hỏi mất một số thời gian khá dài. Nếu chưa qua một thời gian kiểm nghiệm, theo dõi, chỉnh lý, nghiên cứu – khoa học bằng hình thức biên mục khoa học, thì các di tích đó không được phép đưa vào phần trưng bày của bảo tàng.

2. Biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học.

Việc kiểm kê có hệ thống các di tích của bảo tàng và việc biên mục khoa học các di tích của bảo tàng đều có thể thực riêng, tức là biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học, nó được để từng trang rời và được giữ trong hộp phiếu hay trong các cặp tài liệu bằng bìa cứng.

Hình thức biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học khác với quyển sổ kiểm kê bước đầu là ở hình thức cố định bất biến, nhưng nó chỉ thay đổi tùy theo tính chất và đặc trưng của tư liệu bảo tàng.

Tất cả các biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học đều có tên và ký hiệu của mình, ký hiệu này sẽ là chữ cái đứng đầu tên kho hay tên các loại kho khác thuộc nhóm di tích của bảo tàng của nó. Chẳng hạn đối với ký hiệu biên mục khoa học về đồ dệt thì ta có thể dùng ký hiệu “ĐD”, kim loại “KL”, đồ gỗ “ĐM”, đồ sứ và thủy tinh “S”, hội họa “HH” v.v... Ký hiệu phải viết rõ ràng cho mỗi di tích.

Việc ghi biên mục khoa học cũng giống như việc ghi vào sổ kiểm kê bước đầu, có thể ghi từng di tích một, mặc dù những di tích ấy nằm trong những bộ sưu tập. Hình thức biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học nói chung có nhiều điểm giống với hình thức sổ kiểm kê bước đầu. Nhưng về nội dung ghi chép thì biên mục

khoa học hay hộ chiếu khoa học thực tế có những điểm khác hẳn với việc ghi chép trong sổ kiểm kê bước đầu. Sự khác nhau đó biểu hiện tính hoàn chỉnh hơn, tính chính xác khoa học và nhận định về di tích của bảo tàng được rõ hơn.

Biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học bao gồm những mục như sau:

1. Số thứ tự di tích của bảo tàng chiếu theo sổ mục lục.
2. Số di tích chiếu theo sổ kiểm kê bước đầu.
3. Tên gọi và những ghi chép về di tích của bảo tàng.
4. Chất liệu và kỹ thuật sáng chế ra di tích.
5. Kích thước
6. Trọng lượng
7. Trạng thái bảo quản di tích.
8. Thời gian, nguồn gốc di tích mới nhận được.
9. Ghi chép cơ sở biên mục.
10. Nơi bảo quản.
11. Ngày, tháng, năm biên mục khoa học.
12. Ghi chú (xem mẫu số 3)

Trong biên mục khoa học cần để trống vài dòng để trích dẫn những tư liệu về xác định di tích.

Những con số biên mục khoa học sẽ ghi rõ trong biên mục khoa học tạo cho ta khả năng biết rõ được số lượng các đồ vật thuộc loại di tích nào. Ký hiệu biên mục khoa học cùng với số biên mục, sau khi làm biên mục khoa học rồi đều phải đeo ngay ký hiệu vào di tích. Chẳng hạn như chiếc đĩa kim loại trong kho di tích của bảo tàng địa phương sau khi đã qua chỉnh lý khoa học bước đầu, thì số hiệu được viết là BTĐP.BMKH-2248. Chiếc đĩa kim loại đó lại được mang ra để nghiên cứu thì hoàn toàn hợp pháp, cần được giữ ở trạng thái cũ. Sau kết quả nghiên cứu đó là bản ghi vào biên mục khoa học phần kim loại của di tích của bảo tàng.

Sau khi vào biên mục khoa học rồi, người cán bộ khoa học sẽ đeo khoa học biên mục khoa học vào di tích đó. Ký hiệu mới của di tích lúc ấy trong kho bảo quản cơ sở là BTĐPX $\frac{2248}{KL.1884}$. Việc ghi đó nghĩa là: Bảo tàng địa phương X có di tích ghi trong biên mục kho bảo quản cơ sở có ký hiệu là 2248, còn ký hiệu KL.1884 là ký hiệu phần kim loại đăng ký trong biên mục khoa học.

Trong biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học vẫn phải ghi số theo sổ kiểm kê bước đầu, là con số có nhiều khả năng quan hệ giữa việc chỉnh lý khoa học bước đầu và việc kiểm kê hệ thống và đồng thời cho ngày, tháng, năm chính xác về nhập kho của di tích. Sau đó cả số biên mục khoa học cũng được đưa vào sổ kiểm kê bước đầu (tức là vào cột số 11 của sổ kiểm kê bước đầu).

3. Đánh số các di tích của bảo tàng.

Đánh số di tích của bảo tàng bằng số riêng của bảo tàng, sổ kiểm kê bước đầu, biên mục khoa học, các sổ bảo quản tạm thời và các sổ khác đều phải tiến hành theo sự ghi chép trong sổ kiểm kê. Số hiệu của bảo tàng được cơ quan chỉ đạo cấp trên thông qua và được ghi theo những chữ đứng đầu của bảo tàng chỉ rõ đối tượng đó thuộc bảo tàng nhất định nào.

BẢO TÀNG			
Ký hiệu theo sắp xếp Bộ phận Phần Chủ đề Chủ đề phụ	Nơi bảo quản	Hộ chiếu di tích của bảo tàng Kho	Số chiếu theo sổ kiểm kê bước đầu Số chiếu theo sổ biên mục khoa học
Tên gọi và ghi chép của di tích			Số lượng Kích thước Trọng lượng Chất liệu
- Trạng thái bảo quản - Thời gian và nguồn gốc của di tích nhận được - Ghi chép cơ sở biên mục (số biên mục của các tài liệu ở kho khác có liên quan đến di tích này)	Ảnh	Ảnh	
Cán bộ nghiên cứu 19		Phụ trách kho bảo quản 19 Phim ảnh số	

<u>TÌNH HÌNH DI CHUYỂN CỦA DI TÍCH</u>						
Ngày tháng năm giao	Di tích giao cho ai? Ở đâu?	Lý do của việc giao	Chữ ký người phụ trách kho	Ngày tháng năm hoàn lại	Lý do của việc hoàn lại	Chữ ký người phụ trách kho
<u>NHỮNG GHI CHÉP BỔ SUNG</u>						
Ngày tháng năm ghi chép	Nội dung ghi chép			Chữ ký của người ghi chép		

Thí dụ, một di tích được giữ trong kho bảo quản của bảo tàng địa phương X, sẽ có một ký hiệu là “BTĐPX”. Sau đó sẽ ghi chi tiết hoá dần dần theo số hiệu của sổ kiểm kê bước đầu và biên mục khoa học: trong tử số là tên gọi tắt của sổ kiểm kê bước đầu và số của nó. Như thế, số hiệu của di tích của bảo tàng được đăng ký vào sổ kiểm kê bước đầu của bảo tàng địa phương X sẽ mang ký hiệu là BTĐPX. 2248.

Sau khi đưa di tích của bảo tàng vào biên mục khoa học, cần ghi số hiệu ở mẫu số trước. Thí dụ, chiếu theo sổ biên mục khoa học của di tích có số 1544, như thế thì ký hiệu di tích sẽ là: BTĐPX $\frac{KKBD. 2248}{BMKH 1544}$

Con số hoàn chỉnh của di tích của bảo tàng trong trường hợp trên BTĐPX $\frac{KKBD. 2248}{DM. 1544}$, như thế nghĩa là: di tích của bảo tàng thuộc bảo tàng địa phương X, ghi trong sổ kiểm kê bước đầu là 2248 và trong sổ biên mục khoa học loại đồ mộc là: ĐM 1544.

Để tránh tình trạng làm hỏng hình dáng của di tích, các số hiệu theo nguyên tắc, không nên dán vào những chỗ rõ rệt. Có khi, vì hoàn cảnh nào đó không thể dán nhãn đề lên di tích được, thì ta treo số hiệu vào di tích. Thí dụ như đồ dệt, ta dùng chỉ mà đính nhãn đề.

Những đồng tiền nhỏ, những vật trang sức bằng đá quý và nhiều loại di tích khác là những thứ mà ta không thể dán hoặc ghi số hiệu được, mà cũng không thể treo ký hiệu lên nó được, thì nên để chúng vào phong bì, bao túi. Ở ngoài sẽ ghi số hiệu của di tích đó.

Số hiệu ta nên dán thống nhất một chỗ đối với các loại di tích có hình dáng giống nhau và cố gắng tránh khỏi tình trạng làm hỏng di tích. Vì vậy khi viết số hiệu. Không viết bằng mực hoá học hay bút chì hoá học lên mặt di tích cũng như không đánh ký hiệu lên mặt tranh, phải đánh sau lưng khung.

Nhãn đề bằng kim loại dùng để ghi không được đóng hay treo lên di tích của bảo tàng. Và tuyệt đối không dùng dây thép để treo nhãn đề. Vì dây thép sẽ làm sây sát di tích, đồng thời rỉ sắt còn hủy hoại di tích nữa.

Cách viết ký hiệu tốt hơn cả là nên viết giống nhau: khăn quàng viết ở góc, khung tranh thì viết ở phần góc dưới bên trái, đồ gốm và các đồ dùng bằng gỗ, đá v.v... (đĩa, khay, sách, chậu v.v...) thì viết ở mép, ký hiệu đồ một thì viết ở đằng sau và ở đáy dưới của di tích; ở bàn thì ghi ở thành bàn và chọn chỗ nào không có sơn và véc-ni; ở tủ ghi ở trong cánh cửa trái; bản khắc gỗ, hộp đựng thuốc lá, lọ mực v.v... nếu có thể mở được thì ghi vào bên trong di tích, còn các loại khác đều ghi ở dưới, tức là chỗ không có sơn, chỗ không có chữ v.v...

Trong việc ghi lại ký hiệu tất cả những chỗ ghi cũ, chỉ nên xoá bằng chữ thập hoặc dấu nhân để sau này dễ nhận được số ký hiệu và số kiểm kê cũ.

Làm ký hiệu xong, là đã kết thúc giai đoạn thứ hai của công tác kiểm kê, giai đoạn này có ý nghĩa bảo vệ khoa học đối với di tích của bảo tàng.

CHƯƠNG IV

BẢO QUẢN KHO

Các bảo tàng là những kho tàng chủ yếu của Nhà nước nhằm cất giữ những di sản văn hóa quý báu, những di tích độc nhất, hiếm có, đó là những di tích phản ánh một sự kiện điển hình của địa phương và của thời đại; các bảo tàng còn giữ gìn những mẫu về tài nguyên thiên nhiên phong phú và những đối tượng khác có thể phản ánh được lịch sử tự nhiên của một quốc gia.

Mục đích bảo quản các di sản văn hóa ấy là bảo vệ sự toàn vẹn của chúng, không để mất cắp, không bị hư hỏng hoặc vỡ nát và phải tạo những điều kiện thuận lợi để sử dụng các sưu tập trong trưng bày và trong nghiên cứu – khoa học lâu dài.

Khái niệm về “bảo quản” và “tu sửa” bao gồm vấn đề rộng rãi có liên quan đến giữ gìn các di tích của bảo tàng cho được hợp lý, có liên quan đến phòng ngừa cho chúng khỏi bị hủy hoại và có liên quan đến việc làm cho chúng được tạo khả năng khôi phục hình dáng ban đầu của chúng.

Do đó, những khái niệm nói trên là tất cả những hiểu biết cần thiết và sơ đẳng về đồ vật mà những hiểu biết này có thể gọi hiểu biết đầu tiên của bất cứ người cán bộ bảo tàng.

I. NHIỆM VỤ CỦA BẢO QUẢN VÀ TU SỬA CÁC DI TÍCH TRONG KHO CỦA BẢO TÀNG.

Các di tích của bảo tàng nằm trong các kho bảo quản và trong phần trưng bày cần được xem như một cơ sở thống nhất. Bất cứ một di tích của bảo tàng nào cũng có thể được chuyển từ phòng trưng bày vào kho bảo quản và ngược lại, một di tích từ kho bảo quản có thể được sử dụng cho phòng trưng bày.

Nói đến công tác giữ gìn là nói những biện pháp áp dụng để mỗi một di tích của bảo tàng có thể giữ lại với mức lâu nhất, nhưng phải phù hợp với đặc điểm vật lý-hóa học và kỹ thuật. Như vậy công tác giữ gìn là phải bảo quản di tích không bị tổn thất đến tính chất và đặc điểm đột xuất của tư liệu lịch sử ấy và giữ nguyên được bản chất của nó. Vì vậy phải sáng tạo ra một số điều kiện để loại trừ quá trình hư hỏng của di tích, hoặc ít nhất cũng để ngăn ngừa được diện mở rộng hư hỏng và làm cho tác hại hư hỏng tự nhiên của nó chậm lại. Phần nhiều các biện pháp của công tác giữ gìn đều phải đòi hỏi có hiểu biết đầy đủ về kỹ thuật chuyên môn và chỉ có các nhà chuyên môn mới thực hiện những biện pháp ấy. Nếu công tác giữ gìn thiếu khoa học thì chẳng những làm cho di tích của bảo tàng bị hư hỏng, mà còn dẫn đến chỗ huỷ diệt nữa.

Hệ thống và thứ tự sắp xếp các di tích và các sưu tập trong kho di tích gốc của bảo tàng, giúp ta có thể nhanh chóng tìm được những di tích của bảo tàng và tiện cho việc sử dụng các tư liệu bảo tàng vào công tác nghiên cứu: đó là những điều kiện không thể thiếu được để sử dụng kho bảo tàng trong công tác khoa học. Tổ chức được tốt việc bảo quản bảo tàng là rất cần thiết, vì nó chẳng những là công tác hằng ngày trong nội bộ của bảo tàng, mà còn làm thoả mãn những yêu cầu của các nhà công tác khoa học, nghệ thuật và kinh tế quốc dân nữa.

Các di tích gốc của bảo tàng nên bảo quản riêng, đừng để chung với tư liệu khoa học hỗ trợ và các di tích chỉ giữ tạm thời. Việc nhận những di tích sử dụng tạm thời hay bảo quản tạm thời, cần phân biệt với các di tích gốc khác của bảo tàng. Đối với loại đối tượng dễ làm lại hoặc không giữ được lâu, thí dụ nông sản phẩm dễ mục thối như hoa quả, rau cỏ thì có thể ghi vào sổ tư liệu riêng, tiện cho việc bảo quản.

Trong kho cơ sở của bảo tàng, nếu có loại di tích của bảo tàng nào đó yêu cầu để riêng ra, vì những di tích đó có giá trị vật chất rất cao thì đòi hỏi bảo quản chuyên môn đặc biệt cẩn thận, nên bảo quản riêng trong tủ sắt (tủ bảo hiểm). Ngoài những di tích của bảo tàng đặc biệt đó ra trong kho di tích của bảo tàng còn phải bảo quản những sưu tập là những bộ sưu tập của những chủ đề nhất định, là những sưu tập toàn bộ thống nhất về giá trị khoa học hay về giá trị nghệ thuật. Trong sưu tập thuộc những thứ này thường là những di tích cùng loại (thí dụ sưu tập tiền tệ). Nhưng cũng có thể có một số sưu tập gồm các di tích khác nhau cấu tạo nên⁽¹⁾. Như trong các sưu tập di tích khảo cổ, thì di tích đó rất nhiều thứ khác nhau (những đồ vật bằng xương, đồ gốm, đồ trang sức bằng kim loại, vũ khí v.v...) Trong những trường hợp như vậy, vấn đề quan trọng là phải biết những sưu tập đó sản sinh từ một người nào hoặc một nhóm người nào đó tiến hành khai quật trong một địa điểm cùng một mùa nào mà có được. Những tư liệu cùng một loại do khai quật được sau này, cũng cần sắp xếp thành sưu tập mới.

Khi sưu tập là một nhóm, tức là khi sưu tập này theo đặc điểm xác định trước để nói rõ một hiện tượng nào đó mà những di tích do chuyên môn chọn lọc được có tính hoàn chỉnh toàn bộ lại càng quan trọng hơn. Trong những nhóm như vậy, việc mất đi một di tích thì trong một chừng mực nhất định nào đó sẽ làm cho cả sưu tập giảm giá trị, nếu phần mất đi đó trên một phần ba thì sẽ coi như mất cả nhóm.

Di tích của bảo tàng được ghi chép khoa học có giá trị hơn di tích của bảo tàng không có hộ chiếu hay không có những tư liệu cần thiết về nguồn gốc của nó. Do đó, trong kho bảo quản cơ sở cần phải để riêng những nhóm di tích của bảo tàng. Cần đảm bảo có những điều kiện bảo quản đặc biệt đối với đá quý,

⁽¹⁾ Di tích bao gồm trong sưu tập này, nếu để gần nhau mà có sự ảnh hưởng đến sự hoàn chỉnh của nó, thí dụ đồ đồng và đồ kẽm. Như vậy, thì nên đặt riêng những di tích đó ra nhưng không được vi phạm đến tính toàn bộ sưu tập.

kim loại quý và các chế phẩm của chúng, các di tích cá biệt, các nhóm di tích có giá trị bảo tàng và giá trị khoa học lớn lao.

Khi tiến hành tu sửa di tích của bảo tàng cần phải hết sức thận trọng. Tu sửa là khôi phục một bộ phận hay toàn bộ di tích của bảo tàng đã bị hư hỏng. Để không làm tổn thương đến những di tích khó sửa chữa, thì việc tu sửa nhất định phải để các nhà chuyên môn tu sửa làm.

Khi tu sửa, không được lấy sáng kiến của mình để che lấp di tích gốc của nguyên tác giả. Đó là nguyên tắc chủ yếu nhất, tối thiểu nhất mà người tu sửa cần phải làm đúng. Nếu như di tích có chỗ sứt mẻ, rơi rụng, những cái này không cho người ta tưởng tượng đến hình dạng nó còn nguyên vẹn lúc ban đầu, vậy thì muốn chú ý đến sự cảm thụ của thị giác của chúng ta hoặc giả sự cần thiết gắn chặt chỗ bị rơi rụng, thì bắt buộc dĩ phải có những miếng chắp vá, nhưng không vượt quá phạm vi của chỗ sứt mẻ, nhưng còn về tính chất của bản thân những di tích tu sửa ấy, khuôn khổ của nó, cách tiến hành công tác như thế nào, đó là những vấn đề mà không tự ý giải quyết nếu chưa được thảo luận toàn diện với các nhà chuyên môn.

II. PHÂN NHÓM CÁC DI TÍCH CHÍNH CỦA BẢO TÀNG

Kho bảo quản thực tế là một phòng thí nghiệm khoa học. Nó đảm bảo công tác phân định và nghiên cứu khoa học các di tích của bảo tàng với mục đích sử dụng chúng về mặt hoạt động của bảo tàng. Kho bảo quản cần được trang bị như những phòng khoa học của các bảo tàng mà di tích đã được hệ thống hoá, kho bảo quản cũng không phải là một kho sưu tập đơn thuần. Nó cần được phân bố sắp xếp sao cho các di tích của bảo tàng được bảo quản tốt nhất, và để tìm khi cần thiết đưa vào phòng trưng bày.

1. Phân nhóm và sắp xếp di tích

Do sự khác nhau về thành phần phức tạp của di tích của bảo tàng, cho nên việc bảo quản gặp những khó khăn lớn.

Đối với tất cả di tích của bảo tàng mà chế độ bảo quản chung phụ thuộc vào những nhân tố cơ bản như: nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí (thường xuyên tác động) thì những nhân tố ấy làm ảnh hưởng đến sự hoàn chỉnh của di tích.

Để tổ chức được tốt việc bảo quản các di tích làm bằng chất liệu khác nhau và có thành phần hoá học khác nhau, cần phải quy định chế độ bảo quản chung đặc tính cá biệt của một số nhóm di tích để định ra chế độ bảo quản riêng.

Căn cứ và nguồn gốc chất liệu và thành phần hoá học của các di tích của bảo tàng, ta có thể chia theo mấy cách sau đây:

A- Thứ nhất:

a) Những đối tượng lịch sử tự nhiên: mẫu cổ thạch khí, địa chất, khoáng chất thổ nhưỡng, thực vật (trước hết là những thứ cây cỏ), động vật chia loại ướp, tiêm khô, thuộc da, nhồi bông, loại xương, sưu tập côn trùng (đã hoặc chưa ướp), nhân chủng (đồ vật bằng xương). Trong mỗi nhóm đồ vật ấy lại được phân hạng và sắp xếp theo nguyên tắc phân loại cho phù hợp với các bộ môn khoa học tự nhiên.

b) Những di tích lịch sử như: tư liệu khảo cổ sưu tầm được trong các cuộc khai quật, đã được nghiên cứu xác minh trong thời gian nhất định, thì cần được bảo quản theo từng sưu tập. Những di tích gồm toàn bộ (cùng một chất liệu) cũng được bảo quản theo từng sưu tập như những sưu tập tiền cổ.

Những di tích lịch sử về sinh hoạt và những di tích lịch sử được phân phối bảo quản theo: kim loại (để riêng những nhóm kim loại quý), đồ gỗ, đồ dệt, giấy, da và lông xương, đồ sứ và đồ thủy tinh v.v... Những di tích đặc biệt mà gồm những đồ vật khác nhau như: vũ khí, đồ đạc bày trong nhà v.v... thì được xếp vào loại riêng.

Trong những loại di tích về sinh hoạt lại phân theo công dụng (bát, đĩa, dụng cụ, đồ trang trí trong nhà v.v...) theo từng thời đại.

c) Những di tích nghệ thuật được sắp xếp riêng từng loại để bảo quản như loại nghệ thuật tạo hình: tranh sơn dầu, tranh vẽ thuốc nghiên cứu, vẽ bút chì, điêu khắc v.v... Tất cả những loại ấy phải sắp xếp theo thời đại, trường phái và tác giả.

d) Những di tích về kỹ thuật kinh tế phân phối theo các loại công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải v.v... Những di tích về tiểu thủ công thì phân loại theo từng nghề thủ công, còn về công nghiệp thì phân loại theo từng ngành chủ yếu.

Những di tích đồ sộ (những bộ xương lắp, những động vật nhồi bông, điêu khắc, máy móc v.v...) đòi hỏi diện tích lớn và những trang bị đặc biệt thì phải có hệ thống bảo quản riêng.

Những di tích quý của bảo tàng đã được liệt vào thống kê tập trung của quốc gia, cần phải chia ra từng loại để những di tích ấy có đủ những điều kiện bảo quản tốt nhất.

Những tư liệu khoa học hỗ trợ (ưu tiên cho những đồ vật do bảo tàng tạo nên) không bảo quản chung với di tích gốc, mà phân ra thành những loại đồ vật có khối lượng và những đồ vật thường để bảo quản. Lần lượt mỗi loại ấy chia thành những nhóm như đã chia ở di tích gốc.

B- Thứ hai

a) Những di tích của bảo tàng thuộc thành phần vô cơ, thường là hợp chất ổn định: mẫu quặng địa chất, chế phẩm kim loại, đồ đá, đồ gốm, đồ thủy tinh v.v...

b) Những di tích của bảo tàng thuộc thành phần hữu cơ, đòi hỏi thường xuyên được giữ gìn để đề phòng các loại côn trùng huỷ hoại: sưu tập thực vật học, động vật học, cổ sinh vật học, nhân chủng học, chế phẩm đồ gỗ, đồ dự án, sáp, sừng, đồi mồi, hổ phách, xương đồ dệt, giấy v.v...

c) Những di tích của bảo tàng do những thành phần phức tạp cấu tạo nên bằng chất liệu hữu cơ và vô cơ: tác phẩm hội hoạ, tác phẩm nghệ thuật trang trí, dụng cụ gia đình, vũ khí, đồ vật có chạm khắc v.v...

Di tích của bảo tàng cũng có thể chia ra: những mẫu tự nhiên trực tiếp lấy từ trong thiên nhiên và những di tích do kết quả lao động con người sáng tạo nên (di tích lịch sử, di tích nghệ thuật).

Di tích của bảo tàng là những vật mẫu lấy từ trong thiên nhiên thì có thể phân nhóm và bảo quản theo chất liệu phù hợp với khoa học tự nhiên (mẫu quặng địa chất, cổ sinh vật, thực vật, động vật và nhân chủng).

Di tích của bảo tàng là những di tích lịch sử sẽ phân nhóm theo chất liệu, theo niên đại và theo tác dụng của di tích (chế phẩm kim loại và thứ khác).

2. Nhiệt độ và Độ ẩm

Nhiệt độ không khí càng cao, có thể hơi nước chứa trong đó càng nhiều, khi nhiệt độ giảm xuống thì những hơi nước ấy sẽ tụ thành hạt nước rơi xuống. Mỗi khi nhiệt độ giảm xuống, những loại có tính chất hút nghiên cứu, sẽ nở ra. Những khi nhiệt độ tăng lên, di tích bắt đầu khô nhả nước ra rồi co lại.

Đối với những di tích hữu cơ, khi nhiệt độ thay đổi thì chúng sẽ bốc hơi nước hoặc biến đổi tính chất của nó. Trong những điều kiện của bảo tàng, các hiện tượng trên có thể thường xảy ra chủ yếu là do di tích để gần máy phát quang tuyến hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp của ánh sáng mặt trời.

Việc giữ độ ẩm được bình thường có tác dụng lớn đối với công tác bảo quản di tích trong những điều kiện ở bảo tàng. Thật ra nhiệt độ và các nhân tố khác cũng không ảnh hưởng mấy mà nếu có thì chỉ ít thôi đến trạng thái bảo quản các di tích của bảo tàng, thí dụ như không khí ngột ngạt bởi các loại khí, nhưng thường do không giữ đúng nhiệt độ, thì gây ra mốc v.v...

Sự ẩm ướt làm tăng thêm những ảnh hưởng khác như ánh sáng, những sự ngột ngạt về hoá học trong không khí v.v...) đối với di tích của bảo tàng, ẩm nhiều còn làm cho các vật hữu cơ trở thành môi trường thuận lợi nuôi dưỡng các loại ký sinh trùng và nấm mốc. Những loại này còn nguy hiểm hơn các hiện tượng thiếu độ ẩm, thường thường do nước thấm trực tiếp vào các di tích như nước mưa lọt vào các cửa sổ hay rỉ qua các tấm kính lợp trên mái nhà, các mái nhà và ống dẫn nước bị hỏng v.v...

Không khí mang nhiều độ ẩm, chẳng những phát sinh những tác dụng hư hỏng có tính chất cơ học mà hơi ẩm còn kết hợp với các tạp chất trong không khí, sinh ra những tác dụng hoá học, có thể phá hoại di tích của bảo tàng.

Do ảnh hưởng của nhiệt độ không đều, nên độ ẩm, ánh sáng tác động với tạp chất trong không khí, có thể làm cho di tích của bảo tàng rất chóng hỏng.

Để thường xuyên giữ được nhiệt độ và độ ẩm nhất định phải sử dụng các thiết bị trắc lượng. Đo nhiệt độ bằng nhiệt kế, đo độ ẩm bằng thấp độ kế và thấp độ biểu. Trong tất cả các phòng của bảo tàng, đặc biệt là những phòng mà nhiệt độ thường phát sinh đột ngột là những nơi không khí thay đổi nhiều thì nên cố gắng lắp các thiết bị trắc lượng, nhưng không nên để các thiết bị đó ở tường ngoài và cũng không nên đặt gần chỗ lấy hơi ẩm.

Khi trời lạnh, khô ráo, lúc quét dọn nhúng ướt mùn cửa sạch hoặc nhúng ướt giấy sạch, để trên lò sưởi trong những căn phòng thiếu độ ẩm.

Ở trong bảo tàng, từng giờ, từng phút chúng ta thường gặp tình hình độ ẩm rất cao và không khí bị ô nhiễm bởi những thể khí khác và bụi bặm. Vì thế, bất luận ta dùng cách làm cho ẩm nào đều phải cân nhắc đến cánh thông gió. Thông gió nhằm mục đích làm giảm nhiệt độ và giảm độ ẩm trong kho để đạt yêu cầu bảo quản. Thông gió còn nhằm đẩy các tạp khí có hại trong kho ra ngoài (như khí cac-bô-níc do người làm việc hay do các hòm gỗ mục thải ra).

3. Ánh sáng.

Ánh sáng nhân tạo và đặc biệt ánh sáng tự nhiên là điều kiện cần thiết để xem xét di tích nhưng ảnh hưởng đến việc bảo quản chung. Những tia tử ngoại với làn sóng cực ngắn (tác dụng về hoá học) và những tia hồng ngoại với làn sóng cực dài (tác dụng tăng nhiệt) là những tia không trông thấy, có tác dụng tích cực nhất; ngoài ra còn có những tia khác có ảnh hưởng mạnh đến nhiều màu sắc. Ánh sáng mặt trời trực tiếp ảnh hưởng mạnh nhất

Ánh sáng làm thay đổi màu sắc. Ánh sáng còn làm cho một vài di tích mất tính chất, biến màu (thí dụ: tất cả các loại vải, đặc biệt là tơ lụa).

Ánh sáng cũng có thể làm tươi trở lại màu sắc ban đầu và có thể làm hạn chế sức phát triển của các loại nấm phá hoại.

Không được để ánh sáng mặt trời tác dụng trực tiếp lên di tích. Cần bảo đảm cho di tích không bị tác dụng của ánh sáng mặt trời bằng cách dùng những bức màn mỏng, hoặc vải che màu xanh lá cây.

4. Những tác hại do giới thực vật và động vật gây nên.

a) Những tác hại của giới thực vật:

Trong điều kiện thiếu ánh sáng, không khí ẩm thấp, những chất hữu cơ và một vài chất vô cơ trở thành môi trường thuận lợi để vi khuẩn trong không khí (đặc biệt là bụi) phát triển, nó trực tiếp làm cho di tích dần dần bị hư hỏng và tan rã hoặc làm cho di tích biến đổi (như làm cho giấy có những vết đỏ nâu).

Nấm là một loại sinh vật sống trên những sinh vật (nấm ký sinh) hay trên xác các loại sinh vật (nấm hoại sinh). Hầu hết nấm ăn gỗ là nấm hoại sinh, sống trên tế bào chết (lõi cây sống, cây đã hạ, gỗ thành phẩm). Không có loại gỗ nào có thể sinh được nấm, chỉ có nấm rơi vào mới sinh ra nấm và nấm loại nào sinh ra nấm loại ấy.

Mốc thường phát triển rất nhanh trong điều kiện 70-80% độ ẩm và khi đã mọc trên di tích có thể tiếp tục phát triển với độ ẩm thấp hơn. Trong điều kiện độ ẩm thấp, mốc không phát triển được.

b) Những tác hại của giới động vật.

Những loại côn trùng gây tác hại cho các di tích của bảo tàng, có đến gần 70 loại. Trong số này phổ biến hơn cả là loại mọt cắn quần áo, loại nhậy và loại bọ rầy.

Những loại mọt (mọt cắn quần áo, cắn len, cắn dự án, cắn thảm) là những loại mà chúng ta thường thấy nhất. Loại này chính là những con bướm rất nhỏ màu vàng, nâu nhạt hoặc đỏ đục. Những con sâu con của loại này màu trắng, đầu vàng nhạt, cũng có con màu đỏ sẫm, có ba đôi chân ở ngực và một đôi chân ở sau. Nhờ có đôi chân này mà chúng ta có thể phân biệt được chúng rất dễ. Đặc biệt là loại bọ rầy là không hề có một chiết chân nào. Chúng có thể phát triển trong mọi môi trường. Những con bướm thuộc loại này không hề ăn một thứ gì mà vẫn sống rất dai. Chúng thường gây ra những tác hại lớn cho các thứ đồ dùng như: tơ lụa, bông vải sợi, dạ, tóc, lông măng và lông chim, các sưu tập động vật tiêm khô để nơi ẩm thấp và những chỗ tối.

Trong các bảo tàng thường thấy nhiều loại nhậy khác nhau.

Loại nhậy ăn thịt (*Dermestes Lardarius* L) mình nó thuôn đen, đôi cánh rất cứng có những đường dây màu vàng rộng bản nối với nhau, dài chừng 7-9 mi-li-mét. Loại này thích ăn những loại da thuộc. Nó nhấm da từ mọi phía, để lộ ra những đường cắt rất nhỏ.

Loại nhậy Anthrenes nhỏ hơn (4-5 mi-li-mét) loại nhậy *Dermestes*, có hình tròn và hình cầu. Ở giai đoạn sâu con, chúng thường ăn lông chim và những con sâu khô, nhưng chúng cũng cắn cả những da thuộc và da sống.

Loại nhậy Attagenus, mình màu đen, thuôn, dài 4-6 mi-li-mét có những đốm trắng có khi hơi sáng ở phần trên, thường gây tác hại những di tích làm bằng len, dạ, nhung.

Loại mọt đục khoét thuộc họ Anobiidae là loại mọt nhỏ, mình nó giống như hình cầu, đầu thường rụt vào tận ngực. Loại sâu mọt này màu trắng, mập mạp, hay ẩn náu trong các thứ thực phẩm, thường hay đục xuyên từ bên nọ sang bên kia.

Loại mọt trong nhà và loại mọt đồ mộc (*Anobium pertinax* và *Anobium domesticum* "Gffr") là những loại mọt màu đen, cánh cứng có những hàng chấm chạp dài độ 4-5 mi-li-mét. Những con sâu con thuộc loại này lớn lên ở những đồ

vật làm bằng gỗ, chúng đục những cái lỗ rất sâu, gây ra tác hại lớn cho các đồ vật làm bằng gỗ.

Loại mọt gạo hay *mọt bột mì* (*Anobium paniceum* L. *Sitodrepa panicea* L.) là loại mọt dài độ 2-3 mi-li-mét, màu đỏ sẫm như rỉ sắt. Chúng ăn những thứ thực phẩm như: bột mì, gạo, những thức ăn có chất bột như hồ v.v... có khi chúng còn gặm cả các sứa tập động vật tiêm khô, các sản phẩm làm bằng giấy bản, bìa sách có dán hồ, giấy bìa bồi và một số những thứ khác có dính chất bột, giấy, các loại gỗ để khô (nhất là những thứ gỗ cũ đã bị mềm).

Trong các bảo tàng và các thư viện thì loại mọt này cũng là một loại đặc biệt tác hại vì nó khoét sách, làm hỏng các loại giấy. Nó còn đục khoét những sứa tập cây cỏ ướp khô, thường gọi loại này là “rận sách”, “rận bụi”. Đây là những loại côn trùng nhỏ màu nhạt, không có cánh, dài gần 1 mi-li-mét.

Loại mọt “ăn cắp ẩn danh” (*Ptinus fur* L.) thuộc họ Ptinidae là loại sâu có thân tròn, chân dài và râu dài. Hơi giống như con nhện. Chúng hoạt động ban đêm và sinh sống bằng chất hữu cơ, bằng những cây khô, bằng các thứ giấy, bìa và da thuộc. Loại này gây rất nhiều tác hại cho các thư viện.

Loại mọt Lyctus thuộc họ Lyctidae là loại giáp trùng nhỏ, dài trung bình 3-5 mi-li-mét, màu nâu. Chúng thường đục vào gỗ (trừ gỗ có chất nhựa). Những con cái khi đã có trứng, chúng liền chui vào các mạch của gỗ để đẻ trứng. Vì thế, các mạch của gỗ cần phải rộng vừa với bụng của con cái (có một số gỗ mà chúng không gây tác hại được vì những mạch của gỗ rất hẹp). Những con sâu con của chúng nở ra và sinh sống ở bên trong của gỗ. Chủ yếu chúng phá huỷ gỗ, nhưng cũng có khi tác hại quan trọng đến cả da thuộc.

Loại sâu bọ sừng dài (*Longicornes* “bổ củi”, *Capri-cornes* “xén tóc”) thuộc họ *Cerambycidae* là loại giáp trùng có sừng dài, mình dài từ một đến nhiều xăng-ti-mét. Nếu loại mọt “khoan nhỏ” (*vrillettes*) và loại mọt *Lyctus* là những kẻ thù rất nguy hiểm đối với đồ mộc và gỗ, thì loại này cũng có thể gây ra những tác hại lớn. Loại tác hại nhiều nhất là *Hylotrupes bajulus* L. thường gọi là “xén tóc nhà”. Con sâu này chuyên phá huỷ gỗ; vì vậy nó nguy hại nhiều đối với đồ gỗ và giá sách của thư viện.

Loại mọt sách, thuộc hạng *Thysanoures* và thuộc họ *Lépismes* có hại cho các tài liệu lưu trữ. Những sâu mọt loại này, có tên gọi là “đổ ngư”, “cá bạc”, dài trung bình 8-11 mi-li-mét. Chúng không có cánh và được che thân bằng những vảy màu xám. Chúng sống trong những góc tối, mát và hay cắn những sách cũ để ăn hồ keo của gáy sách. Chúng vẽ lên trên vải sợi những đường ngoằn ngoèo.

Loại dán chúng thường sống trong những khe tối tăm, nóng, ẩm. Chúng là những côn trùng ăn tạp, chúng có thể xé rách và làm bẩn, làm hỏng bìa sách, giấy, vải, sợi, da thuộc.

Loại mối là loại côn trùng sống từng đàn phá hoại gỗ nhất là ở vùng nhiệt đới. Có rất nhiều loại mối. Người ta mới biết được có 1.200 loại mối.

Loại *rận sách*, *rận bụi* là những con P.soques có cánh đơn sơ hoặc không có cánh, thường gặp trong các thư viện. Thông thường được gọi là những con “rận sách”, chúng là những con sâu rất nhỏ, sinh sống bằng những mảnh vụn xúc vật hay thực vật và ở những nơi tối tăm và ẩm thấp. Những con “rận bụi” đặc biệt thích cắn hồ bột, da thuộc, gỗ và tất cả các chất hữu cơ để ẩm.

Loài chuột gây nhiều tác hại. Các di tích trong kho bảo tàng, chúng còn làm mất vệ sinh và gây nên những bệnh dịch. Chuột có nhiều loại khác nhau. Ở đây chúng ta chỉ nói đến loại chuột thường gặp trong nhà ở, kho tàng, chuồng nuôi gia súc: *chuột cống*, tên khoa học là *Rattus norvegicus*. Loại này phổ biến trong thành phố và nông thôn nước ta. Hình dáng to lớn. Lông ở phía lưng màu nâu xám. Lông bụng màu xám, thân dài hơn đuôi. Chúng thường chui rúc trong các cống rãnh, hầm hố hoặc đào hang dưới nền nhà, nền kho v.v... Chuột cống bơi lội giỏi, nhưng leo, trèo kém. Chúng ăn hại ngô, lúa, khoai đậu và có khi cả chim, gà, vịt con. Khi cần thiết, chúng cũng có thể đục khoét hòm, tủ, vải, cao su v.v... Nguy hiểm nhất là chuột cống thường đào hang, đục khoét kho tàng, nền nhà, chân đê. *Chuột nhà* hay *chuột đàn*, tên khoa học là *Rattus Flavipectus*. Hình dáng trung bình. Đuôi dài hơn thân, lông màu sẫm hoặc màu vàng nâu. Chúng sống trong nhà ở, kho tàng, chuồng nuôi gia súc. Một đôi khi chúng có thể sống ở hố rác hoặc vườn gần nhà. Chuột nhà leo trèo rất giỏi. Chúng cắn phá các vật dùng trong nhà như hòm, tủ, quần áo, chăn màn, rổ rá, phen vách v.v... *Chuột nhắt*, tên khoa học là *Mus, Musculus*. Hình dáng bé, lông màu nâu xám, bụng nâu vàng. Đuôi gần bằng thân hoặc dài hơn một ít. Chúng thường len lỏi trong các hòm, tủ, hộc bàn, ngăn kéo, chum vại đựng lương thực, va li đựng quần áo v.v... Chuột nhắt rất nhanh nhẹn và khôn ngoan, leo trèo rất giỏi, chúng ăn hại gạo, lúa, ngô, đậu v.v...

c) Biện pháp diệt nấm mốc, vi sinh vật, côn trùng và động vật phá hoại các di tích bảo tàng.

Công việc phòng chống các loại nấm mốc, vi sinh vật, côn trùng và động vật phá hoại các di tích của bảo tàng là việc cần phải làm. Có thể dùng các biện pháp tiêu diệt và cô lập chúng bằng hoá chất hay bằng phương pháp khống chế môi trường sống của chúng.

Điều kiện khí hậu nước ta có nhiều thuận lợi cho sự phát triển nấm mốc. Chúng ta thường thấy nấm mốc xuất hiện trên vải, da, ở các mặt kính quang học, trên bục gỗ v.v... và gây tác hại rất lớn. Để tiêu diệt và đề phòng nấm mốc người ta thường dùng phóc-môn, a-xit xa-li-xi-líc và hợp chất của nó.

Chất phóc-môn có khả năng diệt nấm mốc, diệt côn trùng. Chất này không làm hỏng giấy và không làm nhòe mực in, nên thường sử dụng chống mốc cho tài liệu.

Để chống mục cho gỗ và vải, người ta nghiên cứu một số hoá chất có kết quả như flo-rua na-tri, crê-ô-zôt, hợp chất đồng, cơ-rôm ta-nin và một số hoá chất khác.

Đối với các loại côn trùng, cần phải tìm những biện pháp để ngăn ngừa, không cho chúng xâm nhập được vào khu vực kho bảo quản. Muốn tiến hành công tác này thì trước hết phải có sự kiểm tra, theo dõi thường xuyên.

Những loại côn trùng kể trên, thường bay từ đường phố vào một cách dễ dàng. Đó là môi trường phát sinh ra các loại côn trùng gây tác hại cho bảo tàng.

Nếu chúng ta không chịu chăm nom những bộ xương khô hoặc những chiếc sọ để trong bảo tàng, thì chính những nơi ấy cũng là nơi gây ra những loại côn trùng có hại, là những nơi cư trú và trưởng thành của chúng. Loại sâu nhỏ lẫn tẩn có khi chưa làm hại gì cho đồ vật, nhưng chúng đã nhờ miếng thịt mủn còn sót lại ở trên các bộ xương mà lớn lên.

Mỗi một di tích mới sưu tầm, muốn đưa vào kho bảo quản bảo tàng cần phải được xem xét, kiểm tra cẩn thận và tỉ mỉ, vì những di tích ấy thường đem theo các côn trùng đến. Việc tham gia hoặc góp ý kiến của các chuyên gia về trừ độc và kiểm độc trong những trường hợp này là rất cần thiết. Mỗi một di tích mới được đưa vào phần trưng bày bảo tàng, thì trước hết phải được trừ độc và kiểm độc cẩn thận.

Trong số những hoá chất được dùng trong việc trừ độc được áp dụng tiện hơn cả là hơi phóc-môn. Chất này đem đổ vào một cái đĩa rồi đem đặt nó xuống đáy hòm.

Để diệt dán, người ta dùng một hỗn hợp gồm: mười phần bô-rắc, năm phần bột ớt và ba phần bột gạo hoặc bột mì, hay một phần bột thạch cao nung và một phần bột gạo hoặc bột mì để khô và nghiền thành bột mịn trộn đều rồi đặt ở nơi có dán. Ngoài ra, người ta còn dùng một phần bô-rắc, một phần đường và một phần bột gạo hay bột đậu trộn với nhau đem đổ vào đĩa đặt ở nơi có nhiều dán. Cần chú ý bô-rắc độc với người vì vậy khi dùng phải thận trọng.

Phòng trừ chuột có nhiều biện pháp: hạn chế tốc độ sinh sản, hạn chế mức độ phá hoại, bắt bằng bẫy, đào hang hun khói để bắt, dùng chất hoá học mạnh để diệt chuột. Có thể lấy củ cây hương bài (có nhiều ở vùng trung du) giã lấy nước ngâm với gạo hoặc phối khô rồi đem rang, chuột ăn phải sẽ chết ngay, hoặc lấy nhựa xương rồng trộn với cám rang hành mỡ cho thơm rồi rắc ở các nơi chuột hay qua lại như ở bờ ruộng, chuột ăn phải sẽ chết ngay; lấy cơm nguội tẩm với dầu hỏa đem phối khô, tẩm độ hai ba lần, rồi đem rang với mỡ, chuột ăn phải khát nước và uống nước nhiều cũng chết; lấy rễ cây lá ngón giã lấy nước trộn với bột ngô, bột gạo hay bột mì đem rắc ở những nơi chuột hay qua lại; phi mỡ thật thơm quét lên mặt lá han rồi để ở nơi chuột hay qua lại, chuột liếm phải sẽ chết. Ngoài ra còn có thể dùng các loại cây có chất độc khác như hạt mã tiền, vỏ cây lựu, cây sui v.v... để làm bả độc.

Để tiêu diệt loại mối, người ta dùng nhiều cách: cắt nguồn nước, phá tổ mối v.v... song chủ yếu nên dựa vào phương pháp dùng thuốc làm cho mối nhiễm độc rồi cọ xát vào nhau, chuyền độc cho nhau khiến cho cả ổ mối bị tiêu diệt. Làm như thế vừa tiết kiệm được nhân lực và thời gian, vừa có thể bảo vệ được di tích.

III. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ BẢO QUẢN CÁC MẪU TỰ NHIÊN

Đặc điểm cơ bản của tư liệu lịch sử tự nhiên là chúng không phải trở thành sưu tập bảo tàng ngay. Thí dụ, mẫu thực vật học và mẫu động vật học, nhất định phải xử lý, gia công lâu dài, ủ mủ trước rồi mới cho vào kho hoặc mang ra trưng bày. Tư liệu lịch sử tự nhiên có thể chia ra làm hai loại lớn. Mỗi một loại đều có một số đặc điểm bảo quản riêng của mình.

1. Mẫu tự nhiên thuộc thành phần vô cơ

Những mẫu trưng bày có liên quan đến những vấn đề địa chất, đúng hơn là có liên quan đến sự nghiên cứu và khai thác của vỏ trái đất, có thể chia ra những nhóm chính sau đây:

a) Nham thạch và khoáng vật:

Những tư liệu này tuyệt đại đa số là loại chế biến cứng và khô, thể lỏng có rất ít (dầu hỏa và các sản phẩm phụ khác của nó, bùn thối “bùn có xác thực vật rữa”, nước muối hồ, nước mạch mỏ v.v...), ít hơn cả là thể hơi (hơi thiên nhiên).

Mẫu tự nhiên cứng (nham thạch, khoáng vật, quặng mỏ v.v...) đều bảo quản trong các đồ chứa như hòm, hộp, khay bằng gỗ v.v... tính chất và kích thước thì làm theo mẫu đối tượng. Mẫu to để ở tầng dưới cùng của tủ. Các mẫu nên đóng gói để bảo quản trong kho; để đề phòng đối tượng phai màu sắc nên bảo quản ở chỗ tối (trong tủ kính, trong hộp hay trong hòm có nắp đậy kín). Mẫu quặng để trong tủ kính bị ánh sáng sẽ phai màu sắc, nên phải có rèm vải che. Nhiệt độ thay đổi đột ngột có thể làm cho nhiều mẫu hỏng. Do độ ẩm quá lớn và nhiệt độ không ổn định cho nên rất nhiều mẫu bị hỏng đặc biệt là mẫu khoáng vật và các loại muối sẽ thành a-xít sun-phuy-a-rơ hoá.

Những khoáng vật trưng bày để ngắm, không có tính bảo vệ đòi hỏi phải kiểm tra thường xuyên, chủ yếu tránh bụi bám vào chúng. Để trừ bụi ở những khoáng vật và quặng mỏ thì dùng máy hút bụi nhiều, trừ những thứ dễ tan (muối) hoặc biến dạng (đất sét), phải rửa bằng bàn chải lông trong nước ấm, sau đó lau khô những mẫu này bằng cồn.

b) Những vật địa chất cấu tạo, những vật hoá thạch, mẫu cổ sinh vật học:

Phần lớn trường hợp những sưu tập hoá thạch cũng như những loại quặng mỏ là những hiện vật trưng bày thuộc phần địa chất.

Để ngăn ngừa nứt nẻ và những huỷ hoại các tế bào xương của động vật thời kỳ đệ tứ đã đào được, cần tiến hành tu sửa qua những chỗ hỏng trên thạch cao với dung dịch ca sê in (một phần ca sê in, tám phần nước) cho nên thạch cao đủ nhào thành một chất bột dẻo.

Những mẫu thực vật, côn trùng và các thể chất khác đòi hỏi bảo quản cẩn thận, nhất là ở trong kho, tránh những hư hỏng về cơ học, cũng như đối với những mẫu hoá thạch, nên bảo quản trong hộp hoặc ngăn kéo, gói trong bông.

c) Mẫu thổ nhưỡng.

Mẫu thổ nhưỡng bằng đá tảng tầng đất và thổ nhưỡng có tạp chất v.v... đều phải bảo quản trong hòm và trong hộp. Loại hòm hay hộp này đều là loại có cửa kính hay nắp kính một mặt, cần tránh hơi ẩm, vì hơi ẩm làm cho vi trùng nở nhiều, vì vậy không thể bảo quản những mẫu này trong gian nhà ẩm thấp được. Đối với những mẫu thổ nhưỡng đặc biệt là những tảng đá, khi di chuyển và vận chuyển va chạm vào nhau rất dễ vỡ, do đó va chạm rất nhẹ cũng làm cho mẫu đó vỡ ra.

2. Mẫu tự nhiên thuộc thành phần hữu cơ.**a) Tư liệu thực vật học.**

Phần lớn những tư liệu thực vật học thường được bảo quản ở dạng khô. Sưu tập thực vật học chính là tập mẫu cây cỏ, nghĩa là cây cỏ khô trong lưới ép hoặc dán trên giấy. Những cây dán vào giấy, nên gắn bằng keo. Trong keo bổ thêm chất sát trùng.

Tập mẫu cây cỏ sắp xếp có hệ thống theo từng dòng họ. Mỗi dòng họ lại xếp từng giống, mỗi giống xếp thành từng loại. Mỗi loại để vào một bìa riêng.

Ngoài mẫu tập cây cỏ theo hệ thống ở bảo tàng còn có thể bảo quản những tập mẫu theo chủ đề như những tập mẫu cây cỏ có ích, cây ăn được, cây làm thuốc, cây cỏ sinh tố, cây chăn nuôi, cây cỏ dại, cây công nghiệp v.v...

Những lá mẫu xếp đầy vào bìa rồi cho những bìa ấy vào phong bì, cất vào cặp bìa cứng. Cặp làm bằng hai miếng bìa theo khổ của tập mẫu luôn dây qua những lỗ ở bìa và buộc chặt đầu.

Nên bảo quản tập mẫu cây ở trong tủ lồng kính có cửa đóng kín.

Ngoài những loại thực vật khô (những tập mẫu cây cỏ), trong bảo tàng còn có những cây được bảo quản trong thể dung dịch (cồn, phóc-môn và dung dịch đặc biệt): các thứ hoa quả có nhiều nước khoáng, củ cải, hành, tỏi, rau, rong mềm, nấm mộc nhĩ v.v... (những loại không thể bảo quản ở trạng thái khô được). Thực

vật ngâm trong cồn để phai màu sắc hơn so với các loại ngâm trong phóc-môn, do đó người ta thường ngâm trong phóc-môn.

Gỗ với các hình thức cành cây, phiến đoạn cành cây, phiến đoạn vỏ cây, gỗ khác và mẫu vỏ cây, sẽ phân loại bảo quản trong tủ, trong ô kéo và trong hộp có kích thước lớn nhỏ khác nhau của mẫu. Có thể xâm nhập vào các mẫu thực vật khô gồm có các loại thiêu thân và côn trùng cánh cứng, mọt gạo và các loại mọt nhỏ. Có thể xâm nhập vào hoa quả và hạt giống khô còn có loại mọt gạo nữa. Các loại sâu mọt, sên, sâu xén tóc và các loại khác, ký sinh trùng ở chất gỗ khô đều có thể làm hỏng các thứ gỗ.

b) Tư liệu động vật học.

Theo cách ướp những tư liệu động vật học có thể chia làm hai nhóm: mẫu ngâm (ướt) và mẫu khô.

Những mẫu thuộc nhóm thứ nhất bảo quản trong những chất ướp lỏng (cồn, phóc-môn v.v...) như: cá, ếch, nhái, bò sát, chim, có vú nhỏ (dơi), phần lớn những loài không có xương sống (trong số đó số đông là những côn trùng nhỏ và mịn, thí dụ loại sâu nhỏ phá hoại thực vật, nuôi sống chất nước ở cây cũng như các sâu con). Thành phần nhóm thứ hai gồm những con vật nhồi bông, những bộ da có lông và xác khô, da thuộc, xương sọ và cả bộ xương, trứng và tổ chim, sưu tập động vật không có xương sống được giữ ở thể khô như vỏ của loài nhuyễn thể (ốc hến) và những loại tôm, cua lớn, phần lớn côn trùng.

Chế phẩm ướt (mẫu ngâm) bảo quản không phải là khó lắm, chúng không thể bị ẩm, bụi, côn trùng phá hoại, nhưng lại bị huỷ hoại do ánh sáng và một vài trường hợp do nhiệt độ thấp. Cần chọn những điều kiện bảo quản cho thích hợp. Những chế phẩm ướt cần bảo quản trong tủ kính râm hoặc tối. Những chế phẩm trưng bày nên đặt sao cho chúng khỏi bị ảnh hưởng trực tiếp của ánh sáng mặt trời. Cần phải đặt trong loại bình thuỷ tinh hình tròn, một số mẫu nào đó sẽ để trong loại bình thuỷ tinh hình vuông.

Để chất ướt lỏng do bị cạn đi do bốc hơi, cần đậy nút cẩn thận các lọ và bình. Những nút nhám cần bôi va-dơ-lin, những nút lọ và bình thì gắn xi hoặc đổ pa-ra-phin.

Chất ướp lỏng tốt nhất là cồn. Cồn thường dùng là 70 độ. Khi đưa những mẫu tươi vào bảo tàng, cần kiểm tra lại độ của cồn vì nước ở mẫu tiết ra làm cho cồn nhẹ hơn 70 độ và sau này hiện vật có thể bị thối. Cồn đã loãng thì phải đổ đi và thay cồn 70 độ mới vào.

Cồn bị nâu hoặc vàng do chất mỡ của mẫu ướp, qua một thời gian phải đổ đi thay cồn mới, nhất là những chế phẩm trưng bày. Khi đổ thêm cồn mới vào những chế phẩm ướp cồn, có thể bị đục do hai thứ cồn lẫn lộn, nếu có lắng xuống thì tất cả mẫu cũng sẽ bị mờ đi. Cho nên không đổ cồn mới vào chế phẩm trưng bày ngay một lúc đầy bình chứa, mà bắt đầu đổ ít một, nếu thấy đục cần thay tất cả cồn.

Chế phẩm khô (mẫu khô), những động vật khô thu hút nhiều loại có hại phá hoại tính chất bảo quản của những đối tượng và đòi hỏi phải lau chùi đặc biệt và những biện pháp phòng bệnh khác nhau được áp dụng làm cho chế độ bảo quản bình thường các đối tượng bảo tàng được đầy đủ (nhiệt độ, độ ẩm, không khí trong sạch, tránh ánh sáng).

Đối với những loại sinh vật, những biện pháp phòng bệnh cần làm như sau: tẩy bụi ở các đối tượng bằng bàn chải lông hoặc bàn chải mềm. Những bộ da có lông bị bụi nhiều, nên chải bụi bằng bàn chải. Những bộ xương, xương sọ, vỏ ốc, hến, loại động vật, những san hô v.v... bị bụi bám vào, có thể rửa cẩn thận, do những vật ấy gồ ghề (san hô, sao biển) cần rửa bằng tia nước và bằng bút lông lợn mềm.

Những bộ da có lông, da thuộc, xác khô bị mốc cần làm cho khô, sau đó tẩy mốc đi. Những vật cứng (xương, vỏ ốc hến v.v...) đơn giản có thể rửa mốc. Sau khi tẩy mốc cần xông các đối tượng đó bằng hơi phóc-môn để diệt bào tử mốc. Tủ, hộp, ngăn v.v... đựng những chế phẩm bị mốc cũng xông phóc-môn.

Băng phiến, long não được sử dụng rộng rãi chỉ là một chất làm cho những loại gây hại sợ không dám bén mảng đến. Khi dùng băng phiến và long não, nên nghiền nhỏ ra (hiệu quả tốt nhất) vì vậy những sưu tập côn trùng lột bì nên dùng bột băng phiến, long não gói bằng giấy bản đặt dưới bì lột để dưới đáy hộp đựng đặt những gói đó phía trên những lớp bì, không rắc bột băng phiến thẳng vào da có lông, côn trùng, những xác khô.

c) Tư liệu nhân chủng học.

Những tư liệu về nhân chủng học được bảo quản trong các bảo tàng khảo cứu địa phương phần lớn gồm có xương người đào được ở các cuộc khai quật khảo cổ, những sưu tập nhỏ về các kiểu tóc, những chế phẩm ướt (ngâm cồn và phóc-môn) và những khuôn sọ, khuôn mặt, tượng nửa người bằng thạch cao.

Hiện vật về xương là thứ có giá trị nhất và khó bảo quản nhất. Những sưu tập xương đào được ở các cuộc khai quật khảo cổ, có khi nằm hàng nghìn năm ở dưới đất, vì vậy dễ vỡ, dễ hút nước và không chịu được thay đổi đột ngột về nhiệt độ và nhất là sự thay đổi về độ ẩm. Đặc biệt nguy hại khi bị ánh sáng mặt trời tác động trực tiếp. Mặt ngoài xương bị rạn nứt, bong ra, để lộ phần xương có lỗ, nhất là các đầu xương ống dài (xương đùi, xương vai, xương sống) dễ bị phá hoại. Nếu để lâu ngày trong không khí quá khô, răng sẽ bị hỏng, lớp men bị nứt, rạn và dần dần bị mủn ra từng mảnh. Các sưu tập xương cần được bảo quản trong phòng tối, nhiệt độ và độ ẩm tương đối ổn định.

Những hiện vật quý cần được bảo quản đặc biệt. Phương pháp đơn giản nhất là nhúng những chiếc răng và các phần khác bị hư hỏng nặng của những bộ xương vào pa-ra-phin nóng. Ngâm xương trong pa-ra-phin chảy 15 phút. Xương lấy ra khỏi pa-ra-phin nóng 20⁰c dùng khăn khô lau pa-ra-phin còn dính mặt ngoài. Những bộ phận xương lớn bị hỏng cũng có thể tẩm bằng cách dùng bút

lông quét dung dịch pa-ra-phin còn dính mặt ngoài. Những bộ phận xương lớn bị hỏng cũng có thể tẩm bằng cách dùng bút lông quét dung dịch pa-ra-phin với xăng ở ngoài. Gắn lớp ngoài của xương có thể dùng gôm-lắc màu pha với cồn. Độ đậm đặc của gôm-lắc tùy ở mức độ bảo quản và hư hỏng của xương.

Có thể gắn những răng rụng vào hàm bằng mát-tít. Mát-tít gồm có bốn phần pa-ra-phin, bốn phần sáp ong và hai phần nhựa thông (trộn tất cả rồi nấu chảy ra). Mát-tít này cũng có thể gắn những xương sọ bị vỡ ra và đắp vào những phần bị thiếu.

Xương sọ cần bảo quản trong tủ, để trên các giá có bọc vải, để răng và những biện pháp chủ yếu của sọ để vỡ không bị hư hỏng khi đụng nhẹ vào giá cứng. Những sọ lớn có giá trị hơn, tốt nhất nên bảo quản trong những ngăn tủ riêng hoặc trong những hộp có thành cao. Khi mang sọ từ chỗ này sang chỗ khác không nên cầm vào lỗ mắt và gò má, vì chúng dễ bị hỏng và bị gãy.

Những xương nhỏ ở bàn chân, bàn tay cần được cất trong những hộp riêng cho mỗi bên, vì nếu để xương bên phải và xương bên trái lẫn lộn, sau này ta sẽ khó phân biệt.

IV. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ BẢO QUẢN CÁC DI TÍCH CỦA BẢO TÀNG, DI TÍCH VĂN HOÁ.

Các di tích của bảo tàng – những di tích văn hóa có thể chia ra làm ba nhóm lớn: 1) Những sản phẩm thuộc thành phần vô cơ; 2) những sản phẩm thuộc thành phần hữu cơ; 3) những sản phẩm thuộc thành phần phức tạp cấu tạo nên bằng chất liệu vô cơ và hữu cơ.

1. Những sản phẩm thuộc thành phần vô cơ

Trong công tác bảo quản những chất liệu thuộc loại này, cần phải chú ý đến những hoá học có thể làm hỏng cả điều kiện bảo quản, cần đề phòng các hư hỏng có tính chất cơ học, có thể làm biến dạng di tích, biến thành dị hình và có thể mất các dấu vết chính lý gia công.

a) Vàng.

Vàng thuộc vào kim loại quý. Tỷ trọng của nó là 19,3. Độ chảy là 1.064 độ. Vàng được dùng rất rộng rãi trong đời sống hàng ngày.

Vàng rất mềm, rất dai, nó chống chọi hết sức mạnh đối với tất cả các loại toan và kiềm, chỉ có hoá hợp a-xit clo-hi-đric với a-xit ni-tric mới có thể làm tan vàng. Vàng mà chúng ta thường gặp ở bảo tàng dưới hình thức đồ trang sức, huân chương, huy chương và tiền cổ. Vàng nguyên chất rất mềm, thường chỉ một cái

va chạm nhẹ, lau bằng giẻ cứng, cũng có thể bị cong, bị nhàu, bị xây xát, làm mất tính chất nhẵn bóng.

Người ta thường pha thêm đồng, bạc hoặc sắt với vàng. Những thứ đó làm cho vàng được cứng hơn, nhưng đồng thời cũng làm cho nó nhạy bén hơn đối với nhân tố hoá học. Chế phẩm bằng vàng thường có 58% vàng, còn tiền vàng có đến 90% vàng.

Để bảo quản các di tích bằng vàng, cần phải tôn trọng những quy tắc sau đây:

Phải bảo quản trong chế phẩm bằng vàng trong phần trưng bày ở trong các tủ có nắp kính và tủ kính, bảo quản trong tủ sắt thì phải để trên giá, trong bao, trong ống, trong hộp có lót bông, trong các túi riêng, để riêng từng chiếc một để tránh va chạm.

Không được để những chế phẩm bằng vàng lẫn lộn với những chế phẩm bằng các kim loại khác lâu ngày có thể bị ô-xít của các loại ấy ăn sang (ở những di tích khảo cổ thường có hiện tượng này). Mặt mờ của những đồ vật bằng vàng đôi khi có thể bị bao trùm bởi những vết hơi đen hoặc màu xám.

Bảo quản các di tích có vàng khi cần phải dùng bàn chải lông mềm, bút lông mềm. Cọ rửa các vết bẩn thì phải dùng ê-te, xăng, bột xà phòng trung tính hoặc nước có a-mô-ni-ac (1/10) sau đó rửa lại bằng nước cất và lau khô.

b) Bạc.

Bạc là kim loại quý rẻ hơn vàng. Tỷ trọng 10,5 và độ nóng chảy là 960 độ. Bạc có những điểm giống với vàng như rất mềm, dễ rèn, nhưng nó có những điểm khác với vàng, bạc bị ảnh hưởng rất mau đối với nhiều phản ứng; nó tan trong a-xít ni-tric, nó có màu sắc tím với a-xít clo-hy-đric để thành hy-đro-xít bạc xộp mềm; với a-xít-sun-pha-ric thì nó thành sun phát bạc đen.

Những đồ vật bằng bạc cổ xưa nhất thường làm bằng bạc nguyên chất từ 90 đến 95% (còn 5% là vật tự nhiên bị pha tạp). Những thời kỳ sau, người ta mới pha thêm đồng vào bạc. Trong những đồ vật cổ, đồng đã phá hoại thành phần bạc.

Việc bảo quản những đồ vật bằng bạc cũng giống như việc bảo quản đồ vật bằng vàng. Bạc chịu được ánh sáng, nhiệt độ thấp và hanh khô, thậm chí không bị ảnh hưởng của độ ẩm. Khi nào bạc bị một lớp xám, đó là dấu hiệu rõ rệt có vài chất sunfua hoá trong không khí, và đòi hỏi phải cải thiện điều kiện bảo quản, lấy dung dịch nhẹ sunfua.

Các chế phẩm bằng bạc đòi hỏi việc sử dụng và giữ gìn hết sức cẩn thận vì những thứ này thường bị những hỗn hợp rất nhỏ trong không khí như hơi nước, khí suyn-pha-rơ, a-mô-ni-ac, băng phiến, long não, tay có mồ hôi hay bắn sờ vào đều làm cho đồ vật bằng bạc hỏng nhanh chóng. Dưới tác dụng của những chất cặn, chất bẩn của clo trong không khí và trong khi bảo quản bạc bằng các loại vải được tẩy trắng bằng chất clo (thí dụ trong tủ có lót vải này), thì lập tức

những đồ vật bằng bạc sẽ biến thành thứ bạc clo hoá có một lớp rỉ nâu, xám đậm hoặc màu tím.

Trong lúc cọ sát với các loại len, dạ, bạc cũng dễ biến thành chất bạc suyn-phua. Vì vậy, những thứ may mặc có bạc, những đồ thêu có bạc, và những cúc áo làm bằng bạc, cần phải được để cách ly với các thứ tơ, vải sợi bằng cách bọc những chỗ có thêu chỉ bạc và bọc bằng giấy màu đen thật dày (như bảo quản phim ảnh). Đối với những áo quần và các đồ dệt khác có trang trí bằng chất bạc, thì không được dùng băng phiến hay long não rắc vào.

Khi dùng nước để cọ rửa các chế phẩm bằng bạc, thì không được dùng những chất hoá học, đặc biệt là chất a-mô-ni-ac, vì chất này có thể làm cho bạc hoà tan mất.

c) Thiếc (độ nóng chảy 232,4 độ, tỷ trọng chừng 7,3)

Ở thời cổ, nó là kim loại quý như vàng, bạc; và thiếc rất hiếm, và nó có thể chống với nhiều chất phản ứng, tác động đến đồng và sắt, thí dụ như a-xit a-xê-tic, a-xit xi-tric, a-xit o-xa-lic, nước trái cây.

Nhiệt độ chung quanh hạ xuống + 18 độ, thiếc có khuynh hướng đổi dạng. Điều nguy hại chủ yếu là đồ vật bằng thiếc đang ở màu trắng bóng lại xuất hiện các lấm chấm màu tro rất giòn và dễ nát, nhất là khi chúng ta để nó ở ngoài trời lạnh lâu ngày. Hiện tượng này gọi là “tính dịch” (bệnh dịch của thiếc) phát sinh khi nhiệt độ dưới +18 độ trở xuống. Nhiệt độ rút xuống dần lại càng bị tổn hại nặng. Nhiệt độ ấy đã biến đổi sự cấu tạo của thiếc, nghĩa là thiếc trắng xám sẽ trở thành thiếc xám (màu tro) và thể tích cũng tăng lên. Tính dịch có những hiện tượng như thoát tiên xuất hiện trên đồ vật làm bằng thiếc những điểm màu tro, sau dày lên như mụn hột cơm, những mụn này rụng đi thì những nơi ấy bị lõm xuống, dần dần những chỗ thủng đó kết hợp với nhau thành một mảng thủng to. Sau cùng thiếc biến thành một thứ bột màu tro. Khi nhiệt độ +40 độ, +50 độ thì đồ vật bằng thiếc từ màu tro lại biến thành màu trắng và quá trình biến hoá cũng bị ngừng lại.

Vì vậy việc bảo quản các đồ vật bằng thiếc không nên để trong những gian phòng lạnh. Về mùa rét, nhất định phải chuyển các đồ vật bằng thiếc đến những nơi có nhiệt độ thường xuyên trên +18 độ. Thiếc trắng là một chất rắn cứng đối với mọi hiệu lực của nghiên cứu và không khí (trong trường hợp nhiệt độ trên +13 độ). Không những nước mà ngay cả những chất axit thảo mộc cũng không thể gây tác hại gì cho thiếc nguyên chất, nhưng thực tế những đồ vật bằng thiếc thường pha chì hoặc đồng nên nó dễ bị tác hại về hoá học.

Bệnh dịch của thiếc thường do đồ thiếc truyền nhiễm sang nhau và cũng có thể bị truyền nhiễm qua tay người cầm. Khi thấy có hiện tượng bị hư hoại trên đồ thiếc, thì phải lập tức để riêng nó ra và đun trong nước sôi một tiếng đồng hồ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Khi đun nóng nếu không có nước, nhiệt độ lên đến +160 độ thì thiếc sẽ tan thành bột. Thiếc được đun trong nồi sành hay chậu sắt, nhưng dưới đáy nồi và cạnh nồi phải lót gỗ, để cách ly thiết với nồi đun.

Các hòm, tủ, bệ đã để các đồ vật bị nhiễm “tính dịch” đều phải cọ rửa thật sạch sẽ.

Di tích làm bằng thiếc trong bảo tàng cũng tương đối ít, cho nên việc bảo quản phải hết sức chú ý. Trong kho di tích gốc, mỗi một di tích làm bằng thiếc đều phải bảo quản riêng, đóng gói, cho vào hộp, vào ống riêng như phương pháp bảo quản vàng, bạc vậy.

d) Chì.

Chì là kim loại màu xám, rất mềm, rất nặng thường gặp ở bảo tàng dưới dạng những tác phẩm điêu khắc, những thứ trang trí nghệ thuật và những thứ như triện, ấn, đạn, tiền, chữ in v.v... Tỷ trọng của chì từ 11,25 đến 11,4 độ nóng chảy 326 độ. Nó có thể bị hoà tan trong a-xit clo-hy-đric loãng không tác động phá hoại đến chì, vì bề mặt của nó sẽ đóng ngay màng mỏng muối sun-phuya chì, hay clo-rua chì, che chở cho nó khỏi bị ăn mòn.

Nhưng các đồ vật bằng chì rất nhạy cảm đối với tác dụng phá hoại của bất cứ vật nào, nhưng dù phá hoại hoàn toàn đồ vật bằng chì thế mà vẫn không thay đổi hẳn dạng hình thù của vật đó.

Do tính chất mềm của chì và thiếc dễ bị tác dụng về cơ học, nên đòi hỏi phải giữ gìn cẩn thận, không để cái nọ chồng lên cái kia. Các di tích bằng chì dễ bị các chất hữu cơ làm hỏng. Ngoài ra mỡ và dầu cũng dễ làm cho đồ chì bị hỏng. Không nên cầm đồ vật bằng chì bằng tay trần, có mồ hôi, không gói bằng giấy có dầu v.v...

Không nên cạo lớp gỉ màu tro ở trên chì, đó là lớp váng bảo vệ chì. Còn việc cạo những lớp rỉ trắng và hơi nâu như trên đã nói, thì phải do các nhà chuyên môn làm, trong một vài trường hợp không nên cạo vì nó sẽ làm hỏng những nét vẽ trên di tích.

d) Đồng và hợp kim đồng.

Đồng là thứ kim loại được loài người hiểu biết sớm nhất. Vì có thể tìm thấy đồng ở trạng thái tự nhiên, tuy rằng không nhiều lắm; hai là quặng đồng có đặc tính bên ngoài rõ rệt. Do đặc tính của đồng cho nên bất cứ ở thời đại nào cũng được dùng để chế tạo các loại đồ vật.

Chúng ta cần phải phân biệt đồng nguyên chất và đồng hợp kim ở các đồ vật, xét bề ngoài thì không thể xác định nó thuộc thời đại nào, nhưng đối với công tác tu sửa thì đây là điều rất quan trọng.

Đồng nguyên chất là thứ kim loại màu hơi đỏ, có tính dễ nở và kéo dài, tỷ trọng 8,9 và độ nung chảy là 1083 độ. Trải qua một thời kỳ rất dài, chúng ta không được thấy đồng nguyên chất ở các đồ vật. Những đồ vật ở thời cổ, mà ta được biết đều là đồng bị pha tạp. Chúng ta thường thấy nhất có sắt, chì, thiếc, thậm chí có cả vàng và bạc pha với đồng.

Số lượng thiếc pha vào đồng thanh khác nhau rất nhiều. Có khi lượng chứa rất nhỏ 2% - 3%, mà có khi tỷ lệ thiếc lên 20% đến 22%. Pha thiếc làm cho đồng cứng lên rất nhiều, vì đồng nguyên chất quá mềm lại dễ bị hư hoại.

Trong không khí, đồng bị ô-xít tương đối chậm, bắt đầu là một ô-xít màu đỏ, sau đó mới thành ô-xít màu đen. Chúng ta đều biết rõ lớp đẹp để màu lục và màu lam ngọc bích trên các phẩm bằng đồng, đó là loại muối của cac-bô-nat đồng. Ở điều kiện nhất định, nếu những vật hoá hợp này được hình thành chậm, thì lớp mỏng này có dạng chất men này không thay đổi hình dáng của chế phẩm, đến lúc này người ta gọi lớp mỏng ô-xít kim loại quý của đồng cổ.

Các chất chua hữu cơ, dầu mỡ và bụi cộng với khí hậu quá ẩm ướt có tác dụng toan hoá, thường trên các đồ đồng để ngoài trời có bao bọc bằng một lớp rỉ mỏng, đều đặn của loại muối than đồng đủ các thứ màu: xanh, xanh lơ, lam hoặc nâu. Đó là chất “đồng lục cổ”. Chất này hoàn toàn không làm tổn hại gì mà cũng không thay đổi gì đến hình dáng bên ngoài của những tác phẩm nghệ thuật. Trái lại chất “đồng lục cổ” đôi khi còn làm tăng hiệu quả nghệ thuật, làm cho các nhà sáng tác nghệ thuật chú ý, vì thế không nên cạo chất “đồng lục cổ” đi.

Vì những đồ đồng rất dễ bị tác dụng hoá học đặc biệt là khi nó gặp chất nước, chất chua. Nên giữ không khí khô ráo, trong sạch, không có bụi cát và tạp chất ở trong phòng chứa đồ đồng. Cần tẩy trừ những chất dính trên mặt đồng (giọt nến hay chất muối v.v...). Tuyệt đối không lấy dầu mỡ đặc hay các loại dầu khác bôi vào đồ đồng. Tay có mồ hôi không được cầm đồ, đồng, không được gói bằng giấy có chất dầu. Khi phủ bụi phải dùng bàn chải lông mềm hoặc chổi lông gà.

Khi rửa nên dùng bàn chải lông rửa với nước nóng (tốt nhất là nước cất), bằng loại xà phòng trung tính (xà phòng trẻ em). Sau đó rửa lại cho sạch bằng nước lã, nhưng không được pha thêm các chất chua, phấn trắng, mặt kim cương vào trong nước.

e) Sắt.

Kim loại đến thế chân cho đồng và đồng thanh là sắt. Sắt được phân bố rất rộng trong thiên nhiên, vì nó là bộ phận kết hợp chính làm ra vỏ trái đất. Nguồn gốc đầu tiên của sắt chính là sắt thiên thạch. Nhưng thiên thạch này là vật hỗn hợp sắt với các kim loại nặng khác như ni-ken, cơ-rôm, ở đây sắt chiếm tỷ lệ rất cao.

Tỷ trọng của sắt là 7,8, độ nóng chảy là 1.529 độ. Sắt nguyên chất dễ rèn, dễ kéo dãn, khi nung lên thì những tính chất đó được nâng cao nhiều. Sắt nung thì dẻo hơn, rèn được dễ dàng hơn.

Ở các bảo tàng, chúng ta thường thấy những đồ sắt trông ra như còn tốt, nhưng dưới con mắt của cán bộ bảo tàng, thì các đồ vật đó đã bị hư hoại phần nào. Dạng phá hoại cơ bản của sắt như sau: trong không khí, sắt bị ô-xy hoá. Khi

gặp nước, nói chung trong không khí lúc nào cũng có nước, đồ vật bị ô-xy hóa thành ra hy-đro-xít sắt.

Phương pháp đơn giản nhất là quét cho nó một lớp sơn, vừa giữ được mặt ngoài của sắt, vừa cách ly với tác dụng của các nhân tố bên ngoài. Phương pháp phổ biến là dùng pa-ra-phin, nó tan ở độ nóng 125 độ, khi nung đồ sắt thì có thể tẩm nó vào, lúc này đồ vật cũng phải nung nóng cho tới hơn 100 độ để khử cho hết nước, nhưng cũng không cao hơn 120 độ, vì sẽ làm cho pa-ra-phin bốc lửa.

g) Đồ đá.

Những chế phẩm bằng đá và bằng gốm được thống nhất vào cùng một loại chất liệu, vì phương pháp bảo quản và tu sửa của chúng hầu như giống nhau, điều này được quyết định ở tính chất vốn có về chất liệu của những đồ vật này. Nhưng tình hình này vẫn đòi hỏi sự giám định cực kỳ chính xác, nếu không thì chúng ta sẽ làm hư hoại đến khá nhiều đồ vật bảo tàng.

Khái niệm về “đá” bao gồm nhiều loại chất liệu khác nhau. Do đó, nếu chúng ta muốn nhìn vấn đề bảo quản và tu sửa các chất liệu ấy một cách khoa học thì cần phải đoán định thật chính xác chất liệu mà chúng ta sắp đem ra tu sửa là chất liệu gì.

Trong thực tiễn, chúng ta phải phân biệt hai loại chính của “đá”: chất hoá học thiên nhiên của đá lửa (silicium) và chất hoá hợp thiên nhiên của calcium và magnésium.

Nhân tố phá hoại chủ yếu đối với chất đá là sự thay đổi mạnh nhất về độ nóng kết hợp với độ ẩm. Không khí chuyển động cũng có tác dụng phá hoại lớn đối với đá. Không khí chuyển động, gió cuốn một số lượng cát rất lớn, mà cát có thể làm long những phần nhỏ của đá. Đá thường chịu tác dụng của gió và tẩy rửa của nước, đó gọi là hiện tượng phong hoá.

Những đồ vật mới được khai thác từ dưới đất, cần phải nhanh chóng được tẩy rửa mọi chất muối dễ tan. Quá trình này chúng ta gọi là quá trình của tác dụng tẩm tro để rút tiền (lấy xút ở tro), nó dùng phương pháp ngâm trong muối tùy lúc mau chóng để tiến hành một quá trình tác dụng về hoá học.

Vì thế mà đối với đồ vật bằng đá, chúng ta ước lượng ở đó có một loại muối thì trước tiên phải tẩy rửa nó cho thật sạch. Muốn làm như vậy thì thường là ngâm nó vào trong muối, nhưng không nên dùng thứ nước quá cứng. Mỗi ngày chúng ta rửa và gạn bỏ chất na-tri clo-rua và một số muối hoà tan khác.

Còn đối với những đá rắn chắc như đá hoa cương, đá lửa thì không thể tẩy rửa bằng cách này, vì nước không thấm được vào trong. Nhưng các thứ đá rắn đó có thể bị bọ bằng một vỏ mỏng muối không tan.

Muốn bảo quản các đồ vật bằng đá thì những chỗ gắn keo gélatin phải giữ đừng để bị ẩm quá. Chúng ta cần nhớ, khí của a-xít hy-pô-suyn-phua-ric và a-xít cac-bô-nic cực kỳ nguy hiểm đối với đá cẩm thạch và đá vôi, cho nên những di

tích có giá trị làm bằng hai chất liệu này bị nhiễm không khí của những thành phố lớn thường bị hư hoại nhiều.

Muốn tẩy rửa cho đá cẩm thạch, có thể dùng bột xà phòng trung tính, sau đó phải dùng nước tẩy sạch xà phòng đi.

h) Đồ gốm.

Gốm có nhiều đặc tính nhích gần với đá, vì một phần về thành phần hoá học của nó là do si-líc đi-ô-xit hoá hợp với đất sét, tức là sự hoá hợp của a-xit a-lu-min với nước.

Có một số đồ vật làm bằng đất sét xem ra không được nung mà chỉ là phơi khô thôi. Để cho đồ vật khỏi rỉ nước, người ta tráng một lớp dầu mỡ, dầu thông, hồ. Nhưng phần nhiều các loại dầu tráng này không bền. Mà đồ vật bằng đất sét ngâm xuống nước là rửa ra ngay.

Vì thế, khi chúng ta bảo quản đồ gốm, điều quan trọng là đoán định độ lửa của nó. Cách phán đoán đơn giản nhất là gõ để nghe, đồ gốm được nung kỹ thì tiếng kêu càng thanh, hoặc giả xét bằng sức hút nước của nó, đặt lưới vào mảnh gốm đã được nung đủ lửa thì lưới bị hút mạnh, nếu là đồ gốm nung dở dang thì không có hiện tượng lưới bị hút.

Thường thường đồ vật bằng gốm được tráng thêm men có màu khác nhau, bản thân chất này cũng chắc bền như đồ gốm, có khi cùng tráng với cốt đất để đem nung, có khi nung qua một lượt cốt đất rồi mới tráng để nung lại lần nữa. Trên mặt đồ gốm lại có một lớp đồ vật gắn vào. Khi vào lò nung thì vật chất được gắn bền chặt vào đồ gốm. Mặt ngoài óng ánh đó gọi là men có thành phần hoá học gần với thuỷ tinh. Men bao giờ cũng gắn chặt vào chất gốm. Ngoài việc trang trí dùng men để tăng thêm vẻ đẹp, nó còn giữ cho đồ gốm không bị rỉ nước.

Khi gắn đồ gốm nếu còn chỗ nào chưa bắt chặt thì chúng ta gắn thứ thạch cao thường (hai phần thạch cao với một phần nước) hoặc dùng thạch cao rút hết nước hoà với dec-trin.

Đối với những di tích loại này, không nên chồng cái nọ lên trên cái kia. Những đồ vật nông như: đĩa, khay, đĩa để chén v.v... nên để nghiêng. Nếu không có khả năng trang bị như vậy, thì đĩa không nên xếp quá 10-12 chiếc một chồng và phải cùng một loại, còn những đồ vật giòn, lồi ở giữa thì chỉ xếp năm đến sáu chiếc và lót vật mềm ở giữa.

Vì tính chất dễ vỡ của đồ vật, không nên dời chuyển, lau chùi nhiều để tránh những tác hại về cơ học. Khi mang đồ vật phải nâng hai tay ở phía dưới để tránh cho những bộ phận mỏng dễ gãy phải chịu sức nặng.

Đánh dấu lúc vào sổ và dán nhãn lên đồ vật, không dán lớp tem và nhãn hiệu của xưởng. Dùng gélatin hoà với dấm để dán, tuyệt đối không dùng loại keo “bàn giấy” hoặc “gôm arabit”.

2. Những sản phẩm thuộc thành phần hữu cơ

a) Đồ dệt.

Vật liệu dệt được làm bằng xơ sợi, có tính động vật và thực vật. Có hai cách đơn giản nhất để phân biệt sợi động vật và sợi thực vật: khi đốt sợi lông người thấy mùi khét có chất sừng và sợi thực vật chỉ có mùi khói thường thôi; đầu cuối của sợi lông động vật đốt lên sẽ tụ lại một hạt nhỏ tối màu của chất lòng trắng trứng, sợi thực vật chỉ còn lại tí tro xám nhạt, đầu trông nhọn như mũi kim.

Đặc điểm của chất sợi là tính chất hút nước và các chất lỏng nói chung. Vì hút nước nên sợi trương lên. Sự trương lên cũng có nhiều tính chất khác nhau. Nếu chúng ta bắt đầu xem xét các loại sợi, thì trước tiên phải nghiên cứu lông, vì nó là chất liệu dễ dệt phổ biến nhất của thời cổ. Lông hình trụ tròn, có khi bên trong là ống rất nhỏ, phần nhiều ống này trông không thấy rõ. Cũng có loại lông hoàn toàn không có ống.

Tơ thì ngược lại với lông, nó là sợi hoàn chỉnh rất nhẵn nhụi, không có chỗ xù xì, lại có chỗ thường thắt nút nhưng nhỏ hơn. Tơ và lông có thể hút nhiều nước, mặc dù có hút nước, trông bề ngoài thấy thay đổi rất ít, cho nên dù lông có hút đến 30% nước, khi sờ mó chúng ta vẫn không cảm thấy ướt.

Chúng ta được biết rằng, tính chất của sợi thực vật hoàn toàn khác với sợi động vật, nhưng đều giống nhau ở chỗ hút nước, nhúng xuống nước thì trương lên; sau một thời kỳ trương lâu và nếu gặp một nhiệt độ cao khoẻ thì lông và tơ có thể khôi phục trạng thái cũ, mà có thể là sợi thực vật không thể khôi phục được.

Nếu chúng ta muốn gia công cho đồ dệt, trước tiên phải nghiên cứu tính chất của chất sợi đó như thế nào, đến lúc đó mới có thể dự tính nên nhuộm nó như thế nào, sau đó mới có thể nghiên cứu và cân nhắc đến cách tu sửa cho đồ dệt đó.

Do đó, khi tu sửa đồ dệt phải tìm cho ra nguồn gốc của chất sợi, cách gia công nó, cách nhuộm nó v.v... Vì tính chất của sợi trong đồ dệt cho nên nó hết sức nhạy cảm với các nhân tố vật lý và hoá học trong hoàn cảnh của nó, cũng nhạy cảm đối với không khí và ánh sáng, khiến cho công tác nói trên càng trở nên phức tạp.

Tác dụng của quang tuyến đối với đồ dệt, mặc dù là quang tuyến có trông thấy hay không trông thấy, nhất là tác dụng của tia tử ngoại mà chúng ta không trông thấy, làm cho đồ dệt bị thay đổi rất mạnh.

Muốn bảo quản đồ dệt, không cứ là đồ dệt nào, chẳng những phải tránh đừng để ánh sáng mặt trời chiếu thẳng, mà nói chung phải tránh nắng to. Ấm thấp có gây tác dụng đối với đồ dệt, vốn nó là vật dễ trương phồng, cho nên nếu ẩm quá phải mất tính chất sẵn có của nó. Vừa bị nắng, vừa bị ẩm, tất nhiên phải tăng tác dụng của ánh sáng lên một tỉ lệ rất cao. Chúng ta được thấy rằng chẳng những

ánh sáng làm tổn hại các đồ vật mà lại hại nhất là sự kết hợp giữa ánh sáng mặt trời và hơi ẩm.

Muốn cho đồ dệt khỏi bị nắng chiếu thì cũng tránh cho nó khỏi bị tác dụng của độ ẩm thừa. Nếu không có tác dụng của ẩm thấp kết hợp với nhiệt độ thì bản thân của nhiệt độ đến một mức độ nào cũng không phá hoại đồ vật. Khi có hơi ẩm mà nhiệt độ xuống thấp là gây tác dụng cho đồ dệt, nó nát vụn đồ dệt, bằng cơ học, với một tỉ lệ phần trăm cao hơn độ ẩm nhiều, nếu nhiệt độ không đủ, làm cho vi trùng được phát triển mạnh.

Vải gai, vải sợi bông, tơ, len phải bảo quản ở trong kho. Cửa sổ các phòng và tủ kính trưng bày đồ dệt cần có màn màn dày tối. Hoàn toàn không để trực tiếp ngoài nắng, muốn phơi nên để đồ dệt trong những phòng ở hướng Bắc hoặc cửa sổ có màn màn thứ hai thưa mỏng mà người ta dùng để che nắng vào giờ mở cửa cho khách đến xem.

Những hiện vật trưng bày đặc biệt nhạy bắt ánh sáng, tốt nhất là không trưng bày dưới ánh sáng tự nhiên hoặc chỉ trưng bày trong thời gian ngắn. Trong kho, cần bảo quản đồ dệt trong hòm, tủ. Những phòng bảo quản hoặc trưng bày đồ dệt cần giữ độ ẩm (từ 30 đến 70%). Trong phòng bảo quản đồ dệt cần giữ gìn sạch sẽ, tránh những tạp khí lẫn trong không khí; khi dùng những chất để diệt hoặc làm cho côn trùng sợ, cần chú ý đến ảnh hưởng của chúng đối với màu và tất cả những vật bằng kim loại ở đồ dệt (nhưng chỉ kim loại hoặc những thứ tô điểm, lông trắng, ngọc trai v.v...)

Tẩy bụi ở đồ dệt phải dùng vải mềm, tốt nhất là nhung, da (cẩn thận chấm bụi lên, tuyệt đối không chùi hoặc quét bụi qua lại) hoặc dùng khăn lau tơ, đối với những tấm thảm chắc hơn thì dùng bàn chải lông mềm. Khăn lau và bàn chải phải giữ ở ngoài phòng. Khi chùi các bức tường nên đưa bàn chải theo chiều ngang (nghĩa là theo đường chỉ ngang của vải).

Những đồ dệt lớn “phẳng” (những tấm thảm) cần cuốn lên những trục bằng gỗ. Khi cần phải treo loại đồ dệt ấy thì khâu vào mép treo một đường viền bằng vải chắc, bề dày của băng vải ấy phù hợp với bề dày và sức nặng của đồ dệt được trưng bày. Trong trường hợp căng lên khung thì khâu vải viền cả bốn cạnh.

b) Gỗ:

Gỗ dùng làm vật liệu xây dựng và trang trí. Ngoài ra, trong bảo tàng chúng ta thường gặp những đồ vật rất khác nhau bằng gỗ: bàn ghế, những bức chạm trổ, những tác phẩm điêu khắc, những đồ vật trong sinh hoạt hàng ngày.

Cấu tạo của gỗ thuộc về chất sợi. Chúng ta thấy có điểm giống nhau giữa lông và da, thì giữa gỗ và chất sợi cũng có điểm giống nhau. Thành phần chính của nó là chất gỗ và chất sợi khoáng chất.

Ánh sáng có ảnh hưởng đối với đồ gỗ trưng bày trong bảo tàng, nhưng không tác dụng mau như đối với đồ dệt bằng gai hay bông. Độ ẩm lên cao, đồ gỗ trương

lên, gập hanh khô, đồ gỗ quắt quéo, đây là tác động mạnh có tính cơ học đánh vào sức bền của gỗ, cho tới khi làm nứt nẻ mới thôi.

Hình thức phá hoại là gỗ bị mục nát, do sự ăn rữa của những vi sinh vật biến đổi một vật chất hữu cơ, kết quả của mục nát làm cho gỗ mất cấu tạo hoá học và cơ học của nó. Sản vật bị phá hoại một phần bốc đi theo thể khí, còn một phần bị nước huỷ hoại. Sau khi gỗ mất phần lớn vật chất thì nó ngày càng xốp.

Được bảo quản trong điều kiện bình thường của bảo tàng có thể bảo quản đồ gỗ trong vòng hai trăm năm. Đồ gỗ trong tay chúng ta là đồ bị hỏng nhiều, cho nên trước tiên phải gia cố cho nó, thậm chí còn phải làm ngay tại chỗ, tức là từ ở nơi khai quật. Thuốc gia cố có thể là dung dịch rất loãng gélatin (2-3% không được quá 5%). Sau khi tẩm bằng dung dịch đó thì chúng ta phải gia công bằng phoóc môn.

c) Giấy:

Giấy chắc bền là tùy ở phẩm chất của chất liệu làm thành bột dùng để chế tạo giấy. Bản thân giấy ít được trưng bày trong bảo tàng. Nhưng vì nó là tư liệu mà loài người đã dùng để bảo tồn tư tưởng của mình, cho nên nó có tác dụng quan trọng tuyệt đối, chúng ta cần phải giữ gìn nó.

Nói chung, sợi gai, sợi bông, sợi tơ, sợi chất gỗ đều chịu được rửa và quấy mạnh. Người ta láng giấy để cho chất sợi hút được mực và màu sắc không bị nhoè, cho nên người ta pha vào bột giấy các thứ keo hồ: amidon, gélatin, phèn, nhựa cây. Để cho giấy có sắc trắng, bột giấy được pha caolin và alumin trắng.

Ánh sáng là sức phá hoại mạnh nhất đối với giấy làm cho nó giòn, dễ gãy, làm thay đổi màu sắc của giấy màu cũng như giấy trắng. Ánh sáng mặt trời có tác hại trực tiếp nhất, ngoài việc làm thay đổi màu sắc còn làm cho giấy và chất dính ở giấy bị khô.

Không giữ đúng tiêu chuẩn nhiệt độ và độ ẩm, thay đổi nhiệt độ và độ ẩm quá đột ngột, không đủ độ ẩm làm cho giấy bị khô, mất tính chất đàn hồi và bị giòn.

Không bảo quản đúng cách giấy dễ bị rách, nhàu, gãy và bị những tác hại khác. Khi bảo quản những tư liệu bằng giấy, cần phải phòng ngừa tác dụng mạnh của ánh sáng. Trong các phòng bảo quản những di tích bằng giấy cần giữ vững nhiệt độ bình thường (15-20 độ) và độ ẩm 40-60% nghĩa là thấp hơn đối với tranh sơn dầu và tranh thuốc nước.

Khi cần trưng bày hiện vật bằng giấy dưới ánh sáng tự nhiên như ở các cửa sổ cũng như trong tủ kính thì những nơi có ánh sáng lọt vào phải che rèm bằng vải màu xanh lá cây và chỉ mở khi có khách đến xem bảo tàng.

Khi có mốc phải phải lau hoặc lau cẩn thận bằng chổi mềm, bông v.v... phải mốc xuống một chậu nước để ngoài trời hoặc trong phòng không có di tích bảo quản. Chỉ phơi dưới nắng những vật bền màu nhất, phơi mặt trái khoảng 10-15

phút. Sau khi đã tẩy mốc, đặt di tích giữa hai tờ giấy có nhúng dung dịch 3% phoóc – môn và để khô.

Ở trong kho, những di tích bằng giấy có tính chất khác nhau cần được bảo quản riêng như: tránh thuốc nước, tránh bút chì màu, bản đồ, tranh cổ động, sách.

d) Ngọc đá quý.

Ngọc đá quý (kim cương, ngọc bích, ngọc xanh “xa phía” v.v...) gặp ở các bảo tàng là ngọc riêng biệt hoặc chủ yếu là kết hợp với kim loại dưới dạng những đồ trang sức (nhẫn đeo tay, đồ nữ trang cài ở cổ áo, hạt chuỗi, mũ khăn của phụ nữ), trên lọ bình, tủ chè, bệ tượng thờ v.v... Chúng có đặc tính rất cứng và bền vững về hoá học, nhưng tất cả đều có thể bị tác hại nặng nề về cơ học như bị cọ xát giữa cái này với cái kia, chùi bằng khăn lau cứng cọ sát có thể tạo nên những vết xây xát nhỏ trên mặt đá được mài nhẵn bóng, tác hại đáng kể có thể là sự đông đặc của nước trong những đường nứt rất nhỏ v.v...

Ngọc đá quý cần bảo quản trong hộp, có lót đệm bằng nhung để chúng khỏi va chạm vào nhau. Không nên bảo quản ở nhiệt độ dưới 0 độ làm cho nước bị lọt ở trong những kẽ nứt bị đông đặc sẽ nở ra làm nứt di tích.

Khi có bụi bám vào di tích, cần phải chùi bằng khăn sạch, mềm, tuyệt đối không dính cát v.v... Rửa bằng nước ấm, sau đó làm cho khô, nhúng vào cồn, nước sẽ bị bốc hơi với cồn.

d) Xương:

Có hai nguyên tố cùng tồn tại trong xương – đó là chất khoáng và chất hữu cơ. Chất khoáng của xương được cấu thành bởi vôi. Vật hữu cơ đóng trong xương được cấu thành bởi vôi. Vật hữu cơ đóng trong là một chất béo (tuỷ). Bị ảnh hưởng của ôxy, bị tác dụng hoà tan của thuỷ phân, bị tác dụng về phản ứng của chất toan, chất kiềm và bị các vi trùng nên chất béo trong xương có thể tách rời dần. Cuối cùng, chất béo này có một phần bốc hơi đi, một phần bị vi trùng biến thành muối. Thế là chất xương vốn là hữu cơ chỉ còn lại chất khoáng mà thôi.

Trải mấy nghìn năm, chất khoáng của xương bị phá hoại nhiều, nhưng sự thật về nhiều lần phát hiện xương người mãi từ thời kỳ đồ đá cũ đã cho chúng ta thấy xương quả là có năng lực chống chọi khác thường. Ở một vài trường hợp khác, xương được phát hiện đã ở trạng thái khoáng vật rồi. Ở trạng thái này, chất liệu hữu cơ bị thay thế bởi những loại muối và loại toan khoáng vật.

Khi tiến hành khai quật, các nhà khảo cổ thường tìm thấy xương ở dạng bề ngoài có vẻ nguyên vẹn nhưng khi chạm vào xương đã vụn ngay như cám, vì phần kết cấu cơ học của xương đã bị phá hoại. Cho nên mỗi khi khai quật, trước tiên chúng ta phải tìm cách đắp chặt bảo vệ xương.

Cách đắp chặt thông thường nhất là dùng một chất gắn mà chúng ta biết rõ để tẩm vào xương (phun thuốc hay quét bằng bút lông), tốt nhất là dùng gélatin (dung dịch gélatin từ 2 đến 5%).

Những đồ vật bằng xương dễ bị khô, chúng ta có thể nấu sôi trong một dung dịch nước pha glyxêrin, sau đó lau sạch và bọc giấy báo. Loại xương này có thể gắn bằng gélatin (25 phần cộng thêm 100 phần muối và 7 phần dấm) hay là keo cá (20 phần keo cộng thêm 100 phần nước).

3. Những sản phẩm thuộc thành phần phức tạp

a) Những tác phẩm hội họa

Là một tổng hợp phức tạp gồm những vật liệu khác nhau, phản ứng những điều kiện bên ngoài khác nhau. Hội họa có thể trình bày trên bất cứ chất liệu nào. Cho nên thực chất trước mắt chúng ta có rất ít loại nền mà có thể giữ gìn cho hội họa được lâu. Nền các tác phẩm hội họa thường là: vữa, gỗ, vải bạt, giấy, ngà.

Bảo quản tác phẩm hội họa là một việc hết sức khó khăn và phức tạp, thực tế thi công tác đã vượt ra khỏi phạm vi của kỹ thuật thông thường của những người làm công tác bảo quản, vì nó đòi hỏi một kiến thức chuyên môn hết sức phong phú.

Điều kiện bảo quản là những điểm có liên quan đến nó như chế độ bảo quản gồm nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, phương pháp di chuyển, chú ý tránh những tác hại về cơ học. Khi bảo quản các bức họa cần chú ý chất liệu tất cả các thành phần cấu tạo và trước hết là nền (gỗ, vải, giấy, kim loại v.v...). Trong phòng bảo quản các tác phẩm hội họa cần phải giữ nhiệt độ bình thường (mùa đông 10-18 độ C) và độ ẩm (50-65%); cần chú ý những thay đổi đột ngột, đối với những bức họa trên gỗ, tai hại nhất là sự khô ráo tăng đột ngột.

Khi thay đổi chế độ bảo quản như chuyên chỗ, chuyển dời từ phòng này sang phòng khác, phải chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc làm cho di tích thích hợp với hoàn cảnh mới. Chú ý tranh vẽ trên gỗ thích ứng chậm hơn tranh vải.

Giữ các bức tranh khỏi bị nhiều ánh sáng quá, nhất là bị trực tiếp với ánh sáng mặt trời, đồng thời phải bảo đảm cho tranh ánh sáng tối thiểu cần thiết. Khi phát hiện các bức tranh bị mốc, mối mọt, nên lập tức cách ly và theo dõi cẩn thận những bức tranh còn lại. Khi phát hiện mốc phải làm cho khô, lau mốc và phải quay ra phía ánh sáng mặt trời khoảng 15-30 phút (phía trái) ở nơi thoáng khí, về mùa hè (nhiệt độ không quá 30 độ ở ngoài nắng), còn mùa đông để qua kính từ một đến hai tiếng, từ từ quay tranh từ phía tối ra phía mặt trời.

b) Những tư liệu phim ảnh.

Bảo quản những tư liệu phim ảnh cần chú ý những nguyên tắc bảo quản kính và giấy. Nhũ tương của vật liệu nhiếp ảnh nhạy cảm với độ ẩm thừa, sự chênh lệch về độ ẩm, nhiệt độ cao (nhất là trong sự kết hợp với sự ẩm thấp) nhạy cảm với ánh sáng với một vài nhân tố hoá học và những tác động về cơ học. Thừa độ ẩm và nhất là bị nhúng ướt làm cho nhũ tương bị phồng lên, bong khỏi kính, tạo ra những đường nứt và những chỗ bông v.v... Những sự chênh lệch về nhiệt độ và độ ẩm gây nên cong vênh, ảnh in bị cuốn lại.

Những kính âm bản có thể dễ bị vỡ và làm trầy nhũ tương của những tấm kính bên cạnh. Ở những nơi để phim ảnh cần giữ nhiệt độ và độ ẩm ổn định bình thường, nhất là tránh ẩm thấp, ướt át và ánh sáng.

Để bảo quản phim, kính phim và ảnh được tốt, ta nên dùng loại giấy bóng mờ, gập lại thành ngăn giống như phong bì, đóng lại thành tập theo khuôn khổ của phim ảnh. Mỗi ngăn để một phim ảnh. Có thể giữ các âm bản trong những hộp thường dùng để phim ảnh, ta có thể phủ ngoài hộp một lớp sơn đặc biệt hoặc bằng phoóc – môn.

Các tập phim ảnh và các hộp để trong tủ riêng theo chiều đứng trên các ngăn tủ. Ở gáy của mỗi tập, trên nắp hộp và cạnh quay ra ngoài cần ghi số bảo quản. Cửa tủ phải kín, ngăn gấn đáy tủ có để các chất hút ẩm như: clorua canxi, silicagen v.v... Các ngăn trong tủ phải có những lỗ thông hơi với ngăn để chất chống ẩm ở đáy tủ.

Khi luân chuyển âm bản, không nên đụng các ngón tay vào lớp nhũ tương: cầm một góc âm bản và giữ nó bằng cách kẹp mép phim vào giữa các ngón tay. Chỉ nên để những phim, kính phim trong hộp hay trong các tập với kích thước tương xứng và bất kỳ trường hợp nào cũng không để những phim, kính phim có kích thước khác nhau (nhất là các kính phim) trong cùng một hộp.

CHƯƠNG III

CÔNG TÁC TRƯNG BÀY

I. VỊ TRÍ VÀ Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC TRƯNG BÀY

- Công tác trưng bày là khâu chủ yếu trong toàn bộ các mặt hoạt động của một bảo tàng. Chưa có trưng bày cũng có thể coi như chưa có bảo tàng. Nhờ có công tác trưng bày các bảo tàng mới có cơ sở liên hệ với quần chúng. Nếu nói rằng: bảo tàng là một cơ quan nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học thì công tác trưng bày là phương tiện tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ đó. Và chỉ có qua công tác trưng bày, các bảo tàng mới thể hiện nội dung và quan điểm của nó một cách đầy đủ nhất. Cũng trên cơ sở, hiện vật được đem ra trưng bày một cách lô gích các bảo tàng mới làm trọn nhiệm vụ tuyên truyền đại chúng.

- Để thực hiện yêu cầu như thế công tác trưng bày tuyệt nhiên không phải là sự minh họa một cách rời rạc đơn điệu bằng một số hiện vật gốc, tranh, ảnh, hoặc những bản thống kê... về một vấn đề nào đó. Công tác trưng bày được coi là kết quả cuối cùng, toàn bộ của công tác nghiên cứu khoa học và phải được thực hiện một cách nghiêm túc trong cả quá trình xây dựng trưng bày. Có nghĩa là hiện vật trưng bày phải được trưng bày trong một mối liên hệ mật thiết với nhau. Mối liên hệ này chỉ có thể có ý nghĩa khi chúng được xây dựng trên cơ sở của một bản đề cương. Đó là phương pháp trưng bày theo đề cương. Quá trình trưng bày theo đề cương đòi hỏi người làm công tác bảo tàng phải nghiên cứu toàn diện mọi vấn đề có liên quan với nội dung đã được xác định. Nội dung đó vạch ra phạm vi, phương hướng và mục đích trưng bày của một bảo tàng. Và chính nó, công tác trưng bày lại đặt ra yêu cầu mới cho công tác sưu tầm. Di tích mới không ngừng được bổ sung cho trưng bày đồng thời làm giàu cho kho cơ sở của bảo tàng bắt nguồn từ những yêu cầu như thế.

- Trưng bày theo đề cương nghĩa là trưng bày có hướng và có kế hoạch. Đề cương đó phải được xây dựng phù hợp với sự vận động của mối liên hệ biện chứng giữa các sự kiện, hiện tượng trong xã hội loài người hoặc trong thiên nhiên. Xây dựng trưng bày theo đề cương trước hết phải phù hợp với quy luật vận động của mỗi sự kiện, hiện tượng tự nhiên và xã hội. Từ đó việc sắp xếp hiện vật trưng bày bảo tàng cũng đặt những mối liên hệ hữu cơ với nha. Trong công tác trưng bày bảo tàng mối liên hệ giữa các hiện vật thuộc một nhóm hoặc một tổ hợp trưng bày để dẫn dắt người xem đến với người xem đến với nội dung trưng bày sâu hơn và thú vị hơn. Ở một phòng trưng bày dù có nhiều hiện vật và dù người họa sĩ có dùng đủ các loại màu sắc cũng dường như không bổ ích gì nếu như các hiện vật trưng bày không được sắp xếp trong một mối liên hệ nào đó.

II. TỔ CHỨC TRƯNG BÀY

Trưng bày của bảo tàng là sự thể hiện nội dung bảo tàng ở dạng những khái niệm trừu tượng bằng trực quan sinh động. Người xem tiếp thu nội dung đó bằng sự tổng của các giác quan: thính giác và thị giác. Chủ yếu là thị giác. “Trăm nghe không bằng mắt thấy!”. Nó tạo cho người xem lĩnh hội được nội dung qua những hiện vật trưng bày và làm cho họ cảm thấy như là đang người trực tiếp sống trong bối cảnh lịch sử của sự kiện đó.

Sự thành công của công tác trưng bày trước hết phải làm cho người xem hài lòng, cao hơn nữa, làm cho người xem thoả mãn điều mà họ cần tìm hiểu. Để rời từ những hiện vật trưng bày ấy, nội dung tư tưởng của từng đề tài trưng bày lại trở về với dạng trừu tượng “thấm” vào người xem và trở thành nhận thức của người xem.

Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ này và làm cho công tác trưng bày đạt được những kết quả mong muốn chúng ta cần phải tiến hành một cách chặt chẽ, tuần tự theo các giai đoạn của công tác trưng bày.

1. Lập kế hoạch trưng bày:

Kế hoạch của công tác trưng bày bao gồm một số phương thức công tác dựa trên kết quả nghiên cứu và lựa chọn tư liệu. Trước hết phải xác định mục đích và nội dung của đề cương trưng bày, xác định vị trí các chủ đề trong các phòng trưng bày. Trong bản đề cương cần ghi rõ phần nội dung cụ thể và quyết định của việc trưng bày, ghi rõ những lối chỉ dẫn phân phối hiện vật được trưng bày.

a) Cấu tạo đề cương:

Cấu tạo đề cương là sự sắp xếp chủ quan những vấn đề khách quan một cách có tính toán, có suy nghĩ phù hợp với sự vận động có quy luật của nó nhằm nhấn mạnh những vấn đề nhất định ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Cấu tạo đề cương là sự tập hợp một số chủ đề, chủ đề phụ, thành phần của chủ đề và những vấn đề riêng biệt.

Như vậy, cấu tạo đề cương là tổng hợp một cách có hệ thống các vấn đề thuộc nội dung tư tưởng cần được thể hiện sao cho chặt chẽ, lô gích giữa các chủ đề. Nó được coi như bản kê các chủ đề của kế hoạch nhằm xác định nội dung, phương hướng và nhiệm vụ của công tác trưng bày. Cho nên xây dựng cấu tạo đề cương trưng bày bao giờ cũng đồng nhất với việc lập các bản kế hoạch của bất cứ một vấn đề khoa học nào.

Cấu tạo đề cương bao giờ cũng phải bảo đảm chính xác, chi tiết và nghiêm túc cần tham khảo những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học về những vấn đề liên quan. Ngoài những tài liệu chính thức như thế cán bộ khoa học còn

cần tham khảo các bài hồi ký, tự thuật, các bản báo cáo, các tài liệu tổng kết quan trọng.

Một bản cấu tạo đề cương ra đời trên cơ sở kiến thức tổng hợp sẽ là một công trình hoàn chỉnh, có chất lượng cao.

Trong khi tập hợp và nghiên cứu có phê phán các nguồn tài liệu, cán bộ khoa học của bảo tàng đồng thời phải lập hệ thống thư mục. Hệ thống thư mục này được sắp xếp từng ngăn theo thứ tự các chủ đề chính. Trên cơ sở những chủ đề chính, lấy hệ thống thư mục và các nguồn tài liệu đã nghiên cứu được để kiểm tra lại lần cuối cùng xem những chủ đề chính được nêu lên như vậy đã thoả đáng chưa. Cấu tạo đề cương trưng bày thực sự là một công trình khoa học khi nó làm thoả mãn những yêu cầu đó.

Đề ra nhiệm vụ cho toàn bộ nội dung trưng bày và mục đích của nó, là để xác định rõ nó sẽ được giới thiệu như thế nào, nhằm mục đích gì? Tính chính xác của mỗi tên gọi trong một tổ hợp cấu tạo đề cương, việc lựa chọn thành phần của hiện vật trưng bày đều phục tùng mục đích đó.

Cấu tạo đề cương trưng bày đúng đắn, hợp lý giúp người công tác bảo tàng khả năng nhận định về các nhiệm vụ, nội dung của mỗi chủ đề và cả những vấn đề riêng biệt làm cơ sở cho việc chuẩn bị các tài liệu khoa học cho những giai đoạn tiếp theo.

b) Kế hoạch đề cương:

Sau khi lập Kế hoạch đề cương, bổ sung và hoàn chỉnh lần cuối cùng theo ý kiến của tập thể, cán bộ khoa học của bảo tàng bắt tay vào dựng kế hoạch đề cương

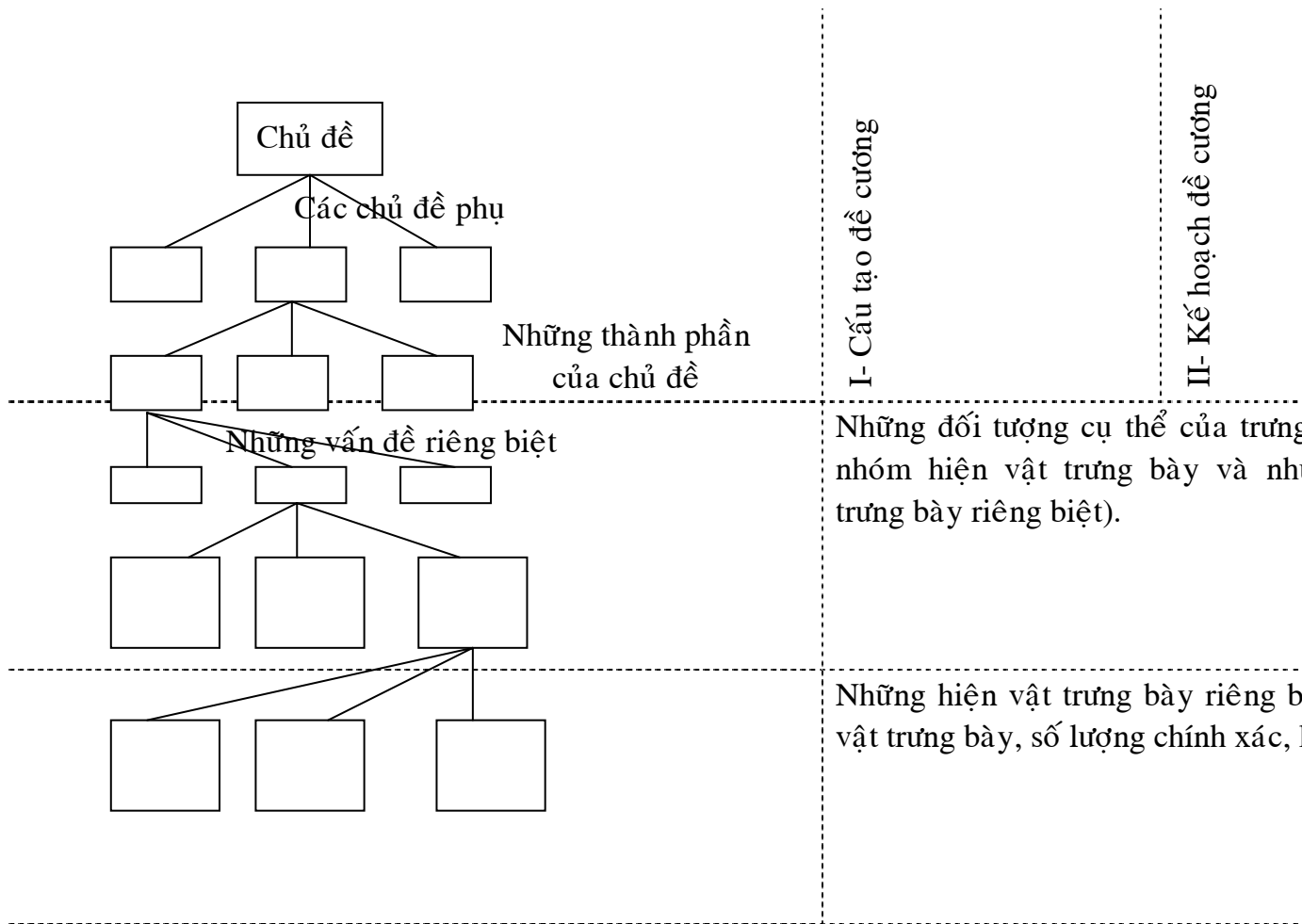
Kế hoạch đề cương là bản trình bày đầy đủ nội dung của chủ đề đồng thời với việc lựa chọn các loại hiện vật trưng bày để phục vụ chủ đề đó. Nó là một bản dự kiến tổng quát, toàn bộ các hiện vật trưng bày (bao gồm hiện vật gốc đã có sẵn trong kho cơ sở của bảo tàng và hiện vật mới sẽ sưu tầm, các tư liệu khoa học hỗ trợ, các tác phẩm mỹ thuật...).

Một điều cũng cần bàn trước ở đây là trong lúc lập cấu trúc đề cương chúng ta có thể và phải bắt đầu xác định hướng đi xem cho khách trong các phòng trưng bày của bảo tàng. Bởi vì phần lớn các bảo tàng của chúng ta thường sử dụng lại các công trình kiến trúc sẵn có. Những công trình này dường như ít cái phù hợp được với bố cục nội dung của công tác trưng bày. Giả sử chúng ta có cải tạo lại cũng không thể thay đổi toàn bộ kết cấu trong một ngôi nhà. Cho nên, việc vạch hướng đi từ đầu cũng nhằm tạo cơ sở để phân bố các chủ đề chính, chủ đề phụ, các thành phần của chủ đề và các vấn đề riêng biệt tương ứng với các mảng tường để dự liệu các diện trưng bày thích hợp. Cũng từ đó chúng ta xác định diện trung tâm và bố trí những chủ đề chính vào các diện trung tâm đó.

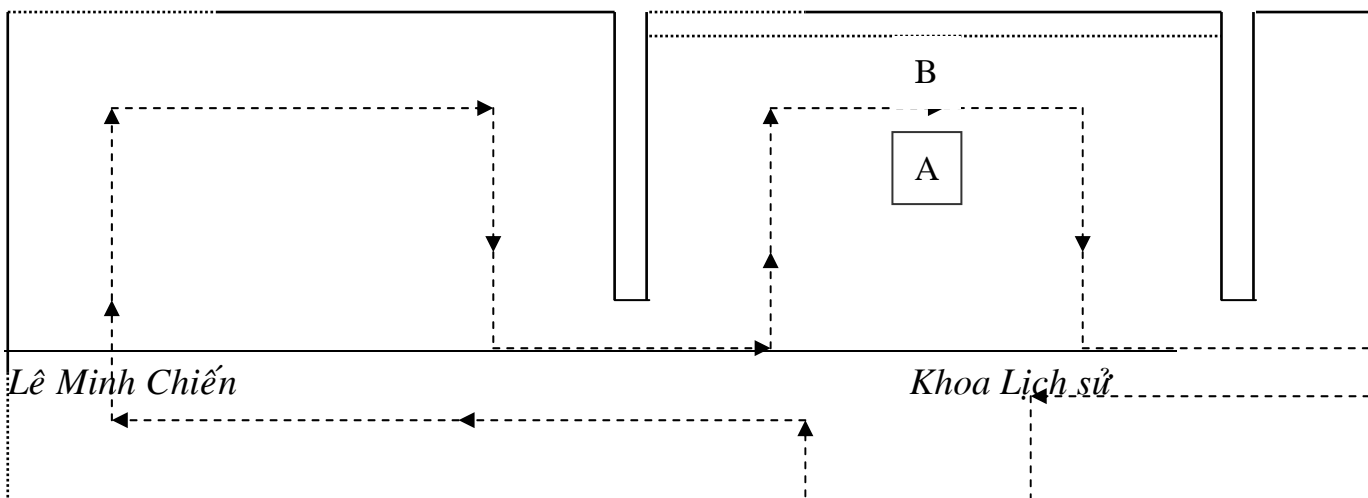
Bình thường chúng ta đọc và viết từ bên trái qua bên phải. Đó cũng là chiều thuận của sự quan sát. Các phòng trưng bày vạnh hướng cho khách đi xem cũng bắt đầu từ trái qua phải và việc bố cục trưng bày cũng theo chiều đó.

Vạch hướng đi, ước tính sự phân bố nội dung sao cho mỗi vấn đề riêng biệt thích ứng với một không gian có quy mô phù hợp. Tránh tình trạng những vấn đề bình thường lại thể hiện ở những phòng quá rộng với những mảng tường quá lớn. Trái lại, những sự kiện lịch sử tiêu biểu lại được trưng bày trong những phòng nhỏ như là những phòng phụ.

(Xem hình vẽ).



Theo bản vẽ trong cuốn “Tổ chức và kỹ thuật trưng bày bảo tàng” của A.I.Mikhailov-lốp-xcai-a, Mátxcova, 1951



- Cửa cũ đã thủng
- ===== Tường giả mới tạo thêm
- > Hướng đi của người xem
- A Tượng Bác Hồ
- B Mảng tường trung tâm

Khi đã vạch xong cấu tạo đề cương nghĩa là đã hoàn thành phần xây dựng kế hoạch ngắn gọn trong đó ghi đầy đủ các chủ đề chính, chủ đề phụ, thành phần của chủ đề và những vấn đề riêng biệt theo một trình tự thời gian (niên biểu) hợp với sự phát triển biện chứng của lịch sử, chúng ta phải tiến hành lập kế hoạch đề cương mở rộng. Nói cách khác, kế hoạch đề cương mở rộng là sự phân bố hiện vật trưng bày cho từng vấn đề một cách cụ thể, chi tiết. Trong đó các nhóm (bộ hoặc tổ hợp) hiện vật trưng bày theo đề cương được dứt khoát chọn lựa. Nó là một bản phác thảo phân phối của sự sắp xếp, cố kết giữa cấu trúc đề mục và các loại hiện vật trưng bày tương ứng.

Kế hoạch đề cương mở rộng nên lập trên giấy khổ lớn. Giấy kẻ ngang loại có cỡ 26 cm x36 cm càng tốt. Chia tờ giấy mở rộng ra hai phần không bằng nhau. Phần trước ở bên trái chiếm khoảng hai phần năm tờ giấy ghi các chủ đề chính, chủ đề phụ, thành phần của chủ đề và những vấn đề riêng biệt đúng như ở cấu trúc đề mục (nội dung). Phần sau, phía bên phải chiếm khoảng ba phần năm diện tích mặt giấy ghi (gần như đối xứng) những hiện vật trưng bày tương ứng. Trong phần này, tất cả các loại hiện vật (bao gồm di tích lịch sử động sản, tư liệu khoa học bổ trợ, hiện vật làm lại,...) đã được ghi bằng mực viết bình thường (xanh hoặc đen). Các loại hiện vật cần phải có nhưng chưa có sẽ đi sưu tầm hoặc làm mới ghi bằng mực đỏ. Điều cần lưu ý là hiện vật sưu tầm bổ sung hoặc sẽ đặt làm mới cần ghi rõ nơi có (cơ quan, đơn vị, địa phương...). Đối với các loại hiện vật đặt làm mới cũng cần ghi rõ các nguồn tư liệu nghiên cứu có giá trị hướng dẫn về mặt nội dung cho việc làm mới hiện vật đó.

Một điều cần hết sức lưu ý khi chuẩn bị nội dung cho các bài viết loại trích dẫn này phải thật rõ ràng và chính xác. Chính xác ngôn ngữ và hình thức. Các dấu chấm, phẩy... phải thật trung thành với bản chính. Cuối cùng phần xuất xứ cần ghi đủ họ tên tác giả, tên tác phẩm, nhà xuất bản, nơi và năm xuất bản, trang số mấy đều được ghi đầy đủ vào phiếu đề cương.

Mẫu số 1: Phiếu đề cương.

Chủ đề	Chủ đề phụ	Xuất xứ của các nguồn tư liệu
Ghi chép nội dung:		

Như vậy là trong quá trình bắt tay vào việc nghiên cứu các nguồn tư liệu, cán bộ khoa học cần ghi chép đầy đủ nội dung của các tư liệu vào các phiếu. Có hai loại phiếu. Phiếu đề cương và phiếu hiện vật trưng bày. Các phiếu đó trước hết phải ghi gọn chủ đề, chủ đề phụ, nguồn gốc của tư liệu (xuất xứ) và nội dung. Đó là phiếu đề cương. Còn phiếu hiện vật trưng bày phải ghi rõ thêm tên gọi của hiện vật, niên đại, kỹ thuật và trạng thái bảo quản...

Phiếu đề cương và phiếu hiện vật trưng bày là cơ sở để lập kế hoạch đề cương mở rộng. Qua việc ghi chép đầy đủ vào các phiếu, cán bộ khoa học dần dần thu nhập thêm những hiểu biết về các vấn đề thuộc nội dung trưng bày. Bản thân các loại phiếu này chính là chỗ dựa cho chúng ta lựa chọn các bài viết mang tính chỉ đạo (bản trích) và soạn thảo nhãn đề (ê-ti-két) cho mỗi hiện vật trưng bày.

Để thuận tiện cho việc tra cứu, đối chiếu trước khi lập các loại phiếu nói trên, cán bộ khoa học cần phải ghi chép một bảng thư mục. Bảng ghi chép thư mục này chỉ viết tóm tắt tên gọi nguồn tư liệu nội dung, nơi và năm xuất bản, hiện lưu trữ ở đâu (đối với sách báo) và số kiểm kê, số lý lịch hiện vật và hồ sơ kèm theo, thuộc kho nào, ở đâu (nếu là hiện vật gốc).

Trong quá trình xây dựng kế hoạch đề cương mở rộng cũng là lúc bắt đầu tính đến việc tạo ra những tư liệu khoa học hỗ trợ (bản trích, bảng thống kê, biểu đồ, sơ đồ, cảnh nhìn có tầm sâu, hình mẫu, mô hình...).

Phiếu đề cương, phiếu hiện vật trưng bày và bảng ghi chép thư mục sẽ tạo một phần hoàn thành các phần việc nói trên (xây dựng tác phẩm mỹ thuật, cảnh nhìn tầm sâu, mô hình còn phải ghi chép thực tế, các bản đặc họa, ảnh...)

Chủ đề đề phụ	Tên gọi của hiện vật	Loại hiện vật trưng bày	Niên đại
Nội dung hiện vật			
Kích thước, khối lượng			
Nguồn tư liệu			
Xuất xứ			

Một vấn đề nữa cũng cần lưu ý là trong kế hoạch đề cương mở rộng, các loại chữ số (La Mã và A Rập) chỉ các chủ đề, thành phần của chủ đề và những vấn đề riêng biệt cần rõ ràng, ăn khớp với cấu tạo đề cương.

Khi sắp đặt nội dung của kế hoạch cần tính liệu sao cho mỗi vấn đề nội dung và đối tượng trưng bày của nó đều nằm ở phạm vi dường như đối xứng. Thường thường việc sắp xếp các hiện vật trưng bày được ghi vào trong dấu ngoặc đơn tên gọi của đối tượng được thể hiện bằng một số hiện vật trưng bày cụ thể.

Ví dụ: Chúng ta định đưa vào trưng bày một di tích kiến trúc nào đó, trong dấu ngoặc đơn ghi rõ sẽ trưng bày cái gì, với hình thức nào (ảnh, tranh vẽ, hình mẫu, sách báo...)

Kế hoạch đề cương mở rộng là văn bản quan trọng, và cần thiết trong quá trình chuẩn bị nội dung khoa học cho trưng bày. Bởi vậy, mặc dù cán bộ khoa học đã chuẩn bị công phu cũng phải được hội đồng khoa học của bảo tàng thảo luận kỹ. Tại hội nghị khoa học đó cán bộ sưu tầm của bảo tàng vừa là thành viên khoa học có quyền xây dựng kế hoạch đề cương mở rộng, đồng thời còn có nhiệm vụ ghi chép những ý kiến đề xuất về việc phải sưu tầm hiện vật bổ sung như kế hoạch đề cương mở rộng đã đặt ra (những hiện vật được ghi bằng mực đỏ trong bản kế hoạch đề cương mở rộng) chuẩn bị kế hoạch sưu tầm.

c) Kế hoạch trưng bày

Lập kế hoạch trưng bày là bước cuối cùng của giai đoạn chuẩn bị nội dung khoa học của trưng bày. Nó được tiến hành sau khi việc lựa chọn hiện vật đã xong, những hiện vật cần sưu tầm bổ sung và tư liệu khoa học hỗ trợ cần làm mới (được ghi bằng mực đỏ trong kế hoạch đề cương) đã có.

Kế hoạch trưng bày là sự phát triển và xác định rõ thêm thành phần, số lượng (tổ hợp) hiện vật trưng bày. Nó là sự chi tiết hoá, cụ thể hoá và mở rộng hơn kế hoạch đề cương mở rộng. Nói khác đi, kế hoạch trưng bày là sự kết hợp giữa cấu tạo đề cương, và kế hoạch đề cương. Trong đó các loại hiện vật trưng bày không

những được kê khai đầy đủ: tên gọi, nội dung, hình dáng, lai lịch, kích thước chất liệu mà còn quyết định vị trí của nó trong từng diện trưng bày.

Vị trí của các loại hiện vật cần phải được phân bố tương ứng với chủ đề

Kế hoạch trưng bày gồm có:

1) Bảng kê khai chủ đề... các loại hiện vật trưng bày.

2) Biểu đồ trưng bày (graphique) và các bản phụ lục làm tài liệu cho họa sĩ trang trí.

3) Các nhiệm vụ về việc chuẩn bị những hiện vật mới cho trưng bày.

Nội dung một bản kê khai cần phải có những cột và những mục sau đây được lập trên tờ giấy khổ rộng (giấy kẻ ngang hoặc giấy kẻ ô vuông như đã nói ở phần kế hoạch đề cương).

Các cột tính từ trái qua phải. Các mục được ghi từ trên xuống dưới theo trình tự niên biểu của chủ đề.

Cột 1: Tên gọi chủ đề

Tên gọi chủ đề phụ

Tên gọi thành phần của chủ đề và những vấn đề riêng biệt.

Cột 2: Số thứ tự của mỗi hiện vật trưng bày của mỗi chủ đề.

Cột 3: Tên gọi chính xác của hiện vật trưng bày, nội dung tóm tắt.

Cột 4: Nguồn gốc của hiện vật trưng bày, số tài sản.

Cột 5: Loại hiện vật trưng bày, màu sắc, hình dáng và chất liệu, tình trạng bảo quản.

Cột 6: Vị trí của hiện vật trong các diện trưng bày và gian phòng trưng bày.

Cột 7: Ghi chú.

Như vậy, trong quá trình lập kế hoạch trưng bày, một vấn đề đặt ra cho cán bộ khoa học là “nhìn” trước các vị trí trưng bày. Việc bố trí hiện vật cho mỗi diện trưng bày không còn là một ước lệ nữa mà nó phải thật cụ thể, chính xác. Để có thể phục vụ tối ưu việc làm sáng tỏ nội dung các chủ đề, thành phần của chủ đề...cán bộ khoa học cần sử dụng một số lượng hiện vật nhất định. Trong trường hợp có thể, cán bộ khoa học cũng phải tính đến việc làm thêm tường phụ hoặc tuốc-nic-két (pannô có nhiều cánh xếp) tủ trưng suốt một vách tường. Những dự kiến đó cũng là cơ sở để lập biểu đồ (graphicque) và phác thảo trang trí nghệ thuật.

Từ những tính toán như vậy nên trước khi trao đổi cụ thể về lập biểu đồ (graphicque) chúng tôi thấy cần bàn trước ở đây về “diện” trưng bày và “đai” trưng bày.

- “Diện” trưng bày.

Trước khi bắt tay vào lập biểu đồ trưng bày, chúng ta phải phân định rõ các loại “diện” trưng bày. “Diện” trưng bày là những nơi có thể nhận một số lượng hiện vật trưng bày nhằm giới thiệu nội dung một chủ đề nhất định phục vụ người xem. Từ trước đến nay, chúng ta thường lưu ý đến ba loại “diện” trưng bày trong bảo tàng.

“Diện một” là vị trí quan trọng nhất trong các phòng trưng bày. Nó là nơi dễ quan sát nhất, đến với người xem trước nhất và gây ấn tượng tâm lý mạnh nhất. Bởi vì người đi xem bước vào phòng trưng bày ở trạng thái “động” (vừa đi vừa xem) nên những hiện vật ở “diện” này nổi hơn, dễ hấp dẫn người xem hơn. “Diện” một trong mỗi phòng, trưng bày là các vách tường thẳng đứng, tủ kính đứng đặt sát tường hoặc giữa gian phòng, bục cao ngang tầm “đai” trưng bày. “Diện hai” là vị trí trưng bày quan trọng thứ hai. Nó gồm các loại tủ nghiêng, bục thấp, bàn và giá... đặt sát tường và nằm dưới “đai” trưng bày. Người xem muốn tìm hiểu hiện vật ở “diện” này thường phải cúi xuống một chút. Tuy vậy không nên coi nhẹ việc trưng bày những hiện vật tiêu biểu ở “diện hai”. Đôi khi một hiện vật hoặc một bộ hiện vật trung tâm nào đó vì sự cần thiết của cấu trúc trưng bày phải bố trí trên “diện” một và ở “diện” hai. Vì mối liên hệ mật thiết của chúng, bố trí như vậy lại tiện hơn. Chẳng hạn ở “diện” một (trên tường) chúng ta giới thiệu tấm ảnh lớn: đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp, năm 1920 và phía dưới, trong một tủ vuông bằng kính, trên một đế trang trọng đặt cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp” do Người viết trong khoảng thời gian hoạt động cách mạng ở Pa-ri. Sự phối hợp giữa hai loại “diện” trưng bày như thế càng làm chặt chẽ thêm bố cục nội dung của một chủ đề. Các loại tủ thưng suốt một vách tường là một hình thức gần như “dung hoà” “diện một” và “diện hai” để tận dụng tối đa diện tích trưng bày đồng thời tập trung chủ đề trong cùng một không gian có giới hạn.

“Diện ba” là “diện” kín. Diện kín vừa có nghĩa là trưng bày nội dung sâu hơn, chi tiết hơn; cũng có nghĩa là hiện vật phần lớn nằm ở mặt khuất, người xem có mở ra mới thấy. Loại diện này được bố trí ở các tuốc-nic-két (pan-nô nhiều cánh có bản lề hoặc trục quay dễ xếp, mở); các loại an-bom... sự thực “diện” ba là một hình thức mở rộng diện tích trưng bày trên một chùng mực nhất định để tăng số lượng hiện vật cho trưng bày.

- “Đai trưng bày”.

Xác định “đai” trưng bày là điều cần phải tiến hành trong khi lập kế hoạch trưng bày. Đai trưng bày là diện tích nằm ngang trên suốt các vách tường thẳng đứng được quy ước căn cứ vào độ cao trung bình của người xem. “Diện” một nằm trong phạm vi của đai trưng bày. Người Việt Nam có độ cao trung bình là 1,55 mét. Tầm nhìn trung bình cũng tương tự như thế. Do vậy các phòng trưng bày trong khoảng 0,70 mét (dưới) và 2,40 mét (trên) cách mặt bằng sàn nhà. Trong phạm vi chiều rộng 1,70 mét này là đai trưng bày thích hợp với người xem. Ranh giới này không vạch rõ lên các vách tường nhưng nó là một quy ước được thực hiện như một nguyên tắc. Đương nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ khi gặp những hiện vật trưng bày có cỡ quá lớn như bản đồ, tranh, bức chạm nổi... chúng ta được phép vượt giới hạn của đai trưng bày một ít (treo tụt xuống hoặc cao lên một ít). Nói chung các hiện vật thông thường khác được xếp vào

“diện một”, tức phân bố ở vào đai trưng bày đều phải lưu ý giữ đúng qui định này.

Phía trên đai trưng bày (cách sàn nhà 2,40 mét trở lên) có thể treo tranh cỡ lớn, ảnh chân dung, bài viết mang tính chất chỉ đạo (bản trích)... Những hiện vật loại này, ở vị trí này đều nên treo có độ nghiêng để thuận tiện cho người xem (xin bàn kỹ ở trang sau). Phía dưới đai trưng bày (từ 0,70 mét cách sàn nhà trở xuống) coi như thuộc phạm vi “diện hai” là nơi bố trí các loại tủ nghiêng, tủ kính nhỏ, bục thấp để hiện vật có khối lớn. Như vậy, giữa việc quy định đai trưng bày với kích thước phương tiện trưng bày có mối quan hệ phụ thuộc với nhau.

- Sau khi xác định diện trưng bày và đai trưng bày, chúng ta cần kiểm tra hoặc đo đạc lại thật chính xác diện tích các vật tường, gian phòng, vách phụ. Số đo ghi rõ ràng, đầy đủ các vật tường và các gian phòng thứ tự từ đầu đến cuối theo hướng của người xem. Khi đó cần lưu ý (ghi chú) cửa sổ và các cửa ra vào. Những cửa được bịt kín thì tính vào diện trưng bày. Các cửa cần mở để lấy nguồn chiếu sáng tự nhiên và làm lối đi lại thì phải trừ ra.

Căn cứ vào bảng kê khai hiện vật (phần một của kế hoạch trưng bày), các diện trưng bày với những sơ đồ cụ thể đó, họa sĩ xây dựng biểu đồ trưng bày.

Biểu đồ là công trình khoa học tổng hợp của cán bộ khoa học và họa sĩ và nó là tư liệu khoa học không thể thiếu của trưng bày bảo tàng.

Biểu đồ bao gồm: Sơ đồ các gian phòng (mặt bằng) và đồ án trưng bày các diện tường cụ thể.

Sơ đồ gian phòng trưng bày là mặt bằng liên hợp giữa các gian phòng. Trên đó đặt số hiệu cho từng vật tường, hướng đi xem của khách, vị trí các chủ đề chính (được xác định trong quá trình xây dựng cấu tạo đề cương trưng bày); vị trí các tủ kính, bục hiện vật lớn và bục tượng. Sơ đồ gian phòng có thể chọn một tỷ lệ vừa phải đủ rõ để vừa đỡ tốn giấy, vừa tiện cho việc lưu trữ hồ sơ. Chúng tôi thường áp dụng tỷ lệ 1/50 cho loại sơ đồ bình diện này. Nghĩa là cứ một mét thực tế bằng 0,02 mét trên giấy (đây là trường hợp nhiều phòng rộng không thể áp dụng tỷ lệ 1/10 như biểu đồ vật tường).

Biểu đồ trưng bày các vật tường (có định vị trí tủ, bục) là sự bố trí đồ án trưng bày của từng vật tường cụ thể. Nói chung, biểu đồ vật tường và sơ đồ các gian phòng đều phải được xây dựng theo những tỷ lệ hợp lý, chặt chẽ. Tỷ lệ đó áp dụng thống nhất giữa hiện vật, phương tiện trưng bày, diện tích các vật tường.

Biểu đồ tốt nhất là xây dựng trên giấy kẻ ly (giấy mi-li-mét thường dùng để vẽ kỹ thuật ở các ngành xây dựng). Các loại hiện vật trưng bày nên dùng các loại giấy có màu tương tự, cắt theo một tỷ lệ thống nhất với diện tích vật tường và tủ, bục. Loại biểu đồ này áp dụng tỷ lệ 1/10 là thích hợp. Tỷ lệ đó vừa dễ tính vừa tiện bố trí, lại hợp với khả năng lưu trữ hồ sơ.

Ví dụ:

Một vật tường có chiều dài 8 mét, chiều cao 4 mét, chúng ta sẽ kẻ lên giấy một đai trưng bày có chiều dài 0,70 mét và chiều rộng 0,17 mét. Từ mép giấy

phía dưới cách vạch kẻ dưới của đai trưng bày 0,07 mét và cách vạch kẻ trên của đai trưng bày 0,24 mét. Phần còn lại được coi như khoảng từ đai trưng bày đến trần. Một tờ giấy kẻ ly có cỡ 0,80 x 0,80 mét dọc ra làm hai nửa bằng nhau thì vừa với khuôn khổ này. Các vật trưng trong cùng một gian phòng nên trình bày liền với nhau. Hiện vật các loại cũng cất cùng tỷ lệ 1/10.

Ví dụ: Ảnh đen trắng cỡ 0,30 x 0,40 mét thì cất giấy màu đen cỡ 0,03 x 0,04 mét; cỡ 0,50 x 0,60 thì cất 0,05 x 0,06 mét... Bản trích màu mận chín thì cất giấy có nhóm màu tương tự. Tranh, chân dung màu thì cất giấy có màu xanh tươi mát... Hiện vật có khối thì cất giấy có màu xanh tươi mát... Hiện vật có khối thì cất giấy dày, cứng hơn. Các phương tiện trưng bày cũng nên chọn một màu riêng và cùng thống nhất tỷ lệ này và được đưa đúng vào vị trí nó sẽ đứng trong thực tế các gian phòng.

Nên nhớ là dùng màu cho hiện vật giả định trên biểu đồ không phải để trang trí cho đẹp. Điều chủ yếu là để tạo được ấn tượng rõ về các loại hiện vật trên trưng bày. Hội đồng khoa học, giám đốc bảo tàng để quan sát và đóng góp ý kiến trong buổi duyệt các đồ án trưng bày.

Xây dựng biểu đồ có tỷ lệ đúng và được kiểm tra lại bằng thực tế sẽ tránh lãng phí khi thể hiện lắp ráp.

Mọi công việc về chuẩn bị nội dung khoa học của trưng bày đến đây coi như cơ bản hoàn thành. Tất cả hồ sơ khoa học (nội dung các loại bài viết, số liệu sơ đồ, thống kê... bản kê khai hiện vật trưng bày, biểu đồ...) được chuyển đầy đủ cho họa sĩ để họ nghiên cứu cấu tạo nghệ thuật cho trưng bày.

2. Trang trí kiến trúc nghệ thuật.

Sau khi kế hoạch trưng bày (bao gồm bản kê khai hiện vật trưng bày, biểu đồ và các bài viết hướng dẫn về yêu cầu bố cục nội dung, trang trí nghệ thuật và vị trí các hiện vật...) và những tài liệu khác được hội đồng khoa học và giám đốc bảo tàng thông qua thì chuyển toàn bộ sang cho họa sĩ trang trí. Họa sĩ căn cứ vào toàn bộ hồ sơ này để nghiên cứu phác thảo trang trí kiến trúc nghệ thuật cho trưng bày (cũng có tài liệu gọi là “cấu tạo nghệ thuật cho trưng bày”...).

Thực ra trong quá trình chuẩn bị nội dung khoa học, cán bộ khoa học và họa sĩ trang trí đã trao đổi với nhau nhiều lần. Phác thảo trang trí kiến trúc nghệ thuật cũng đã hình thành từng bước trong quá trình đó. Từng việc như lựa chọn và phân bố hiện vật, chia “diện” trưng bày và dự kiến làm thêm vách phụ, bố cục các chủ đề, thậm chí nội dung từng hiện vật hoặc nhóm hiện vật... đều được nói lại với họa sĩ đầy đủ và cặn kẽ. Mặt khác, họa sĩ cũng tự mình tìm hiểu sâu hơn mọi vấn đề trưng bày. Với góc độ mỹ thuật, họa sĩ có thể tham gia đóng góp ý kiến của mình về một vấn đề có liên quan đến bố cục nội dung. Đây là bước phối hợp cần thiết giữa cán bộ khoa học và họa sĩ trang trí. Sự phối hợp cần thiết giữa cán bộ khoa học và họa sĩ trang trí. Sự phối hợp này là mối quan hệ giữa

nội dung và hình thức, sao cho hình thức phải phục vụ nội dung, hoàn toàn vì nội dung. Như vậy là họa sĩ trang trí phải thực sự cộng tác và tin cậy bố cục nội dung và về nội dung, phải phục tùng ý kiến của cán bộ khoa học. Họa sĩ trang trí phải nhận thức đầy đủ rằng, dựa trên những gợi ý đề xuất của nội dung mà xây dựng phác thảo trang trí kiến trúc nghệ thuật. Thành công của phác thảo đó dựa trên cơ sở của giai đoạn chuẩn bị nội dung khoa học mà họa sĩ chỉ là người thực hiện bằng phương pháp nghệ thuật mà thôi! Cho nên, họa sĩ phải hiểu biết nội dung do cán bộ khoa học chuẩn bị. Tất nhiên đứng về mặt thẩm mỹ mà xét, muốn đẹp, độc đáo họa sĩ trang trí phải có tính sáng tạo. Nhưng sáng tạo ra sao, trên cơ sở nào, đó mới là điều cần lưu ý, không nắm vững nội dung, không căn cứ vào ý định trưng bày, cứ “sáng tạo” tự do sẽ dẫn đến thất bại. Do vậy, kể từ khi giao toàn bộ tài liệu để họa sĩ nghiên cứu làm phác thảo trang trí kiến trúc nghệ thuật, cán bộ khoa học không phải đã xong việc mà còn phải cộng tác chặt chẽ với họa sĩ để hướng dẫn họa sĩ thể hiện đúng ý định trưng bày của mình. Bởi vì cuối cùng chính cán bộ khoa học, chứ không phải họa sĩ, là người chịu trách nhiệm về kết quả trưng bày, cả về bố cục nội dung, cả về trang trí kiến trúc nghệ thuật.

Cấu tạo nghệ thuật cho trưng bày bao gồm bố trí hợp lý các hiện vật trưng bày thể khối và mặt phẳng, sử dụng màu sắc và ánh sáng, tạo nên những phương tiện trưng bày đẹp, nhẹ nhàng... Tất cả đều được xử lý hài hòa trong một tổng thể để làm nổi bật nội dung của trưng bày.

Khi cấu tạo nghệ thuật cho trưng bày, họa sĩ phải phác họa những biểu đồ toàn cảnh. Biểu đồ này thể hiện góc nhìn trong mỗi phòng trưng bày. Vị trí các hiện vật, phương tiện trưng bày với các mảng tường trong mỗi gian phòng. Biểu đồ toàn cảnh không lệ thuộc vào tỷ lệ mà lại bị luật viễn cận trong hội họa chi phối. Như vậy phác thảo biểu đồ toàn cảnh chỉ là một gợi cảm về màu sắc, vị trí và gian phòng trưng bày, chủ yếu là biểu đồ mà phác thảo biểu đồ mỹ thuật của từng mảng tường. Biểu đồ mỹ thuật là bản phác thảo mỹ thuật tổng hợp màu sắc, ánh sáng, vị trí và hình dáng hiện vật trưng bày cùng các phương tiện trưng bày một mảng tường cụ thể với một tỷ lệ thống nhất. Nó là một bản thiết kế mỹ thuật của trưng bày. Nếu như được tập thể cán bộ khoa học của bảo tàng chấp nhận và được giám đốc bảo tàng thông qua nó sẽ là đồ án chính thức cho việc thể hiện trong trưng bày về sau.

Trên cơ sở biểu đồ mỹ thuật đó, họa sĩ lại tiếp tục dựng mô hình trưng bày (maquette).

Mô hình trưng bày là bước cuối cùng của kế hoạch trưng bày, nó là bản mẫu tổng hợp của một đồ án trưng bày. Trong bản mẫu này phạm vi các gian phòng trưng bày, vị trí các phương tiện, hiện vật trưng bày được thể hiện như thật với những chất liệu dễ làm. Nhìn vào mô hình người ta có thể như đã nhìn các gian phòng trưng bày. Nói cách khác, mô hình trưng bày là sự thu nhỏ với một tỷ lệ thống nhất hiện vật và phương tiện trưng bày trong mỗi gian phòng.

Vật liệu để xây dựng mô hình thường là gỗ dán, bìa cứng, gỗ, thạch cao, bột xốp, đất sét, nhựa, cao su, ni lông, giấy, vải... Mô hình thực sự là một công trình nghệ thuật, trong đó hình dạng và màu sắc hiện vật... được thể hiện dưới dạng thu nhỏ gợi cho ta toàn bộ kiến trúc mô hình nghệ thuật và bố cục của từng gian phòng.

Có một vài nơi sợ phiền phức nên thường bỏ phần việc này vì thế khi lắp ráp cụ thể đã phải làm đi làm lại mất nhiều thời gian và tốn kém. Điều chỉnh bổ sung trên mô hình đơn giản hơn là điều chỉnh bổ sung trong thực tế trong phòng trưng bày.

Mô hình là bản thiết kế tổng hợp của trưng bày bảo tàng làm cơ sở chỉ đạo trong việc lắp ráp cụ thể. Do vậy, không nên coi nhẹ việc xây dựng mô hình.

Người xem bảo tàng có lĩnh hội được nội dung tư tưởng của trưng bày, có cảm thấy thoải mái hay không đều do sự sắp xếp của các phòng trưng bày có hợp lý hay không. Muốn thực hiện được điều đó, trước hết phải quán triệt quan điểm trang trí kiến trúc nghệ thuật phục vụ tối ưu nội dung vì nội dung. Do vậy mỗi một vấn đề thẩm mỹ trong trưng bày bảo tàng đều phải được cân nhắc thận trọng.

Nói tóm lại, một phòng trưng bày tạm gọi là hoàn hảo cần xét đến hai yếu tố cơ bản sau:

Một là tính thống nhất giữa nội dung và hình thức (hình thức phục vụ nội dung) được biểu hiện trước hết ở sự phù hợp giữa tổ chức bề ngoài của hiện vật trưng bày với trang trí kiến trúc nghệ thuật.

Hai là sự hài hoà và cân đối giữa các hiện vật có thể khối với di tích mặt phẳng. Sử dụng khéo léo các mảng tường và sự hoà hợp của mỗi hiện vật trưng bày với trang trí chung của toàn bộ gian phòng.

Chuẩn bị tốt trang trí kiến trúc nghệ thuật, có đầy đủ phương tiện trưng bày và các loại hiện vật chúng ta bắt đầu “dựng” trưng bày vào thực tế.

3. Bài viết trong trưng bày bảo tàng

Hệ thống các bài viết trong trưng bày bảo tàng cũng là một loại hiện vật trưng bày. Kích thước, màu sắc, kiểu chữ... là những vấn đề đòi hỏi phải có sự lựa chọn nghiêm túc. Bởi vì màu sắc và kiểu chữ của bài viết không những là thể hiện quan điểm giai cấp mà còn là biểu hiện thái độ tôn trọng người xem.

Hệ thống các bài viết thường được chia ra ba loại như sau:

- Bài viết mang tính chất hướng dẫn.
- Bài viết mang tính chất chỉ đạo.
- Bài viết mang tính chất giải thích.

Bài viết mang tính chất hướng dẫn là lời giới thiệu tóm tắt chủ đề, tên gọi chủ đề và tên gọi bằng số của mỗi gian phòng.

Vài viết mang tính chất chỉ đạo là bản trích dẫn mang tính chỉ đạo nội dung của chủ đề. Cỡ chữ to nhỏ của bài viết loại này tùy nội dung và vị trí của nó.

Bài viết mang tính chất giải thích chúng ta thường gọi là nhãn đề (ê-ti-két) thuộc loại bài viết được dùng phổ biến và rất nhiều trong trưng bày bảo tàng. Phải coi nhãn đề là một loại hiện vật trưng bày, đó là tinh thần khoa học. Phải viết nhãn đề rõ, gọn, đẹp (không được viết đại khái, viết ngoáy, không được đánh máy...) đó là thái độ tôn trọng người xem.

Yêu cầu cơ bản khi viết nhãn đề như sau:

- Màu sắc:

Màu sắc của nhãn đề tuy là việc nhỏ nhưng nếu sử dụng không khéo sẽ phá đi cái đẹp chung của cả mảng tường trưng bày. Ví dụ một mảng tường có một số khung kính nền lót màu đen mà dùng giấy trắng, viết nhãn đề sẽ không đẹp, nổi quá. Người xem sẽ chú ý xem nhãn đề mà không xem hiện vật nữa. Nhãn đề tốt nhất là chọn màu cùng “gam” với nền lót hoặc hiện vật.

- Kiểu chữ:

Chữ viết nhãn đề là kiểu chữ đẹp và dễ đọc. Tốt nhất là viết lối chữ in đậm nét.

- Kích thước:

Kích thước của nhãn đề tùy thuộc vào kích thước hiện vật. Nên chọn một tỷ lệ dễ coi. Đừng viết nhãn đề bằng một mảnh giấy dài ngoằng. Cũng không nên viết trên một mảnh giấy vuông.

Hợp lý là :

Khung kính có cỡ 0,30m x 0,40m nhãn đề 0,03 x 0,12.

Khung kính có cỡ 0,40m x 0,40m nhãn đề 0,035 x 0,013...

Đối với hiện vật có thể khối tùy thuộc vào quy mô hiện vật mà đặt kích thước nhãn đề. Loại hiện vật trưng bày trong tủ hoặc trên tường có thể chung một cỡ 0,028 x 0,11 và được dán vào một miếng gỗ (nhựa, cao su...) có ba mặt chữ nhật và tiết diện là một tam giác thường (trong tủ) có chiều dài và chiều rộng bằng nhãn đề.

- Nội dung:

Hệ thống các bài viết, nhất là nhãn đề (ê-ti-két) là một bộ phận rất quan trọng trong công tác trưng bày của bảo tàng. Nó giúp người xem tìm hiểu các loại hiện vật trưng bày khác một cách mạch lạc và tiếp thu được nội dung tư tưởng của mỗi chủ đề. Khách đến xem bảo tàng không phải ai cũng được cán bộ hướng dẫn giới thiệu đầy đủ. Phần lớn khách tự tìm hiểu nội dung trưng bày qua nhãn đề. Cho nên chúng ta không được coi nhẹ phần việc này và càng không được tùy tiện và đại khái (nhất là nội dung). Viết gọn, viết rõ, dễ đọc là tiêu chuẩn cao nhất của nhãn đề. Cho nên viết sao cho ngắn gọn, xúc tích đủ ý giới thiệu được hiện vật là một việc khó.

Đối với những nhóm hiện vật nhỏ, để tránh rườm rà chúng ta có thể viết một nhãn đề chung. Từng hiện vật được gọi theo số có nội dung tương ứng trong nhãn đề.

4. Lắp ráp trưng bày

Căn cứ vào mô hình trưng bày chúng ta đưa các loại hiện vật trưng bày và phương tiện trưng bày vào đúng vị trí của nó. Nên sắp xếp, lắp ráp các loại hiện vật trưng bày trên các vật tường trước. Tuần tự từ trên xuống. Các loại hiện vật (tranh, ảnh lớn...) ở phía trên đài trưng bày nên treo chếch theo một góc vừa phải. Độ chếch đó thường tính như sau:

$$2 AB + BC$$

Ví dụ cần treo một bức tranh lớn có chiều cao $AB=1,00m$ trên đài trưng bày một khoảng $BC=1,00m$. Điểm của người đứng xem cách vật tường treo tranh đó là:

$$(1,00m \times 2) + 1,00m = 3,00m.$$

Góc được tạo nên giữa mắt người xem bức tranh với tường thẳng đứng khoảng 45 độ. (xem hình vẽ).

Các hiện vật mặt phẳng (ảnh, tài liệu trong khung) bố trí trong phạm vi đài trưng bày (0,70-2,40) thì treo thẳng đứng. Việc treo thẳng đứng này cũng có nhiều phương pháp và đang được cải tiến thường xuyên.

Xong phần lắp ráp trên tường mới đến việc bố trí các phương tiện trưng bày, hiện vật có khối lớn vào các vị trí đã định.

Mọi việc lắp ráp (thi công cụ thể) xong, làm vệ sinh sạch sẽ và tổ chức tổng duyệt lần cuối cùng trước khi mở cửa đón khách vào xem. Những việc còn lại như lập lưu trữ tài liệu khoa học (hồ sơ về các giai đoạn trưng bày), lập biểu đồ bảo quản, bảo vệ hiện vật, xây dựng tập ảnh các vật tường trưng bày, viết bài hướng dẫn, giới thiệu... là những công việc cần làm tiếp sau khi phòng trưng bày đã mở cửa.

III. KỸ THUẬT TRƯNG BÀY

Như chúng ta đã biết, trưng bày ở bảo tàng không phải là phong cách trưng bày quảng cáo hàng mẫu. Cho nên việc sắp xếp, bố trí các loại hiện vật trưng bày phải làm sao để coi, không khấp khểnh, ngổn ngang làm hại đến cái đẹp tổng thể của các gian phòng trưng bày, mặt khác (đây là mặt chủ yếu) nói lên được một cách mạch lạc nội dung tư tưởng của các chủ đề qua các hiện vật trưng bày.

1. Sắp xếp hiện vật trưng bày

Mỗi hiện vật được lựa chọn trưng bày cũng có thể được coi như một từ trong một mệnh đề. Cấu trúc hình thức của mệnh đề không lỏng lẻo vừa tạo cho câu viết gọn vừa không lạc ý. Sắp xếp hiện vật trong trưng bày của bảo tàng cũng nên được quan niệm như thế. Biết suy nghĩ và chọn được những hiện vật điển hình cho từng vấn đề trưng bày lại sắp xếp chúng trong một mối quan hệ hữu cơ chúng ta sẽ tạo cho người xem điều kiện dễ dàng để tìm hiểu nội dung trưng bày của bảo tàng.

Đây là một vấn đề rộng, liên quan đến các giai đoạn trưng bày. Trong quá trình phát triển của mỗi bảo tàng, việc sắp xếp hiện vật nói riêng và kỹ thuật trưng bày nói chung đang được nghiên cứu và luôn luôn tạo ra phong cách mới. Sắp xếp hiện vật trưng bày còn tùy thuộc vào loại hình bảo tàng, số lượng hiện vật, quy mô các gian phòng và phong tục, tập quán của từng vùng, từng địa phương... một vài ý kiến về sắp xếp hiện vật ở đây cũng mới chỉ là những gợi ý.

Việc sắp xếp hiện vật cho trưng bày được đặt ra trong quá trình lập kế hoạch đề cương. Suy nghĩ về nội dung tư tưởng của mỗi một chủ đề trong cấu tạo đề cương cũng đồng thời suy nghĩ để tìm kiếm, lựa chọn những hiện vật điển hình phản ánh được nội dung của chủ đề đó. Hiểu thấu đáo nội dung mỗi chủ đề... và định vị trí cho nó trong diện tích trưng bày cũng phải được coi như hiểu thấu đáo lý lịch một hiện vật và xếp chỗ cho nó trong chủ đề. Một điều xin nhắc lại là hiện vật nguyên gốc (di tích lịch sử động sản) bao gồm di tích tư liệu (có chữ viết); di tích đồ vật (có thể khối) và di tích nghệ thuật tạo hình (có hình) là những hiện vật làm cơ sở cho trưng bày của bảo tàng. Ngoài những loại hiện vật gốc như thế trong trưng bày còn phải có một số loại hiện vật làm trung gian mới làm rõ hơn nội dung của từng chủ đề. Với số lượng và số loại hiện vật đó nếu chúng ta không chú ý sắp xếp, nhất là không biết tìm ra những hiện vật điển hình, chủ đạo làm “điểm chốt” cho từng chủ đề, trưng bày sẽ trở nên dàn đều không có trọng tâm. Bởi vậy cần lưu ý chọn cho mỗi chủ đề (hoặc thành phần chủ đề...) một hiện vật hoặc một nhóm (tổ hợp) hiện vật gốc điển hình. Những hiện vật gốc điển hình đó được sản xuất ở vị trí trung tâm. Các loại hiện vật gốc bình thường và tư liệu khoa học hỗ trợ nên coi như là những thành viên phối hợp không thể thiếu. Tư liệu khoa học hỗ trợ không nên giành những vị trí trung tâm. Về hình dạng hiện vật cũng là điều cần chú ý khi sắp xếp, tránh ngổn ngang chói mắt trong trưng bày.

Trước đây người ta thường sắp xếp các loại hiện vật có khối trên bục, trong tủ. Các loại hiện vật khác có mặt phẳng (tranh, hoặc ảnh, bản trích...) thường treo trên tường (bản trích thường chiếm vị trí trung tâm). Các vật tường trưng bày thường lặp lại cách sắp xếp này đã trở nên đơn điệu, chán mắt. Một số hiện vật gốc điển hình không được tôn lên ở những vị trí xứng đáng. Gần đây một vài bảo tàng đã mạnh dạn đưa hiện vật có khối lên đài trưng bày (tất nhiên không quá

lạm dụng) tạo nên những “điểm chốt” nổi, thu hút sự chú ý của người xem. Trong một tủ trưng (tủ kính chạy suốt một vạt tường) cách trưng bày hỗn hợp như thế lại càng tiện và cũng đẹp mắt.

Nói chung sắp xếp hiện vật cần chú ý đến giá trị điển hình, chủ đạo của hiện vật đồng thời phải lưu ý đến quy mô và hình dáng của nó (không được dùng hiện vật vào mục đích trang trí) cự ly gián cách và mối quan hệ của các loại hiện vật trong diện tích trưng bày.

Lựa chọn và sắp xếp hiện vật trưng bày là một vấn đề quan trọng, chúng ta cần suy nghĩ kỹ, nghiên cứu sâu và luôn luôn tìm ra phong cách trưng bày mới. Việc sắp xếp hợp lý, các loại hiện vật trưng bày lại biết sử dụng ánh sáng và màu sắc đúng mức, các gian phòng trưng bày nhất định sẽ làm hài lòng người xem.

2. Màu sắc trong trưng bày bảo tàng

Trong cuộc sống, màu sắc góp phần làm nên cái đẹp. Trưng bày ở bảo tàng cũng thế. Màu sắc không những tăng phần thẩm mỹ mà còn làm nổi rõ nội dung, và có thể hiện dứt khoát quan điểm của trưng bày. Chọn màu cho một phòng trưng bày. Một vạt tường hoặc nền lót của một hiện vật, một đáy tủ... đều phải suy nghĩ và cân nhắc thận trọng. Việc dự kiến màu cũng phải được đặt ra cụ thể lúc xây dựng biểu đồ mỹ thuật và mô hình trưng bày. Không thể sử dụng màu sắc một cách tùy tiện trong trưng bày. Không thể sử dụng màu sắc một cách tùy tiện trong trưng bày. Đôi khi chỉ để chọn một màu tường bên trong các gian phòng trưng bày cũng phải tổ chức nhiều cuộc họp khoa học của bảo tàng và phải được giám đốc bảo tàng ký duyệt. Trừ những vị trí được chọn làm chủ điểm (có màu sắc và ánh sáng đặc biệt) màu tường trong các phòng trưng bày nên dùng màu trung gian, có thể dùng vàng nhạt hoặc be sáng thường thích hợp hơn dùng màu đỏ cốt để “nhấn chìm” các vạt tường xuống cho hiện vật trưng bày nổi lên. Màu lót làm nền cho hiện vật cũng phải chú ý. Sao cho trang nhã mà không chói mắt, không sặc sỡ một cách loè loẹt. Những hiện vật đối lập, tiêu cực ngoài bản thân nội dung và bài viết giải thích (ê-ti-két), việc sử dụng màu sắc tương phản xác định thái độ dứt khoát cho người xem cũng là điều quan trọng. Màu đen, màu ghi xám thích hợp với loại hiện vật này.

3. Ánh sáng trong trưng bày bảo tàng

Ánh sáng cũng là vấn đề quan trọng trong các gian phòng trưng bày của bảo tàng. Phối hợp chặt chẽ với màu sắc, cách sắp xếp hiện vật, ánh sáng không những làm nổi rõ hiện vật chủ đạo mà còn góp phần làm tăng thêm vẻ đẹp trong trang trí kiến trúc nghệ thuật của các gian phòng trưng bày (biểu đồ mỹ thuật)

hoạ sĩ trang trí đã dự kiến các hình thức và kỹ thuật chiếu sáng, vị trí chiếu sáng cho từng gian phòng, vạt tường, tủ và nhóm hiện vật trưng bày. Cần chú ý sử dụng chiếu sáng chung cho toàn gian phòng đồng thời phải bố trí ánh sáng riêng cho từng vị trí cần thiết.

Thông thường trong các gian phòng trưng bày bảo tàng ở nước ta, người sử dụng hai loại nguồn sáng. Nguồn sáng tự nhiên (ánh sáng trời) và nguồn sáng nhân tạo (ánh sáng điện). Ánh sáng tự nhiên mạnh, ít tốn kém nhưng có tác hại lớn đến các loại hiện vật (nhất là da, vải, giấy...). Bởi vậy sử dụng nguồn sáng tự nhiên nên để luồng sáng xiên ngang. Luồng sáng đó cần được lọc qua các loại rèm vải gấp nếp. Tuyệt đối không được để luồng chiếu sáng ngược, làm chói mắt người xem. Sử dụng ánh sáng nhân tạo phiền phức hơn nhưng nếu khéo bố trí sẽ tạo nên vẻ đẹp chung cho gian phòng trưng bày. Một điều cần chú ý khi dùng nguồn chiếu sáng nhân tạo là cần làm các hình thức chiếu sáng kín, tránh soi vào khung kính làm chói mắt người xem. Nói chung kỹ thuật chiếu sáng đang là vấn đề đặt ra cho họa sĩ trang trí kiến trúc nghệ thuật ở bảo tàng tiếp tục nghiên cứu. Làm rõ nội dung chủ đề qua các hiện vật trưng bày đồng thời góp phần thẩm mỹ trong trang trí nghệ thuật đó là yêu cầu chủ yếu khi sử dụng các nguồn sáng trong bảo tàng.

4. Phương tiện trưng bày của bảo tàng

Phương tiện trưng bày trong bảo tàng gồm có: khay, khung kính; tủ kính; bục, đế, giá đỡ, tường phụ, tuốc níc-két; ghế tựa (đi-văng)... Nói chung, phương tiện trưng bày cũng là những yếu tố thẩm mỹ trong trưng bày bảo tàng. Phương tiện trưng bày có dáng đẹp, thanh thoát, hài hòa tạo cho người xem không khí dễ chịu. Do vậy, từ lúc lập kế hoạch trưng bày, yêu cầu các loại phương tiện trưng bày cũng được đặt ra. Dựa vào các biểu đồ trưng bày (graphique) họa sĩ phụ trách trang trí kiến trúc bắt đầu thiết kế các mẫu phương tiện trưng bày sao cho phù hợp với phong cách trưng bày chung. Sau khi các mẫu phương tiện được ký duyệt, họa sĩ tiến hành lập kế hoạch thi công hàng loạt (theo dự kiến của kế hoạch trưng bày) và hoàn thành trước ngày quyết định lắp ráp của trưng bày. Kiểu cách, hình dáng, kích thước, màu sắc là những vấn đề cần lưu ý từ lúc thiết kế các mẫu phương tiện trưng bày vừa trang trí tốt các hiện vật đồng thời lại bảo vệ được hiện vật đó (chống ẩm mốc, vi sinh vật và tránh ánh sáng phá hoại, tránh bụi bẩn và mất mát...). Phương tiện trưng bày trong bảo tàng là một loại đồ dùng đặc biệt vừa mang tính khoa học vừa mang tính nghệ thuật (công dụng và mỹ thuật). Công dụng của phương tiện trưng bày là (trước hết) trang trí làm nổi rõ hiện vật và bảo vệ hiện vật. Không đẹp, không tốt, phương tiện trưng bày sẽ làm cho các phòng trưng bày trở nên tầm thường. Bởi vậy, nghĩ đến phương tiện trưng bày chúng ta cần lưu ý mấy điểm cơ bản sau đây:

- Thanh nhẹ, chắc chắn để làm rõ làm hiện vật và bảo vệ được hiện vật trưng bày.

- Thống nhất tương đối về hình dáng, kiểu cách, màu sắc để tạo nên sự nhất quán trong các phòng trưng bày.

- Vật liệu tốt, kỹ thuật sản xuất bảo đảm, dễ tháo lắp di chuyển, tránh được lãng phí qua mỗi lần chỉnh lý, bổ sung. (Một số người không nghĩ đến điều này nên có thể vừa không đẹp vừa khó khăn cho mỗi lần chỉnh lý).

Một điều cần lưu ý khi thiết kế các mẫu phương tiện (tủ nghiêng và tủ lồng kính áp tường, bục...) là kích thước của nó so với diện tích và đại trưng bày. Kích thước đó đảm bảo cho người xem dễ quan sát, đồng thời không để phương tiện lấn át hiện vật trưng bày trên các diện tường thẳng đứng. Tủ nghiêng, tủ vuông nhỏ, bục (cả hiện vật) được bố trí ở “diện hai” không nên cao quá 1,00 mét (trừ một hai trường hợp ngoại lệ).

Phương tiện trưng bày không nên trạm trổ cầu kỳ, cổ điển mà phải tạo dáng hiện đại mà trang nhã, thanh nhẹ mà vững chắc. Làm sao cho người xem khi bước vào phòng trưng bày như bị hiện vật cuốn hút và dấn dấp, đừng để người xem thoát ra khỏi hiện vật để xem các phương tiện trưng bày.

Có một vài nhà trưng bày ở một số địa phương vì không lưu ý đến kích thước hiện vật nên đã làm một loạt tủ quá cao (nhất là tủ nghiêng) nên khi đưa vào quan sát được hiện vật. Đã thế lại chiếm quá nhiều diện tích trên tường và cản cả lối đi.

CHƯƠNG VI

CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG

I. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG CỦA CÁC BẢO TÀNG.

Công tác quần chúng là khâu cuối cùng trong toàn bộ hoạt động của bảo tàng. Kết quả của công tác quần chúng tùy thuộc không những vào các hình thức, biện pháp của bản thân nó mà còn trực tiếp chịu ảnh hưởng của các khâu công tác trước, nhất là công tác trưng bày. Song, công tác quần chúng có vị trí độc lập, không thể thiếu trong toàn bộ hoạt động của bảo tàng. Bởi vì không có trưng bày, không có công tác quần chúng, bảo tàng chỉ là một cơ quan lưu trữ mà thôi. Chỉ có thông qua công tác quần chúng nhân dân ta mới biết được những hoạt động của bảo tàng và mới tìm hiểu đầy đủ giá trị của mọi di sản văn hóa vật chất và tinh thần trong các bảo tàng. Bởi vậy, công tác quần chúng luôn luôn có nhiệm vụ tạo mọi điều kiện tốt để đón rước được đông đảo nhân dân đến xem bảo tàng. Công tác quần chúng của bảo tàng gồm những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Thu hút người đến xem bảo tàng

Đây cũng là nhiệm vụ chủ yếu của bảo tàng. Số lượt người xem hàng năm là thước đo kết quả cuối cùng của công tác bảo tàng. Để đạt mục tiêu đó, bảo tàng có thể áp dụng nhiều biện pháp như tuyên truyền, quảng cáo, cổ động trong nhân dân để mọi người biết hoạt động của bảo tàng. Chỉ có như thế bảo tàng mới mở rộng phạm vi người xem và thực hiện chức năng giáo dục khoa học của mình.

2. Giúp người xem tìm hiểu nội dung trưng bày của bảo tàng.

Mục đích cuối cùng của bảo tàng là làm cho người xem, thông qua hiện vật trưng bày, hiểu được nội dung tư tưởng của bảo tàng. Từ đó, người xem nhận thức được giá trị khoa học và giá trị tư tưởng được giới thiệu trong mỗi hiện vật hay nhóm (bộ) hiện vật trưng bày. Bởi vậy, người làm công tác quần chúng, trước hết phải là người nắm vững toàn bộ hiện vật trưng bày và tư tưởng chủ đạo của từng chủ đề, thành phần của chủ đề và các vấn đề riêng lẻ. Chỉ có như thế,

người hướng dẫn mới giúp người xem tìm hiểu mọi vấn đề về nội dung của trưng bày bảo tàng.

3. Tạo điều kiện phục vụ nhân dân ở những nơi xa bảo tàng.

Mỗi một bảo tàng đều ở một địa điểm nhất định. Dù cho phương tiện đi lại có thuận lợi nhanh chóng đến đâu cũng không thể làm thoả mãn yêu cầu của đông đảo nhân dân ở xa bảo tàng. Vì thế, một trong những nhiệm vụ của công tác quần chúng là phải lưu ý đến nhân dân các vùng xa xôi hẻo lánh. Từ sự lưu ý đó, những người làm công tác quần chúng mới định ra được mục tiêu và các hình thức thích hợp để phục vụ nhân dân.

II. NHỮNG HÌNH THỨC CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG

Để thực hiện tốt chức năng giáo dục khoa học, các bảo tàng đều phải sử dụng nhiều hình thức công tác quần chúng. Tuy nhiên, sự khác nhau về loại hình, về đối tượng phục vụ của các bảo tàng dẫn đến sự khác nhau về mức độ và hình thức của công tác quần chúng.

Để xác định được hình thức công tác quần chúng chủ yếu của từng bảo tàng cụ thể, chúng ta cần căn cứ trước hết vào loại hình và đối tượng phục vụ của mỗi bảo tàng. Dưới đây là những hình thức công tác quần chúng phổ biến nhất đang được sử dụng trong các bảo tàng của chúng ta.

1. Hướng dẫn tham quan.

Ngay từ lúc bảo tàng làm lễ khánh thành mở cửa đón nhân dân vào xem cũng là giờ phút mở đầu của hình thức hướng dẫn tham quan. Hình thức này được sử dụng suốt trong cả quá trình tồn tại của bảo tàng. Do vậy, hướng dẫn tham quan ở bảo tàng có một vị trí đặc biệt quá trình.

Hướng dẫn tham quan trong các bảo tàng rất đa dạng và phong phú, song đều có chung một điểm là tính đề tài. Tính đề tài của hướng dẫn tham quan xuất phát từ nguyên tắc xây dựng trưng bày, vào mục đích và những yếu tố khác của cuộc tham quan. Nội dung trưng bày càng phong phú, càng đòi hỏi phải xác định rõ nội dung cho một cuộc tham quan.

Ví dụ, tham quan về đề tài lịch sử có thể được tiến hành trong bảo tàng loại hình lịch sử xã hội hoặc phần lịch sử trong bảo tàng khảo cứu địa phương.

Ngoài ra, hướng dẫn tham quan còn được lưu ý theo những yêu cầu và đối tượng khác nhau (mục đích, thành phần, lứa tuổi, tâm lý... của người xem). Tóm lại, hướng dẫn tham quan là hình thức chủ yếu, cơ bản nhất của công tác quần

chúng. Do vậy chúng ta cần có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học và có sự chuẩn bị chu đáo.

a) Giai đoạn chuẩn bị hướng dẫn tham quan.

Để hướng dẫn tham quan có kết quả, cán bộ phải chuẩn bị chu đáo cả về nội dung lẫn phương pháp. Quá trình chuẩn bị hướng dẫn tham quan là công việc thường xuyên đối với người chịu trách nhiệm hướng dẫn tham quan. Không thể nghĩ đơn giản là người hướng dẫn tham quan khi đã dẫn đoàn tham quan rồi là kết thúc giai đoạn chuẩn bị. Phải biến quá trình chuẩn bị ở đây theo nghĩa rộng của nó. Nội dung và phương pháp hướng dẫn tham quan chỉ có thể được bổ sung và hoàn thiện dần trong quá trình tiến hành công tác.

Quá trình chuẩn bị hướng dẫn tham quan bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Nghiên cứu những tác phẩm luận lý có liên quan đến nội dung trưng bày;
- Nghiên cứu bộ môn khoa học mà bảo tàng thể hiện;
- Tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề thể hiện trên trưng bày, nghiên cứu những hiện vật trưng bày;
- Nghiên cứu các loại sách hướng dẫn nghiệp vụ sư phạm kết hợp tìm hiểu các đối tượng đến xem bảo tàng;
- Trên cơ sở những kiến thức thu nhận được trong quá trình nghiên cứu mà xây dựng những phương án, những đề cương hướng dẫn cho nhiều loại đối tượng khác nhau.

Không nắm được những vấn đề đó thì người hướng dẫn tham quan, không thể hiểu được nội dung những vấn đề đã được trưng bày, không hiểu được ý đồ trưng bày. Và có thể giới thiệu với người xem một cách lệch lạc về nội dung trưng bày, hoặc những sai lầm nghiêm trọng khác về chuyên môn. Cho nên trước hết người hướng dẫn tham quan phải là người nắm rất vững từng giai đoạn lịch sử và phải trở thành chuyên gia về phần đó. Người hướng dẫn tham quan nhất thiết phải hiểu một cách tường tận nội dung nguồn gốc, đặc điểm... của từng hiện vật trưng bày. Để làm được những điều đó, người hướng dẫn tham quan phải thực sự “gắn bó” với trưng bày, phải vào kho bảo quản nghiên cứu, tìm hiểu. Tất cả những hiểu biết đó rất bổ ích khi bắt tay xây dựng những phương án, đề cương hướng dẫn tham quan cho các đối tượng khác nhau. Đặc điểm về tuổi tác, tâm lý của người xem cũng cần nghiên cứu. Căn cứ vào đặc điểm tâm lý và tuổi tác, người ta thường chia người xem thành hai loại: người lớn và trẻ em. Đối với người lớn, căn cứ vào trình độ học vấn, về thành phần giai cấp, về địa lý (đối với khách nước ngoài), về xu hướng chính trị...

Tất cả những nội dung nghiên cứu trên sẽ làm nền tảng để xây dựng các đề cương giới thiệu khác nhau tương ứng với những đối tượng phục vụ bảo tàng. Đây là việc làm khó khăn và phức tạp đòi hỏi cán bộ hướng dẫn phải mất rất nhiều thời gian và công sức. Ở bảo tàng không bao giờ chấp nhận có một bài

thuyết minh viết sẵn sử dụng cho bất cứ loại đối tượng nào đến thăm bảo tàng. Căn cứ vào đặc điểm tâm lý, tuổi tác của một số đối tượng đến tham quan bảo tàng chủ yếu và những kiến thức tích lũy được trong quá trình nghiên cứu mà xây dựng nên một số đề Cương hướng dẫn khác nhau. Khi hướng dẫn người tham quan còn phải dựa vào một số điều kiện khác nữa, chẳng hạn như thời gian tham quan. Cùng một đề cương đó sử dụng cho cùng một đối tượng nhưng thời gian tham quan dài ngắn khác nhau thì được vận dụng khác nhau. Song, dấu sao biên soạn một cách khái quát những đề cương giới thiệu cho những đối tượng khái quát vẫn là cần thiết, thường thường ta sử dụng những hiện vật, tài liệu mà trưng bày ở diện một, hoặc một số ở diện hai chứ ít khi sử dụng ở diện thứ ba. Nhưng loại đề cương giới thiệu chuyên đề, phục vụ những đối tượng đến nghiên cứu, ta phải sử dụng tất cả ở cả ba diện trưng bày, người hướng dẫn phải vận dụng những hiểu biết của mình để lựa chọn tài liệu chứng minh cho người tham quan một vấn đề gì đó thật sự sâu sắc, toàn diện và khoa học.

Tất cả những vấn đề trình bày ở trên cho ta thấy rằng người cán bộ hướng dẫn tham quan không có một trình độ kiến thức và nghiệp vụ cần thiết thì không thể tiến hành công việc có kết quả.

b. Nghệ thuật hướng dẫn tham quan:

Hướng dẫn tham quan là một quá trình sáng tạo. Quá trình đó bao gồm một hệ thống phương pháp từ đơn giản đến phức tạp.

Mỗi một người hướng dẫn tham quan tùy thuộc vào đối tượng người xem mà thể hiện cho được nội dung tư tưởng và tính khoa học.

Nhìn chung, một cuộc tham quan bảo tàng thường chia thành ba giai đoạn kế tiếp nhau: giai đoạn nói chuyện mở đầu, giai đoạn hướng dẫn tham quan, và giai đoạn nói chuyện kết thúc.

Giai đoạn nói chuyện mở đầu. Theo quy chế xây dựng một bảo tàng thì bảo tàng nào cũng có một hội trường. Tại đây người giới thiệu và người xem tiếp xúc với nhau. Người giới thiệu tìm hiểu đối tượng của mình. Người tham quan cũng bắt đầu hình thành ấn tượng về bảo tàng thông qua cách tiếp đón của người giới thiệu. Ấn tượng tốt hay xấu của người tham quan bảo tàng phần lớn tùy thuộc vào sự tiếp đón của người hướng dẫn; tức là tùy thuộc vào giây phút tiếp xúc đầu tiên giữa người tham quan và người thay mặt bảo tàng. Vì thế, về mặt nguyên tắc, người giới thiệu không nên có những lời nói, những hành động cử chỉ gây nên những ác cảm ở người tham quan, mà phải tiếp đón họ như những người thân từ lâu xa gia đình nay có dịp trở về. Trong cuộc nói chuyện mở đầu người hướng dẫn tham quan có thể giới thiệu một vài nét về sự ra đời và phát triển của bảo tàng, về nội dung khi tham quan và mục đích phải đạt được trong buổi tham quan. Cũng có thể dự báo cho người xem những phần sẽ xem để họ có thể hình dung được một phần nào nội dung buổi tham quan. Nếu như số người tham quan đông thì phổ biến luôn cả về tổ chức từng đoàn nhỏ và thứ tự từng đoàn sẽ đi.

Giai đoạn hai – tiến hành hướng dẫn tham quan. Đây là giai đoạn chủ yếu nhất. Kết quả của một cuộc tham quan đều tùy thuộc ở giai đoạn này, tức là thể hiện ở sự nỗ lực chung của hai yếu tố: người hướng dẫn và người tham quan. Người hướng dẫn tham quan thu hút sự chú ý của người xem nhằm giúp người xem tiếp thu được nội dung của cuộc tham quan.

Một trong những phương pháp thường được cán bộ hướng dẫn sử dụng nhiều lần nhất là giới thiệu hiện vật trưng bày lần lượt hết hiện vật này đến hiện vật kia có kèm theo những lời giải thích vắn tắt. song, phương pháp này mang lại hiệu quả không cao lắm. Ta biết rằng, trong hoàn cảnh người xem bị ức chế rất lớn việc người hướng dẫn giới thiệu hết thứ này đến thứ kia làm cho người xem tiếp thu một cách hạn chế do đó không nắm được hết nội dung.

Phương pháp dựng lại là phương pháp tốt. Trưng bày của bảo tàng đã chuẩn bị những tài liệu hấp dẫn để dựng lại những sự kiện. Hiện tượng của quá khứ được thể hiện trên trưng bày. Chẳng hạn, khi giới thiệu những công cụ lao động của người nguyên thủy, người hướng dẫn mô tả bằng lời và bằng những động tác của mình có thể làm cho người xem hình dung được bức tranh sinh động xã hội nguyên thủy.

Kể chuyện cũng là một trong những phương pháp có hiệu quả trong hướng dẫn tham quan bảo tàng. Những câu chuyện hấp dẫn thường thu hút sự chú ý người xem.

Ngoài những phương pháp chủ yếu, người hướng dẫn tham quan ở bảo tàng còn sử dụng những phương pháp có liên quan đến xúc giác. Khi một người tham quan xem một hiện vật gốc, được thấy tính chất phức tạp của việc gia công một loại công cụ nào đó của người nguyên thủy, được thấy những hoa văn đồ gốm một cách tinh tế, được chứng kiến kích thước và trọng lượng của một chiếc răng con voi Ma-mút chẳng hạn thì có lẽ suốt đời họ không quên những thứ đó và tất cả những gì liên quan đến nó. Đồng thời trong khi giới thiệu người hướng dẫn sử dụng thơ, tục ngữ, phương ngôn, ca dao v.v... để làm cho lời nói của mình thêm sinh động.

Người hướng dẫn tham quan phải biết chọn cho mình một chỗ đứng thích hợp nhất trong khi giới thiệu. Nếu như người hướng dẫn tham quan đứng quay mặt vào hiện vật, xoay lưng về phía người tham quan thì mối liên hệ có tính chất giao cảm giữa người hướng dẫn và người tham quan không còn nữa, do đó làm mất niềm tin vào người hướng dẫn như một người chỉ giáo và thế là sinh ra nói chuyện riêng, và có một số người tách ra khỏi đoàn đi xem một mình. Nhưng trái lại người hướng dẫn tham quan đứng quay lưng vào tường, mặt quay về người xem thì không có thể chỉ hiện vật một cách chính xác được. ***Hợp lý nhất là người hướng dẫn tham quan đứng ở vị trí sao cho vừa quan sát đối tượng được mình hướng dẫn vừa thấy và chỉ được chính xác các hiện vật trưng bày.*** Người hướng dẫn tham quan tránh đứng trước luồng sáng hoặc đối diện với cửa sổ. Lời nói của người hướng dẫn cũng đặc biệt quan trọng. Ngôn ngữ khi sử dụng phải chính xác,

phải tránh những từ thừa như “thì, mà, là”. Người hướng dẫn tham quan phải nói mạch lạc, rõ ràng. không được phép nói nhanh với một âm điệu đều đều, hoặc là nói rất chậm, ề à. Tất cả những điều đó sẽ làm cho người nghe chóng chán, chóng mệt mỏi tinh thần và thể chất. Người hướng dẫn tham quan phải căn cứ vào nội dung giới thiệu mà điều khiển giọng nói của mình, thể hiện tình cảm giúp cho người tham quan tiếp thu nội dung được tốt.

Nếu người hướng dẫn tham quan làm tốt tất cả những điều đã nói ở trên thì tất nhiên người xem rất thích thú nghe và chăm chú xem, và giữ được trật tự.

Giai đoạn ba – nói chuyện kết thúc:

Thông thường người ta kết thúc một cuộc tham quan bằng cách mời những người tham quan phát biểu nhận thức của mình qua cuộc tham quan, hoặc qua những lời ghi cảm tưởng. Cũng có thể người hướng dẫn kết thúc bằng cách nói những nội dung chủ yếu của cuộc tham quan, hoặc cho đối tượng xem một số phim minh họa hoặc bổ sung thêm cho phần đã xem. Nói chung phải căn cứ vào đối tượng người xem và đặc điểm tâm lý, tuổi tác của họ để lựa chọn giải pháp cho thích hợp và có kết quả nhất.

Nói tóm lại, nghệ thuật hướng dẫn tham quan thể hiện trước hết ở người hướng dẫn tham quan biết trình bày với nội dung phù hợp với người xem, biết tổ chức và động viên người xem. Như vậy trong quá trình người hướng dẫn tham quan phải là người giảng viên, người hướng dẫn và người tổ chức.

2. Công tác tổ chức cuộc tham quan

Do đặc điểm của việc xem bảo tàng, do đặc điểm tâm sinh lý của người giới thiệu và do những thủ thuật, giới thiệu quy định nên số lượng của một đoàn tham quan không nên đông quá 40 người (ở nhiều nước trên thế giới người ta quy định tối đa là 25 người). Đoàn tham quan vượt quá số lượng quy định trên thì chất lượng cuộc tham quan kém hiệu quả. Vì số lượng đông người hướng dẫn tham quan phải nói to không diễn đạt được tình cảm.

Về sổ nhận khách: thông thường một bảo tàng có hai cuốn sổ nhận khách: Một cho khách trong nước, một cho khách nước ngoài. Những bảo tàng có quy mô nhỏ thì sử dụng một cuốn sổ nhận khách cũng được. Có thể đóng sổ theo mẫu sau đây:

Sổ nhận khách trong nước:

Ngày tháng	Họ tên người liên hệ địa chỉ liên lạc	Đề tài tham quan	Thành phần	Số lượng	Người dẫn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

Sổ nhận khách nước ngoài cũng tương tự như sổ nhận khách trong nước nhưng ở cột 4 thay thành phần người tham quan bằng tên nước mà thôi. Sổ này không được giao cho đồng chí thường trực của cơ quan mà do bộ phận làm công tác quần chúng chịu trách nhiệm. Phải cộng số lượt người tham quan hàng tháng. Cuối năm phải tổng kết lại và đánh giá phần trăm từng đối tượng đến tham quan bảo tàng ở cột thành phần. Cột thành phần phải tính tỉ lệ số lượt người đến xem bảo tàng. Nghiên cứu ở cột đó cho ta những hướng tuyên truyền cho các năm sau. Chẳng hạn trong cột thành phần số công nhân đến tham quan bảo tàng chỉ chiếm 10% trong khi đó bộ đội chiếm đến gần một nửa. Qua đó bộ phận hướng dẫn tham quan tìm hiểu những nguyên nhân nào làm cho số lượt người là công nhân tụt xuống để có những hình thức tuyên truyền thích hợp nhằm đưa số lượt người tham quan ở khu vực đó tăng lên. Hàng năm sổ này phải nộp kho lưu trữ của bảo tàng.

Công tác phục vụ người xem lễ. Trong bảo tàng, số lượng người tham quan lễ cũng rất lớn. Đặc biệt trong dịp những ngày lễ lớn, ngày Tết số lượng người tham quan thường tăng hơn. Vì thế việc tổ chức phục vụ khách tham quan cũng là một vấn đề quan trọng đối với bộ phận hướng dẫn tham quan. Những phương tiện một phần nào đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho những người khách lễ đến tham quan bảo tàng. Đó là hệ thống chú thích, nhãn đề cùng với tài liệu chỉ dẫn khác. Những phương tiện đó làm cho khách xem lễ dễ dàng tìm hiểu nội dung trưng bày. Song đây vẫn là những biện pháp có tính thụ động. Tích cực nhất là bộ phận hướng dẫn tham quan của bảo tàng phải cử cán bộ đứng tại chỗ ở những phòng quan trọng để giới thiệu với quần chúng.

Hoặc có thể tập trung tất cả khách lễ vào một phòng chung, ở đấy một cán bộ hướng dẫn giới thiệu lần lượt nội dung chủ yếu của từng phòng trưng bày, sau đó mời khách đi tham quan.

Triển lãm:

Triển lãm là một hình thức quan trọng của công tác quần chúng của các bảo tàng.

Triển lãm được phân ra triển lãm cố định và triển lãm lưu động. Triển lãm cố định được tổ chức trong bảo tàng cũng như ngoài bảo tàng. Tuy rằng các cuộc triển lãm có khi được tổ chức trong bảo tàng nhưng chúng khác với trưng bày bảo tàng những nét rất cơ bản. Nói đến “triển lãm” tức là nói đến khái niệm tạm thời, có thể tháo dỡ đi được. Các cuộc triển lãm cố định sau một thời kỳ mở cửa có thể được chỉnh lý lại để đưa vào hệ thống trưng bày của bảo tàng, hoặc có thể chuyển nó thành triển lãm lưu động dưới một hình thức nhẹ nhàng hơn.

Đề tài của các cuộc triển lãm rất rộng. Đề tài của triển lãm gắn với thời sự, với mục tiêu chính trị của từng thời kỳ

Khi xây dựng một cuộc triển lãm, đặc biệt là triển lãm lưu động, phải tính đến những đặc điểm của địa phương trong khi thể hiện nội dung và hình thức. Tính địa phương phải được thể hiện đậm nét trong cả nội dung lẫn hình thức.

Điều đó đòi hỏi cán bộ khoa học khi xây dựng những bộ triển lãm lưu động về các địa phương phải nghiên cứu đặc điểm của địa phương kết hợp khéo léo giữa cái chung – toàn quốc và cái riêng của địa phương mà đoàn triển lãm đến phục vụ.

Bất kỳ một bảo tàng nào cũng có thể tiến hành triển lãm lưu động được. Một bảo tàng có thể tiến hành những cuộc triển lãm độc lập, hoặc phối hợp giữa các bảo tàng thuộc các loại hình khác nhau, tùy quy mô và mục đích của các cuộc triển lãm đó. Thực tiễn đã chứng minh rằng những cuộc triển lãm phối hợp nhiều cơ quan đã mang lại những kết quả tốt.

Thông thường, các cuộc triển lãm phối hợp nhiều cơ quan khác nhau là những cuộc triển lãm về một đề tài lớn mà bản thân một bảo tàng không thể bao quát hết được. Nó cần các ngành khoa học khác nhau cùng nghiên cứu một đề tài là một việc làm rất tốt.

3. Nói chuyện

Hình thức nói chuyện chiếm một vị trí đáng kể trong công tác quần chúng của các bảo tàng, bảo tàng có một địa bàn rất rộng cho việc tuyên truyền bằng cách nói chuyện.

Tuyên truyền bằng cách nói chuyện là một bộ phận cực kỳ quan trọng của công tác tư tưởng đòi hỏi phải có những kiến thức rộng. Trong buổi nói chuyện, diễn giả không những chỉ có thể sử dụng tài liệu bổ trợ, mà còn sử dụng cả những hiện vật gốc có giá trị bảo tàng. Ta có thể hình dung nó như là một buổi giảng bài có sử dụng cả những hiện vật gốc có giá trị bảo tàng và có sử dụng những giáo cụ trực quan.